TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Digitally signed by TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Date: 2022.04.19 10:54:10 +07'00'

177 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
(84-28) 39 325 234
(84-28) 39 327 341
vrg@rubbergroup.vn
www.rubbergroup.vn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

VRG

Vietnam Rubber Group

- PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG
- VỮNG VÀNG VƯỢT KHÓ
- THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ KÉP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị ____ 4
- Thông tin khái quát ____ 6
- Giới thiệu Tập đoàn ____ 7
- Lịch sử hình thành và phát triển ____ 18
- 10 sự kiện nổi bật năm 2021 ____ 20
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý ____ 26
- Định hướng phát triển ____ 28

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị ____ 32
- Ban Tổng giám đốc ____ 36
- Ban kiểm soát ____ 39

CHƯƠNG III: BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- Thông tin tài chính cơ bản qua các năm ____ 42
- Đánh giá kết quả hoạt động năm 2021 ____ 46
- Định hướng phát triển năm 2022 ____ 48
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc ____ 50
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị ____ 51
- Báo cáo của Ban Kiểm soát ____ 52
- Quản lý rủi ro ____ 57
- Những điểm sáng ____ 60

CHƯƠNG IV: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Chương trình Phát triển bền vững (PTBV): Đạt được nhiều kết quả khả quan ____ 80
- Tập đoàn và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội ____ 82
- "Triển khai thực hiện cam kết phát triển bền vững của VRG gắn với Mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và Liên Hợp Quốc" ____ 84

CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo Tài chính hợp nhất ____ 90-176

CHƯƠNG I

GIỚI THIỆU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM

ÔNG TRẦN CÔNG KHA - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

PHÁT HUY KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THỜI GIAN QUA, TIẾP TỤC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính thưa quý cổ đông!

Trong bối cảnh muôn vàn khó khăn của năm 2021 do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương, cả hệ thống chính trị từ Công ty mẹ - Tập đoàn đến các đơn vị thành viên đã phối kết hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, các địa phương, đoàn kết, thống nhất triển khai nghiêm túc, quyết liệt nhiều biện pháp đồng bộ để phòng chống dịch bệnh hiệu quả, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tiếp tục bảo đảm việc làm, đời sống cho gần 85.000 người lao động toàn Tập đoàn.

Đi qua năm 2021 đầy thách thức, Tập đoàn đã vượt khó thành công, sức khoẻ và đời sống của người lao động được đảm bảo, kết quả sản xuất kinh doanh với hầu hết các chỉ tiêu cốt lõi đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 28.351 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6.213 tỷ đồng, vượt 8,6% so với kế hoạch được giao. Riêng Công ty mẹ - Tập đoàn, tổng doanh thu đạt 3.970 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2.334 tỷ đồng.

Có thể khẳng định, Tập đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kép, vừa đảm bảo phòng chống dịch Covid - 19 vừa kiên trì, bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chấp thuận, đảm bảo lợi nhuận, duy trì việc làm, thu nhập cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Điều đó thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của tập thể Ban lãnh đạo, ban điều hành, tổ đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn, cùng toàn thể người lao động toàn Tập đoàn đã quyết tâm, đồng lòng, đoàn kết, sáng tạo, phát huy truyền thống 92 năm hào hùng của ngành cao su để đạt được thành tích tốt đẹp như hôm nay.

Ngoài sản xuất kinh doanh, Tập đoàn tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Đề án tái cơ cấu Tập đoàn sau cổ phần hóa đến năm 2025. Bao gồm tái cơ cấu tỷ trọng ngành nghề kinh doanh chính, vận hành tốt hoạt động Tập đoàn theo mô hình công ty cổ phần, thoái vốn ở các công ty đủ điều kiện và sắp xếp lại cơ cấu doanh nghiệp để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển và tăng cường hiệu quả quản lý.

Do bị ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, Tập đoàn có quy mô lớn và việc thực hiện cổ phần hóa đồng thời 24 đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn cùng với cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn nên khối lượng công việc lớn. Tập đoàn đã thực hiện phù hợp với quy trình, qui định về việc chuyển doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Ngày 17/12/2021, Tập đoàn đã bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần Công ty mẹ - Tập đoàn cùng 20 công ty TNHH MTV Cao su, 4 đơn vị sự nghiệp, được lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ghi nhận và biểu dương.

Bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ kép, Tập đoàn đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước, nhất là tạo sức bật mạnh mẽ cho ngành cao su Việt Nam. Năm 2021, Tập đoàn tiếp tục có 20 đơn vị thành viên nằm trong Top 100 Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững, trong đó, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai nằm trong Top 10. Tập đoàn được ghi nhận là doanh nghiệp tiên phong có thành tích xuất sắc trong công cuộc phát triển bền vững, gắn liền với 3 trụ cột: Phát triển kinh tế - Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội - Bảo vệ môi trường.

Song song với việc tiếp tục phát huy tốt công tác phòng chống dịch, gần 100% người lao động và gia thuộc toàn Tập đoàn đã được tiêm vaccine Covid-19. Hưởng ứng lời kêu gọi "Toàn dân tham gia ủng hộ phòng chống dịch Covid-19" của Thủ tướng Chính phủ, Tập đoàn đã hình thành Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm chung tay đẩy lùi dịch bệnh, cùng nhau tái thiết, ổn định cuộc sống. Không những vậy, Tập đoàn còn ủng hộ Quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của quốc gia 200 tỷ đồng; cùng hàng trăm tỷ đồng ủng hộ cho các tỉnh và TP.HCM, các địa phương tại nước bạn Campuchia, Lào.

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2022, dự báo vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, tình hình dịch bệnh Covid – 19 vẫn còn diễn biến phức tạp và chưa đoán định được khi nào sẽ kết thúc. Thêm vào đó là những biến động về thị trường giá cả, thời tiết khí hậu thất thường… sẽ tiếp tục là những yếu tố cản trở ít nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

Về phía Tập đoàn, nhận định được những thách thức trước mắt, Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể đối với từng lĩnh vực. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, Tập đoàn xây dựng kế hạch kế hoạch sản lượng khai thác trên 400.000 tấn mủ. Tập trung đầu tư thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng vườn cây. Triển khai thực hiện thí điểm các mô hình trồng cây cao su lấy mủ - gỗ, gỗ - mủ tùy với từng khu vực. Các lĩnh vực khác cũng xây dựng kế hoạch có mức tăng trưởng hơn so với năm 2021. Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị Tập đoàn đã có những định hướng để Tập đoàn tiếp tục phát huy những thành quả đạt được trong năm qua để thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm 2022 để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Tập đoàn, tôi xin gởi lời cảm ơn đến lãnh đạo cơ quan ban ngành TW và địa phương – nơi có các đơn vị trực thuộc Tập đoàn đứng chân, các đối tác và gần 85.000 người lao động đã đóng góp công sức vào sự phát triển của Tập đoàn. Đặc biệt xin được cảm ơn quý cổ đông và các nhà đầu tư đã đồng hành. Chúng tôi mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành và hợp tác của quý vị trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) thành lập từ năm 1975, sau nhiều lần thay đổi mô hình tổ chức và tên gọi; ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Ngày 22/05/2018, Tập đoàn tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, ra mắt TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần (doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác giữ quyền chi phối các Công ty con thông qua chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư kinh doanh, quản lý, điều phối vốn, thương hiệu, thị trường, kiểm soát quy trình, định mức trong toàn Tập đoàn...; trực tiếp kinh doanh và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị thành viên của Tập đoàn gồm các Doanh nghiệp cấp II và Doanh nghiệp cấp III được tổ chức, hoạt động dưới các hình thức Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Liên doanh.

Tên Công ty bằng tiếng Việt:
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên Công ty bằng tiếng Anh: **Viet Nam Rubber Group**

Tên viết tắt: **VRG**

Trụ sở làm việc:
177 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
(84-28) 39 325 234
www.vnrubbergroup.com

Mã cổ phiếu: **GVR**

Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng

MST: 0301266564

Giấy phép ĐKKD:
0301266564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/06/2018.

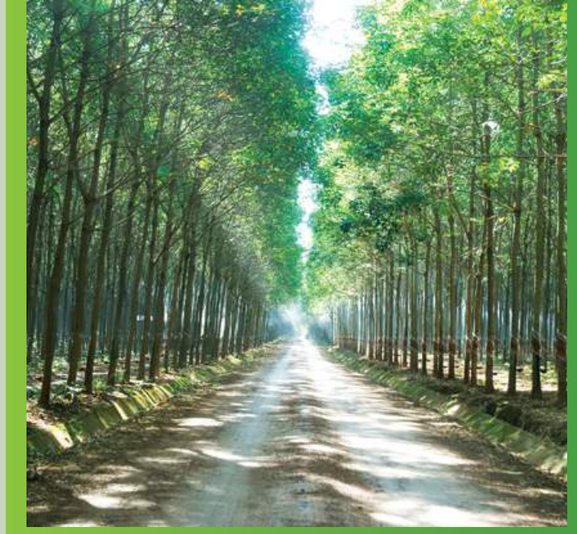

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:

Văn phòng đại diện tại Hà Nội
56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Quảng Ninh
27 Đại lộ Hòa Bình, phường Trần Phú, thị xã Móng Cái,
tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Campuchia
7B, 466 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Campuchia

Văn phòng đại diện tại Lào
Vientiane, Lào

Văn phòng đại diện tại Trung Quốc
12F Liangfeng mansion No. 8 Dongfang Pudong Shanghai,
China PC. 200120

Văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ
1120 Avenue of the America 4 th floor, New York NY 10036 USA

Văn phòng đại diện tại Nga
Moscow-Russia 123056. Gruzinsky Pereulok. 3/201

Văn phòng đại diện tại Ukraine
96 Krasnozvesdny, Kiev City, Ukraine

TẦM NHÌN

TẦM NHÌN

Là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp về hiệu quả, quy mô, chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện môi trường ở Việt Nam, trong khu vực và khẳng định thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường thế giới.

SỨ MỆNH

SỨ MỆNH

Cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước những sản phẩm nông, công nghiệp và dịch vụ có giá cả cạnh tranh, an toàn với người dùng, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội. Xây dựng và phát triển văn hóa Doanh nghiệp: kế thừa, đoàn kết, hài hòa lợi ích và tôn trọng pháp luật. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động có tính cạnh tranh, luôn đổi mới và gắn bó với Doanh nghiệp.

CAM KẾT

CAM KẾT

Thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng; luôn chú trọng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm cao su theo nhu cầu khách hàng; liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế; thực hiện chính sách bán hàng chuyên nghiệp, hậu mãi chu đáo; đề cao uy tín thương hiệu VRG.

Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý và các Quy trình, Quy chuẩn sản xuất để đảm bảo cung cấp các sản phẩm luôn bảo đảm chất lượng, ổn định và bền vững.

Đầu tư phát triển, tổ chức sản xuất trên quan điểm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

Tổng số CP phát hành:

4 tỷ CP

CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Nhà nước ủy quyền	*Tỷ lệ CP nắm giữ (%)*	Cá nhân sở hữu	*Tỷ lệ CP nắm giữ (%)*	Tổng cộng	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Trần Công Kha	1.548.337.127	*38,70843%*	5.100	*0,00013%*	**1.548.342.227**	***38,70856%***
2	Lê Thanh Hưng	774.168.564	*19,35421%*	5.800	*0,00015%*	**774.174.364**	***19,35436%***
3	Huỳnh Văn Bảo	516.112.376	*12,90281%*	5.800	*0,00015%*	**516.118.176**	***12,90295%***
4	Phạm Văn Thành	516.112.376	*12,90281%*	50.000	*0,00125%*	**516.162.376**	***12,90406%***
5	Hà Văn Khương	516.112.376	*12,90281%*	7.300	*0,00018%*	**516.119.676**	***12,90299%***
6	Trần Ngọc Thuận		*0,00000%*	304.700	*0,00762%*	**304.700**	***0,00762%***
7	Phan Mạnh Hùng		*0,00000%*		*0,00000%*	**0**	***0,00000%***
8	Nguyễn Hay		*0,00000%*		*0,00000%*	**0**	***0,00000%***
	Cộng 08 cá nhân	**3.870.842.819**	***96,7711%***	**378.700**	***0,00947%***	**3.871.221.519**	***96,78054%***

CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

STT	Họ và tên	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Trương Minh Trung	7.600	0,00019%
2	Lê Thanh Tú	6.100	0,00015%
3	Trần Thanh Phụng	7.700	0,00019%
	Cộng 03 cá nhân	**21.400**	**0,00054%**

CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

STT	Họ và tên	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Đỗ Khắc Thăng	0	0,0000%
2	Võ Văn Tuấn	1.600	0,00004%
3	Nguyễn Minh Đức	**1.600**	**0,00004%**
	Cộng 03 cá nhân	**3.200**	**0,0002%**

Cổ phần sở hữu của Kế toán trưởng/Người được ủy quyền công bố thông tin:
Ông Phạm Văn Hỏi Em: 2.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00007%

Cổ phần sở hữu của Người phụ trách quản trị:
Ông Nguyễn Cửu Tuệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

1 TRỒNG, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ CAO SU

Mỗi năm Tập đoàn sản xuất bình quân 400.000 tấn cao su. Tuy chỉ chiếm khoảng 30% diện tích và sản lượng cao su cả nước, nhưng Tập đoàn giữ vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy ngành cao su Việt Nam phát triển. Tập đoàn hiện có 58 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế xấp xỉ 608.400 tấn/năm, trang bị máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến. Không chỉ đủ năng lực chế biến hết lượng mủ khai thác, các nhà máy của Tập đoàn còn chế biến và gia công cho cho khối cao su tiểu điền bình quân khoảng 80.000 tấn/năm.

Cơ cấu sản phẩm cao su của Tập đoàn đa dạng, có chất lượng cao và ổn định, phù hợp với nhu cầu thị trường. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn tập trung vào 3 nhóm chủ lực: Cao su định chuẩn kỹ thuật, cao su ly tâm và cao su tờ xông khói. Bên cạnh đó, Tập đoàn đang phát triển sản phẩm cao su thương hiệu Tập đoàn có chất lượng sản phẩm cao hơn, với 381.130 tấn sản phẩm các loại mang thương hiệu Tập đoàn được tiêu thụ trong năm 2021. Chất lượng sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu của Tập đoàn. Các sản phẩm cao su của Tập đoàn luôn đảm bảo chất lượng cao, đồng đều và ổn định, thông qua hệ thống quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt, đạt các tiêu chuẩn khắt khe trong nước và quốc tế. Để quản lý sản xuất chế biến cao su, Tập đoàn đã ban hành 15 tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) và dự kiến trong thời gian tới tiếp tục soát xét 7 TCCS và ban hành mới 5 TCCS. Quy trình kiểm soát chất lượng yêu cầu khi xây dựng nhà máy chế biến phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ, đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và đầu tư phòng quản lý chất lượng đạt chứng nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017 (đạt chứng nhận Vilas). Đến nay Tập đoàn đã có 46 nhà máy chế biến có hệ thống quản lý chất lượng đạt chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 26 Phòng QLCL đạt chứng nhận Vilas. Sản phẩm cao su thiên nhiên Tập đoàn hiện xuất khẩu tới hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và đang tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ. Tập đoàn tự hào là nhà cung cấp sản phẩm cao su cho những khách hàng lớn trên thế giới, như: Goodyear, Bridgestone, Michelin, Yokohama, Kumho, Sailun…

TỔNG DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU NĂM 2021

Tổng diện tích toàn Tập đoàn:

401.877,29

ha

Trong nước: 287.262,28 ha
Nước ngoài: 114.615,01 ha

STT	Khu vực	Vườn cây kinh doanh	Tái canh	Kiến thiết cơ bản	Khác	Tổng diện tích khu vực
1	Đông Nam bộ	91.175,17	5.097,93	51.226,22	10.732,32	158.231,65
2	Tây Nguyên	38.511,38	1.043,88	23.579,43	1.760,57	64.895,24
3	Duyên hải miền Trung	15.566,57	85,31	16.405,42	3.240,02	35.297,31
4	Miền núi phía Bắc	17.476,45		11.034,38	327,26	28.838,09
5	Campuchia	74.684,64		13.067,03	5,37	87.757,04
6	Lào	21.161,39	193,61	4.618,31	884,66	26.857,97

2 CÔNG NGHIỆP CAO SU

Tập đoàn hiện có 5 công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp: Công ty CPCS Bến Thành, Công ty CP VRG Khải Hoàn, Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru, Công ty CP Chỉ sợi Cao su SADO, Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú và sản phẩm lốp xe mang thương hiệu ★★★ VRG.

Các sản phẩm công nghiệp cao su của Tập đoàn hiện nay gồm: Sản xuất lốp xe thương hiệu ★★★ VRG; nệm gối cao su (DORUFOAM); găng tay Khải Hoàn (Vglove); bóng thể thao (Geru Star); chỉ sợi cao su (SADO); dây chuyền băng tải (Cao su Bến Thành)… Các sản phẩm này đã, đang khẳng định được uy tín trên thị trường, được khách hàng trong nước và quốc tế tin cậy.

Găng tay y tế của Tập đoàn năm 2021 sản xuất đạt 1,7 tỷ chiếc, được xuất sang trên 40 nước và vùng lãnh thổ. Các sản phẩm băng tải cao su, dây Courroie, cao su kỹ thuật các loại, nệm - gối cao su, bóng thể thao, chỉ thun có sản lượng ổn định và đang từng bước xây dựng thương hiệu để mở rộng quy mô. Trong năm 2021, mặc dù dịch bệnh tại các Công ty đã gặp nhiều khó khăn nhưng với tinh thần cộng đồng và trách nhiệm với địa phương, Công ty CP VRG Khải Hoàn ngoài hỗ trợ bằng hiện kim đã hỗ trợ hơn 1.100 thùng găng tay y tế và 350 bộ đồ bảo hộ chống dịch.

Riêng sản phẩm lốp xe, Tập đoàn đi theo hướng xây dựng thương hiệu trước lúc thực hiện đầu tư nhà máy, đã phát triển sản phẩm lốp xe tải mang thương hiệu ★★★ VRG, sản phẩm đạt tiêu chuẩn JIS D4230 của Nhật Bản và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7533:2005. Từ năm 2018 đến năm 2021, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ **4.043 bộ** lốp xe tải thương hiệu ★★★ VRG (bao gồm chủng loại 8.25-16 và 9.00-20). Ngoài ra, Tập đoàn đã sản xuất và tiêu thụ 10 chủng loại lốp xe 2 bánh thương hiệu ★★★ VRG với số lượng **31.300 chiếc**. Qua quá trình sử dụng, sản phẩm lốp xe thương hiệu ★★★ VRG được khách hàng đánh giá là sản phẩm có chất lượng tốt, đúng quy chuẩn, đạt chất lượng về độ bám đường, khả năng chống mài mòn, chịu lực và có giá cả hợp lý.

CAO SU ĐỊNH CHUẨN KỸ THUẬT (TSR)

Cao su thiên nhiên dưới dạng khối (cốm) được ép thành hình chữ nhật với trọng lượng và kích cỡ như sau: 670mm x 330mm x170mm và cân nặng 33,3 kg hoặc 35 kg ± 0,5%.

CAO SU TỜ (RSS)

RSS được xếp theo chất lượng giảm dần từ RSS1, RSS2, RSS3, RSS4, RSS5.

CAO SU LY TÂM

Mủ latex cô đặc theo công nghệ ly tâm và tạo kem, mủ ly tâm HA và LA.
Mủ latex ly tâm cô đặc có hàm lượng Protein thấp ULPL HA, ULPL LA.

3

LĨNH VỰC CHẾ BIẾN GỖ

Tập đoàn có thế mạnh và nguồn lực lớn về đất đai để phát triển trồng rừng nguyên liệu. Ngoài ra, với diện tích cao su thanh lý bình quân dao động 10.000 – 12.000 ha/năm, Tập đoàn có lợi thế lớn trong việc đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu để chế biến, sản xuất các sản phẩm gỗ. Những năm qua lĩnh vực chế biến gỗ của Tập đoàn ngày càng được mở rộng về quy mô và doanh thu liên tục tăng. Mặc dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong năm 2021, các đơn vị chế biến gỗ trực thuộc Tập đoàn vẫn đạt được doanh thu hơn 7.264 tỷ đồng và mang lại lợi nhuận hơn 781 tỷ đồng vượt kế hoạch năm đã đề ra.

Trong những năm tới, Tập đoàn tiếp tục tăng công suất các nhà máy chế biến gỗ hiện có, đầu tư các dự án khác; đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm có chứng chỉ, sản xuất những sản phẩm mới phù hợp với khả năng vùng nguyên liệu và thị trường.

Tập đoàn sản xuất được

1.266.412 m³

gỗ các loại

Năm 2021, Tập đoàn sản xuất được 1.266.412 m³ gỗ các loại, tương đương với năm 2020. Trong đó, gỗ phôi sản xuất được 241.216 m³, gỗ ghép tấm sản xuất được 8.585 m³, riêng gỗ tinh chế sản xuất được 12.187 m³ vượt 14% kế hoạch, và MDF- MFB sản xuất được 1.004.424 m³ vượt 6% kế hoạch.

Toàn Tập đoàn tiêu thụ được 1.194.794 m³ gỗ các loại. Trong đó, gỗ phôi 226.943 m³, gỗ ghép tấm 8.665 m³, gỗ tinh chế 12.215 m³, riêng MDF- MFB sản xuất được 946.971 m³.

Tính đến nay, Tập đoàn có

18

nhà máy sản xuất gỗ

(14 nhà máy sơ chế, ghép tấm và tinh chế; 4 nhà máy MDF)

4

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

TẦM NHÌN 2025

TỔNG DIỆN TÍCH KCN

23.444

Ha

Đầu tư phát triển hạ tầng KCN trên đất cao su là một trong 5 ngành nghề chính của Tập đoàn. Đến nay, Tập đoàn đang đầu tư vào 10 công ty hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN như Nam Tân Uyên, Tân Bình, Long Khánh, Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Rạch Bắp, Thống Nhất, VRG Long Thành, Bình Long, Chí Linh... Các KCN đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận rất lớn cho Tập đoàn.

Tập đoàn và các đơn vị đang thực hiện thủ tục đầu tư và mở rộng thêm diện tích 1.734.53 ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 5.666 ha. Năm 2021 là năm tiếp tục đánh dấu hiệu quả của Tập đoàn trong lĩnh vực đầu tư KCN. Hầu hết diện tích đất thương phẩm, nhà xưởng, kho bãi cho thuê, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này đều vượt kế hoạch đề ra.

Trong giai đoạn 2022 – 2025, bên cạnh việc tập trung thực hiện thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư các KCN/CCN đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang xin chấp thuận chủ trương đầu tư với diện tích 2.921 ha (bao gồm 1.734.53 ha đang triển khai thủ tục) thì Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cấp thẩm quyền địa phương và bộ ngành để làm tiền đề cho việc triển khai triển khai phát triển thêm 16.592 ha. Trong đó, Tập đoàn làm chủ đầu tư 10.977 ha tại tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu, các đơn vị đầu tư 5.615 ha. Tổng diện tích phát triển KCN/CCN cho tầm nhìn năm 2025 dự kiến là 23.444 ha.

5

NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng là một định hướng phát triển chiến lược của VRG nhằm tận dụng nguồn đất dồi dào, tăng hiệu quả sử dụng đất. Tập đoàn đã thí điểm chuyển đổi 486 ha trồng chuối nuôi cấy mô tại Cao su Dầu Tiếng, Đồng Phú va Phước Hòa đã khẳng định hiệu quả. Dự kiến, Tập đoàn sẽ tiếp tục chuyển những khu vực có nguồn nước, thuận lợi cơ sở hạ tầng sang lĩnh vực Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 40.000 đến 50.000 ha.

LỊCH SỬ
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1975

Tiền thân là Ban Cao su Nam Bộ, tháng 4 năm 1975 chuyển thành Tổng Cục Cao su thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

1977

Tháng 7 năm 1977 chuyển thành Tổng Công ty Cao su Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp.

1980

Tháng 3 năm 1980 chuyển thành Tổng cục Cao su trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng với hai chức năng: Quản lý Nhà nước về cao su và tổ chức sản xuất cao su.

1989

Năm 1989 chuyển thành Tổng Công ty Cao su trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.

1995

Năm 1995 là Tổng Công ty Nhà nước hạng đặc biệt theo Quyết định 91/TTg.

2006

Chính phủ quyết định thành lập Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2010

Chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2017

Ngày 26/12/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

2018

Ngày 22/05/2018 tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu và hoạt động theo mô Công ty Cổ phần từ 01/06/2018.

2021

Ngày 1/12/2021, Thứ trưởng Bộ NN & PTNT Lê Quốc Doanh ký quyết định số 4689 về việc ban hành Quy trình kỹ thuật cây cao su 2020 của Tập đoàn là Quy trình kỹ thuật cấp quốc gia.

Ngày 17/12/2021, Tập đoàn tổ chức Hội nghị bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần đối với công ty mẹ - Tập đoàn cùng 20 công ty TNHH MTV, 4 đơn vị sự nghiệp.

10 DẤU ẤN NỔI BẬT CỦA VRG NĂM 2021

1. TẬP ĐOÀN HOÀN THÀNH XUẤT SẮC MỤC TIÊU KÉP

Năm 2021 là một năm có nhiều biến động và thách thức do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, thời tiết bất thuận, thị trường cao su, gỗ, công nghiệp cao su, quản lý chuỗi cung ứng ngành cao su đều không thuận lợi, tình hình lao động có nhiều biến động, các cơ chế chính sách còn nhiều bất cập đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Tập đoàn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Tập đoàn quyết tâm nỗ lực và bằng nhiều giải pháp để thực hiện tốt mục tiêu kép theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid – 19 Tập đoàn thường xuyên chỉ đạo, ban hành văn bản kịp thời để chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy định về phòng chống dịch. Tập đoàn đã hình thành Quỹ phòng chống Covid – 19, hệ thống y tế toàn Tập đoàn được đầu tư nâng cấp đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch và khám chữa bệnh. Đến hết năm, toàn bộ người lao động trong Tập đoàn đều đã được tiêm vaccine phòng ngừa Covid – 19.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, các đơn vị trực thuộc đã năng động, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phù hợp với từng thời điểm diễn biến dịch bệnh. Trong điều kiện khó khăn nhưng các đơn vị nỗ lực vươn lên để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, nhất là các đơn vị tại Vương quốc Campuchia và miền núi phía Bắc. Năm 2021 cũng là năm đánh dấu cột mốc quan trọng – kỷ niệm 15 năm Tập đoàn đầu tư, phát triển cao su tại Vương quốc Campuchia và 16 năm đầu tư, phát triển cao su tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được đánh giá thành công.

Kết thúc năm 2021, Tập đoàn đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu kép. Doanh thu, lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn và Công ty Mẹ đều vượt chỉ tiêu đề ra, thu nhập của người lao động cao hơn năm 2020. Cụ thể: Tổng doanh thu hợp nhất ước đạt 29.091 tỷ đồng (vượt 8% so với kế hoạch); Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 6.162 tỷ đồng (vượt 8% kế hoạch); Nộp ngân sách Nhà nước khoảng 3.200 tỷ đồng. Riêng Công ty Mẹ - Tập đoàn đạt tổng doanh thu 3.900 tỷ đồng (vượt 3% kế hoạch), tổng lợi nhuận 2.160 tỷ đồng (vượt 5% kế hoạch).

2. TỔ CHỨC THÀNH CÔNG CHUỖI HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM 92 NĂM TRUYỀN THỐNG NGÀNH CAO SU VIỆT NAM (28/10/1929 - 28/10/2021); RA MẮT SÁCH LỊCH SỬ CAO SU VN NHẰM PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG HÀO HÙNG, NGHĨA TÌNH GẮN BÓ CỦA NGÀNH CAO SU

Trong tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, Tập đoàn đã tổ chức thành công chuỗi hoạt động ý nghĩa hướng đến Kỷ niệm 92 năm truyền thống ngành cao su Việt Nam. Đặc biệt phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh hoàn thành cuốn sách Lịch sử Cao su Việt Nam. Tổ chức Lễ kỷ niệm 92 năm truyền thống ngành tại 2 điểm cầu chính của Tập đoàn, Bình Phước và các điểm cầu trên cả nước, Lào, Campuchia để ôn lại truyền thống hào hùng của ngành cao su Việt Nam. Đồng thời cổ vũ, động viên khích lệ người lao động trong toàn Tập đoànphát huy truyền thống ngành, ra sức thi đua, nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. ỦNG HỘ 200 TỶ ĐỒNG VÀO QUỸ VACCINE QUỐC GIA VÀ HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VÀ TẠI LÀO, CAMPUCHIA PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID - 19

VRG ủng hộ 200 tỷ đồng cho Quỹ Vaccine phòng chống Covid-19 quốc gia

Là một trong những tập đoàn kinh tế lớn của cả nước, những năm qua Tập đoàn được lãnh đạo Trung ương, các Bộ, ngành đánh giá là doanh nghiệp có những đóng góp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng… Nhận thức được vai trò của doanh nghiệp trong việc chung tay cùng cộng đồng phòng chống dịch bệnh, tại lễ ra mắt Quỹ vaccine phòng, chống Covid-19 quốc gia, Tập đoàn đóng góp và ủng hộ 200 tỷ đồng cho Quỹ vaccine phòng Covid – 19 quốc gia.

Song song đó, Tập đoàn và Công đoàn Cao su Việt Nam còn hỗ trợ hàng tỷ đồng cho các tỉnh thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid - 19 như: Bình Dương, Hà Tĩnh, Gia Lai, Quảng Nam, Lai Châu, Sơn La… và các địa phương tại Lào, Campuchia, nơi các thành viên VRG đứng chân và chăm lo tốt nhất cho người lao động.

4. BÀN GIAO DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Tổ chức thực hiện công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định của Đảng và Nhà nước và được Ủy ban Quản lý vốn (UBQLV) Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt quyết toán tài chính, tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí chi trả chế độ cho NLĐ dôi dư, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty Mẹ - Tập đoàn chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định 243/QĐ – UBQLV ngày 14 tháng 6 năm 2021.

Ngày 17/12/2021, Tập đoàn long trọng tổ chức Hội nghị thực hiện bàn giao doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần đối với Công ty Mẹ - Tập đoàn cùng 20 Công ty TNHH MTV cao su, 4 đơn vị sự nghiệp, với tham dự và chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Hoàng Anh - Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Chủ tịch UBQLV Nhà nước tại doanh nghiệp và đại diện của các Bộ, ngành Trung ương. Sự kiện này được UBQLV Nhà nước tại doanh nghiệp xác định là một trong 10 sự kiện quan trọng năm 2021 trong hoạt động của UBQLV Nhà nước tại doanh nghiệp, điều này khẳng định quá trình cổ phần hóa Tập đoàn đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

5. VỀ TRƯỚC KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG CAO SU SỚM NHẤT; QUY TRÌNH KỸ THUẬT CÂY CAO SU ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ QUY TRÌNH CẤP QUỐC GIA

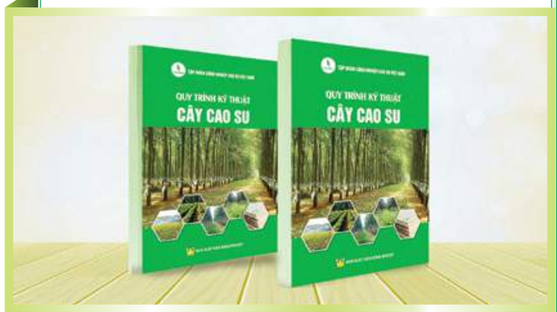

Tập đoàn xây dựng kế hoạch sản lượng năm 2021 là 377.717 tấn mủ. Tính đến ngày 15/12, toàn Tập đoàn đã khai thác được 377.722 tấn mủ, đạt 100% kế hoạch sản lượng, về trước kế hoạch 16 ngày. Năm 2021, Tập đoàn khai thác được 402.917 tấn (vượt 25.200 tấn), đạt 106,2% kế hoạch, năng suất bình quân đạt 1,57 tấn/ha/năm. Đây là năm Tập đoàn về trước kế hoạch sản lượng sớm nhất trong vài năm trở lại. Có 58 đơn vị hoàn thành vượt kế hoạch sản lượng 2021 trong đợt phát động thi đua nước rút cuối năm.

Trong năm 2021, Tập đoàn đã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, lấy ý kiến các cơ quan quản lý Nhà nước về nông lâm nghiệp và 17 Sở NN & PTNT các tỉnh có diện tích trồng cao su để đề nghị góp ý, đóng góp cho Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020, đồng thời thành lập Hội đồng khoa học để thẩm định quy trình. 9 thành viên trong Hội đồng đều thống nhất cao việc Tập đoàn đề nghị Bộ NN&PTNT công nhận quy trình cấp Quốc gia. Ngày 1/12/2021, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Lê Quốc Doanh đã ký quyết định số 4689 về việc ban hành Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020 của Tập đoàn là Quy trình kỹ thuật cấp Quốc gia. Đây là cơ sở kinh tế, kỹ thuật quan trọng trong công tác quản lý sản xuất và là cơ sở pháp lý để tiếp tục đề xuất các cơ quan chức năng xem xét các cơ chế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

6. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIẾP TỤC ĐẠT KẾT QUẢ NỔI BẬT: TRÊN 70.000 HA ĐẠT CHỨNG CHỈ PEFC; 20 ĐƠN VỊ ĐẠT TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

Năm 2021 là năm thứ ba thực hiện Chương trình Phát triển bền vững của Tập đoàn giai đoạn 2019 – 2024. Nổi bật là tiến trình tái kết nối với FSC vẫn được tiếp tục vì có ý nghĩa quan trọng, tác động tích cực đến thương hiệu của Tập đoàn. Tập đoàn đã triển khai bước đầu về phương pháp luận làm cơ sở xây dựng lộ trình cụ thể vào năm 2022. Kết quả nổi bật khác là toàn Tập đoàn có 15 thành viên đã xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững trên 200.925 ha (69,7% tổng diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam). Trong đó, 12 thành viên được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế (VFCS/PEFC-FM) trên 70.031 ha cao su và được chứng chỉ quốc tế PEFC-CoC cho 22 nhà máy chế biến mủ cao su.

Việc thực hiện danh hiệu "Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam" năm 2021 của Tập đoàn đã đạt thành tích xuất sắc, cao hơn 2 năm trước với 20 công ty thành viên được xếp vào Top 100, gồm: Cao su Phú Riềng, Bình Long, Dầu Tiếng, Tân Biên, Phước Hòa, Tây Ninh, Đồng Phú, Đồng Nai, Lộc Ninh, Hoà Bình, Bình Thuận, Bà Rịa, Kon Tum, Chư Păh, Chư Prông, Chư Sê, Bến Thành, KCN Tân Bình, Gỗ Thuận An, Gỗ MDF VRG Quảng Trị. Trong đó, TCT Cao su Đồng Nai là đơn vị thành viên đứng trong Top 10 và là 1 trong 5 doanh nghiệp được vinh danh xuất sắc tôn trọng và thúc đẩy quyền trẻ em trong kinh doanh năm 2021. Công ty CP Cao su Bến Thành là 1 trong 5 doanh nghiệp được vinh danh xuất sắc thực hiện bình đẳng giới tại nơi làm việc.

7. GIÁ MỦ CAO SU VÀ GIÁ CỔ PHIẾU GVR ỔN ĐỊNH Ở MỨC CAO; LÀ 1 TRONG 50 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TỐT NHẤT NĂM 2021

Năm 2021, do thị trường cung cầu cao su thế giới diễn biến thuận lợi, giá cao su tiếp tục ổn định ở mức cao, tăng 27% so với năm 2020. Ước tính năm 2021, toàn Tập đoàn tiêu thụ trên 480.000 tấn mủ cao su, trong đó hơn 40% là hợp đồng dài hạn. Nhờ vậy đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các đơn vị và chăm lo tốt đời sống người lao động.

Giá cao su cũng tác động tích cực đến cổ phiếu của các doanh nghiệp sản xuất cao su trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra lợi thế của lĩnh vực đầu tư hạ tầng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên đất cao su của Tập đoàn và các đơn vị thành viên có nhiều triển vọng… cũng góp phần giúp trị giá cổ phiếu GVR và các đơn vị thành viên giữ ổn định ở mức cao.

Tập đoàn là 1 trong 50 công ty niêm yết tốt nhất lần thứ 9 do Forbes Việt Nam công bố trong tháng 12/2021. 50 công ty này ghi nhận kỷ lục mới về tăng trưởng lợi nhuận sau thuế. Tổng lợi nhuận sau thuế các công ty trong danh sách đạt 174.510 tỷ đồng, tăng 25,8% so với danh sách công bố năm 2020. Năm 2021, giá cổ phiếu bình quân của Tập đoàn giao dịch ước khoảng trên 32.000đồng/cổ phiếu, vốn hóa thị trường trên 130.000 tỷ đồng. Đặc biệt, có thời điểm giá cổ phiếu giao dịch đạt trên 42.000 đồng/cổ phiếu và vốn hóa thị trường trên 160.000 tỷ đồng.

8. TẬP ĐOÀN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG

Lãnh đạo VRG tham gia Gala Gương sáng biên cương do Tập đoàn và Báo Thanh Niên phối hợp tổ chức

Tập đoàn ký kết quy chế phối hợp và hợp tác truyền thông với Báo Nông nghiệp

Tập đoàn ký kết đồng hành cùng Báo Người Lao động trong chương trình Cờ Tổ quốc biên cương

Tập đoàn ký kết hợp tác với Báo Tuổi Trẻ

Trong năm qua, Tập đoàn đã có nhiều hoạt động hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí nhằm tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, tuyên truyền về các hoạt động của Tập đoàn trên các phương tiện truyền thông đại chúng, phối hợp với một số báo đài thực hiện công tác an sinh xã hội vì cộng đồng được đánh giá cao. Cụ thể: Phối hợp thực hiện công tác an sinh xã hội với Hội Nhà báo TPHCM; Đồng hành cùng Báo Người lao động trong chương trình "Cờ Tổ quốc biên cương"; Tham gia chương trình "Gương sáng biên cương" của Báo Thanh Niên; Ký kết hợp tác truyền thông năm 2022 với Báo Thanh Niên; Ký kết phối hợp và hợp tác truyền thông với Báo Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2022 – 2024 và nhiều hoạt động phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương để thực hiện tốt công tác truyền thông về Tập đoàn và những đơn vị thành viên.

9. TIẾP TỤC CHĂM LO TỐT ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Dịch bệnh Covid – 19 đã ảnh hưởng đến đời sống, việc làm và thu nhập của NLĐ. Trước tình hình đó, ban lãnh đạo VRG và Công đoàn Cao su Việt Nam (CĐ CSVN) xác định phải đảm bảo an toàn, sức khỏe và việc làm cho gần 85.000 người lao động để người lao động ổn định cuộc sống. Năm 2021, thu nhập của người lao động trong toàn ngành ước đạt hơn 8,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 13% so với năm 2020 nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, doanh thu, lợi nhuận đảm bảo. Bên cạnh đó, lãnh đạo Tập đoàn và CĐ CSVN đã kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt quy định các cấp về việc kịp thời hỗ trợ cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19 và người lao động tham gia tuyến đầu chống dịch.

CĐ CSVN tiếp tục phát huy tốt vai trò của tổ chức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, đồng hành cùng doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống của người lao động. Trong năm 2021, CĐ CSVN đã tổ chức hiệu quả các hoạt động trong Tháng Công nhân, kịp thời thăm hỏi, động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Khen thưởng nhiều tập thể, cá nhân xuất sắc trong lao động sản xuất. Phát động có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước… góp phần vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chung của Tập đoàn.

10. TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG ĐIỀU HÀNH, TIẾT GIẢM CHI PHÍ, ĐẢM BẢO PHÒNG CHỐNG DỊCH

Tập đoàn đã tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất và quản trị. Vì vậy, mặc dù dịch Covid – 19 hạn chế việc đi lại giữa các tỉnh thành, quốc gia nhưng nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng trực tuyến, Tập đoàn vẫn đảm bảo việc điều hành, chỉ đạo các đơn vị thành viên và tổ chức nhiều hội nghị, hội họp hàng năm bằng hình thức trực tuyến. Hệ thống trực tuyến được hình thành đồng bộ từ Tập đoàn đến các đơn vị cơ sở. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị đã đảm bảo được yêu cầu cấp thiết của công việc, góp phần tiết giảm chi phí và đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid – 19 theo quy định.

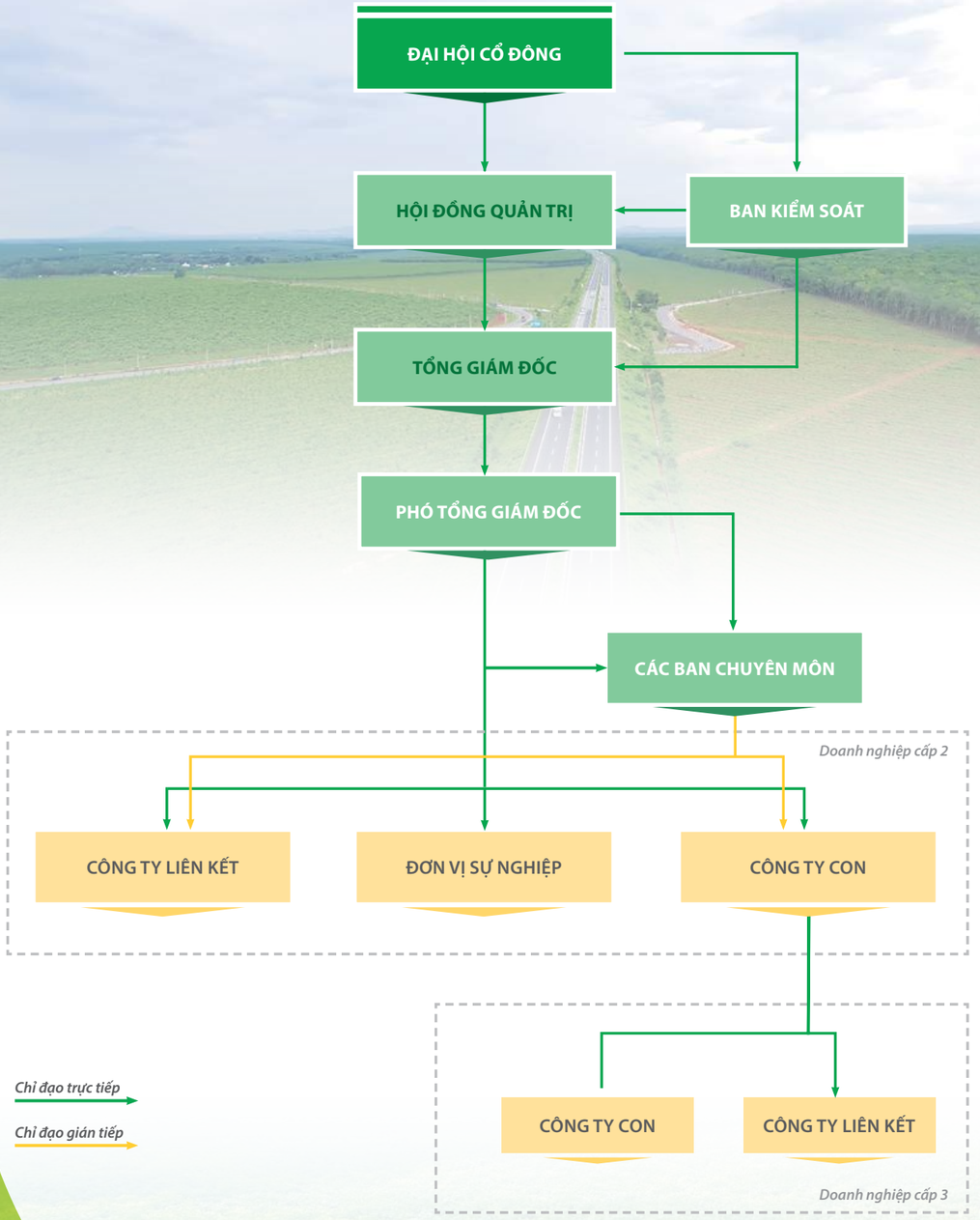

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

Tại ngày 31/12/2021, Tập đoàn có một trăm lẻ một (101) Công ty con

Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết *(Xem chi tiết tại trang 104)*

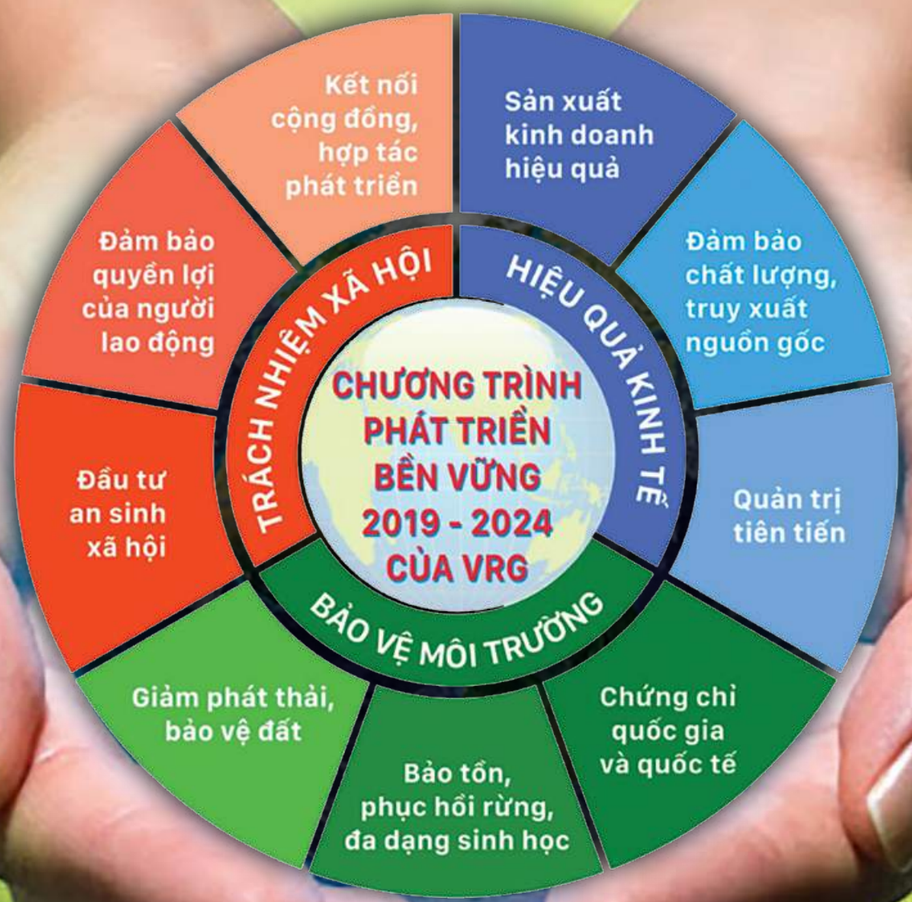

The green pathway to growth and sustainability: Sustainable management of rubber plantations

Viet Nam Rubber Group[1]

[1][Email: vrg@rubbergroup.vn; https://vnrubbergroup.com]

VRG

ECONOMIC DEVELOPMENT

ENVIRONMENTAL PROTECTION

CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY (CSR)

- With almost **1,000,000 ha** rubber plantations, Viet Nam is one of the world's largest natural rubber producers. However, sustainable natural rubber productions are still the most critical challenges for rubber stakeholders.
- Viet Nam Rubber Group (VRG) is the largest natural rubber producer, with over **410,000 ha** located in Viet Nam, Laos, and Cambodia. VRG is always aware of the responsibility for a sustainable enterprise; VRG's efforts demonstrate an excellent example in promoting rubber sustainability.
- VRG is the leading enterprise in implementing the Viet Nam Forest Certification Scheme (VFCS) and PEFC (Programme for the Endorsement of Forest Certification) certificates in the rubber sector. in 2021, about **70,000 ha** rubber plantations and 22 natural rubber processing factories were certified under PEFC-CoC standards; another **60,000 ha** will be certified by the end of 2022 .
- In economic terms, VRG rubber plantations have an average yield of **1,56 ton/ha/year**, which is much higher than the global average yield, through the focusing on R&D and innovative solutions, especially: new high yielding rubber clones; advanced techniques in harvesting and soil protection; intercropping and Integrated Disease Management.
- VRG pays attention to environmental values by applying the best practices to reduce significant carbon emissions: increasing the use of organic fertilizers; installing solar power systems for rubber factories; developing new processing process to reduce **40%** of electric usage and DO oil; using biological waste treatment; and reusing **1.5 million m^3/year** (25% of total water usage) of treated wastewater.
- VRG demonstrates the social responsibilities and has meaningful contributions to society by improving the living conditions of VRG workers and surrounding communities (infrastructure and health care facility improvement; job and income creation).
- VRG strongly considers the sustainable development as the green pathway of the future and business growth; VRG looks forward to sharing the best practices and the importance of industry sustainability leadership.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

ÔNG TRẦN CÔNG KHA

Chủ tịch HĐQT

Vị trí: Chủ tịch HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1974
Học vấn: Tiến sĩ Kinh tế

Ông LÊ THANH HƯNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Vị trí: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1966
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

ÔNG TRẦN NGỌC THUẬN

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1960
Học vấn: Kỹ sư Cơ khí Nông nghiệp

Ông HUỲNH VĂN BẢO

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1963
Học vấn: Cử nhân Kinh tế

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG HÀ VĂN KHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1970
Học vấn: Thạc sĩ Khoa học nông nghiệp

Ông PHẠM VĂN THÀNH

Thành viên HĐQT

Vị trí: Thành viên HĐQT
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1962
Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

Ông PHAN MẠNH HÙNG

Thành viên HĐQT độc lập

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1962
Học vấn: Cử nhân QTKD,
Cử nhân Văn khoa

Ông NGUYỄN HAY

Thành viên HĐQT độc lập

Vị trí: Thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm: 12/1/2022
Năm sinh: 1959
Học vấn: Giáo sư, Tiến sĩ
ngành Cơ khí - Động lực

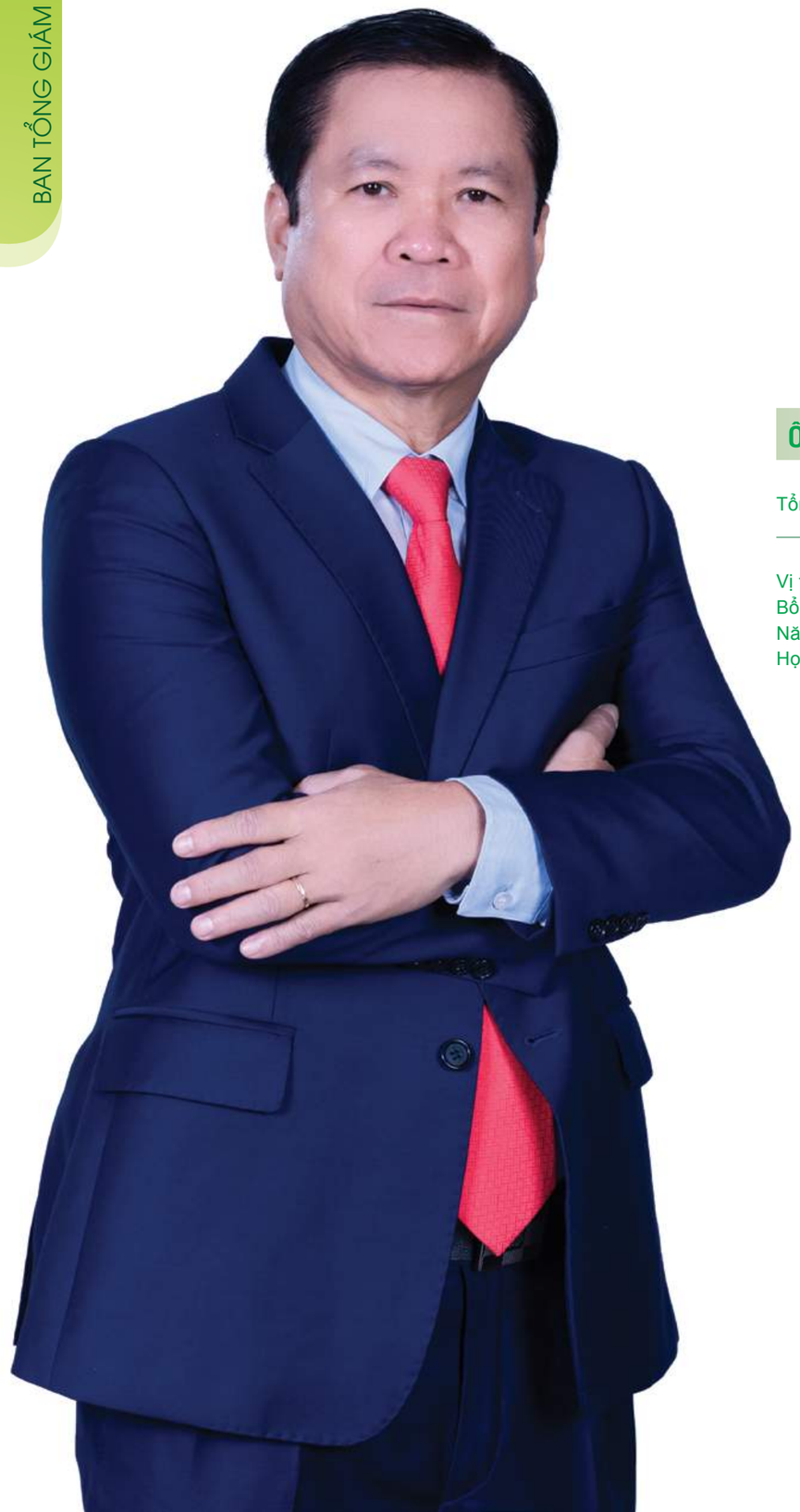

Ông LÊ THANH HƯNG

Tổng giám đốc

Vị trí:	Tổng giám đốc
Bổ nhiệm:	12/1/2022
Năm sinh:	1966
Học vấn:	Thạc sĩ Kinh tế

Ông TRƯƠNG MINH TRUNG

Phó Tổng giám đốc

Vị trí:	Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm:	01/06/2018
Năm sinh:	1968
Học vấn:	Thạc sĩ QTKD

Ông TRẦN THANH PHỤNG

Phó Tổng giám đốc

Vị trí:	Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm:	18/02/2020
Năm sinh:	1968
Học vấn:	Thạc sĩ QTKD

ÔNG LÊ THANH TÚ

Phó Tổng giám đốc

Vị trí:	Phó Tổng giám đốc
Bổ nhiệm:	01/10/2018
Năm sinh:	1963
Học vấn:	Cử nhân TCKT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông ĐỖ KHẮC THĂNG

Trưởng ban Kiểm soát

Vị trí:	Trưởng ban Kiểm soát
Bổ nhiệm:	12/1/2022
Năm sinh:	1963
Học vấn:	Thạc sĩ QTKD

ÔNG NGUYỄN MINH ĐỨC

Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Vị trí:	Kiểm soát viên
Bổ nhiệm:	12/01/2022
Năm sinh:	08/12/1984
Học vấn:	Kỹ sư xây dựng

ÔNG VÕ VĂN TUẤN

Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Vị trí:	Kiểm soát viên
Bổ nhiệm:	12/01/2022
Năm sinh:	19/07/1971
Học vấn:	Thạc sĩ Nông nghiệp

CHƯƠNG III

BÁO CÁO CỦA
BAN LÃNH ĐẠO

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN QUA CÁC NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
Tổng doanh thu	28.351	25.874	22.873	22.683	22.212
Lợi nhuận trước thuế	6.213	5.911	4.655	4.252	4.707
Lợi nhuận sau thuế	5.340	5.076	3.833	3.334	3.935

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 5 năm gần đây

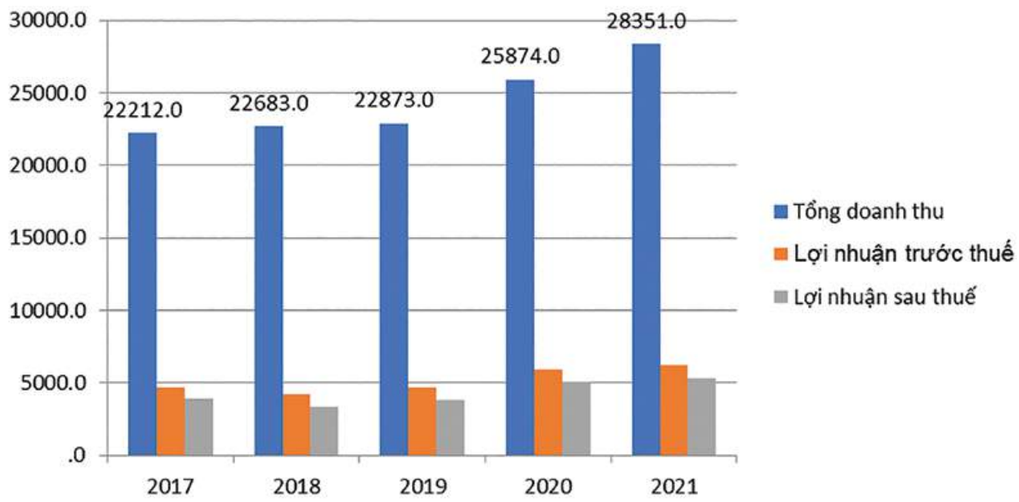

Tuy có nhiều khó khăn trong thời điểm bị ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài nhưng Tập đoàn duy trì ổn định doanh thu và lợi nhuận. Tổng doanh thu và thu nhập; lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn lần lượt là 28.351 tỷ đồng và 6.213 tỷ đồng tăng lần lượt 9,57% và 5,10% so với cùng kỳ năm 2020.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

1. Cơ cấu tài sản và tổng nguồn vốn:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tăng (giảm) %	Tại ngày 31.12.2019	Tại ngày 31.12.2018
Tổng tài sản	**79.014**	**80.278**	**2,24**	**78.517**	**77.308**
Tài sản ngắn hạn	22.769	22.167	5,21	21.070	18.414
Tài sản dài hạn	56.245	58.111	11,56	57.447	58.894
Tổng nguồn vốn	**79.014**	**80.278**	**2,24**	**78.517**	**77.308**
Tổng nợ phải trả	27.074	28.847	3,32	27.920	27.739
Nợ ngắn hạn	10.867	11.015	13,29	9.728	10.046
Nợ dài hạn	16.207	17.832	(1,98)	18.192	17.693
Vốn chủ sở hữu	51.940	51.431	1,65	50.597	49.569

- Vốn bằng tiền:

Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh mang lại, Công ty luôn duy trì giá trị vốn bằng tiền ở mức cao và quản lý dòng tiền một cách có hiệu quả và an toàn. Chính sách quản lý rủi ro được thiết lập để đảm bảo rằng các khoản tiền gửi kỳ hạn ở mức an toàn cao và linh hoạt để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Tập đoàn tại mọi thời điểm.

- Về tài sản:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tổng tài sản của Tập đoàn đạt 79.014 tỷ đồng bằng 98,4% so đầu năm.
Tài sản dài hạn của Tập đoàn chủ yếu là các vườn cây cao su, các nhà máy chế biến và giá trị của các khu công nghiệp. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tập đoàn, chiếm 71,2% tổng tài sản.

- Về nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả tại ngày cuối năm 2021 là 27.074 tỷ đồng, bằng 93,9% so với đầu năm và chiếm tỉ lệ 34,3% trên tổng nguồn vốn, một tỷ lệ thấp. Tập đoàn giám sát chặt chẽ các khoản nợ phải trả, đặc biệt là nợ vay ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn và sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp ở ngưỡng phù hợp.

- Tổng nợ cuối năm giảm 6,1% so với đầu năm, trong khi tổng tài sản chỉ giảm 1,6% so với đầu năm. Điều này nói lên là các đơn vị thành viên của Tập đoàn đã huy động các nguồn lực nội tại để trả nợ vay và các khoản nợ khác làm tổng nợ giảm đáng kể so với mức độ giảm của Tổng tài sản.

- Về cơ cấu tổng nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019	Tại ngày 31.12.2018	Tại ngày 31.12.2017
Vốn chủ sở hữu	65,74%	64,07%	64,44%	64,12%	64,49%
Nợ ngắn hạn	13,75%	13,72%	12,39%	12,99%	14,06%
Nợ dài hạn	20,51%	22,21%	23,17%	22,89%	21,45%

Cơ cấu vốn tại ngày 31.12.2021

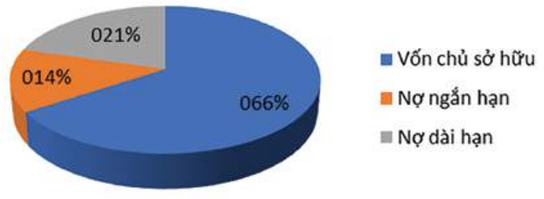

So sánh với đầu năm

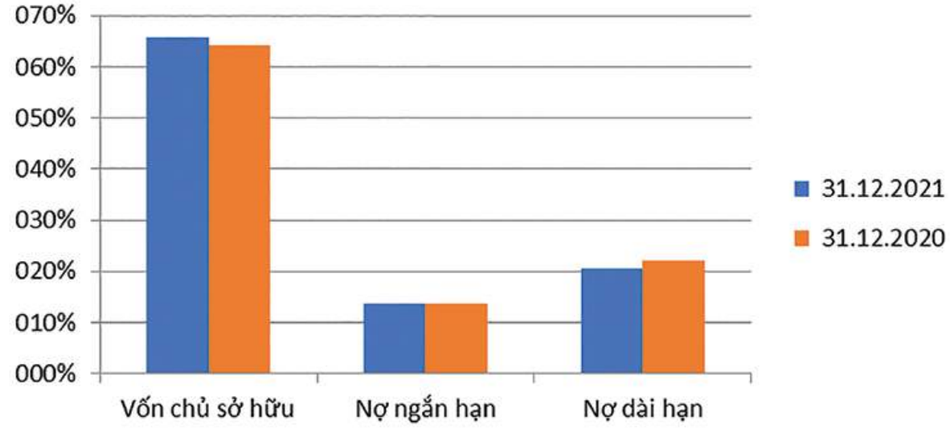

Vốn chủ sở hữu chiếm hơn 65,74% trong cơ cấu tổng nguồn vốn, cho thấy Tập đoàn tận dụng tối đa nguồn vốn sẵn có của mình để phát triển sản xuất kinh doanh, việc vay mượn được cân nhắc và chọn lọc sao cho tối thiểu hóa chi phí liên quan và không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các chỉ số tài chính của Tập đoàn.

Trong năm Vốn chủ sở hữu tăng 1,67% so với đầu năm sau khi đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông và tỷ lệ nợ dài hạn giảm, cho thấy việc bảo toàn vốn và kiểm soát nợ vay của Tập đoàn ở mức tốt.

2. Khả năng thanh toán và cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31.12.2021	Tại ngày 31.12.2020	Tại ngày 31.12.2019	Tại ngày 31.12.2018	Tại ngày 31.12.2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,10	2,01	2,16	1,83	1,64
Hệ số thanh toán nhanh	1,78	1,48	1,81	1,51	1,30
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)					
Tỷ số nợ / với vốn chủ sở hữu	0,52	0,56	0,55	0,56	0,55
Tỷ số nợ / tổng tài sản	0,34	0,36	0,36	0,36	0,36

Hệ số thanh toan và hệ số nợ cuối năm so với đầu năm

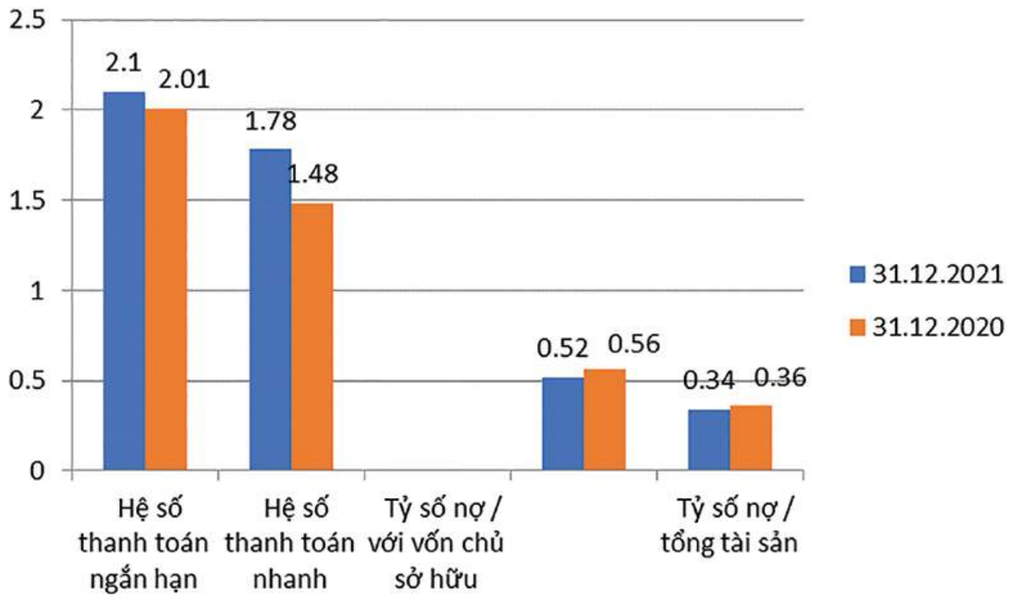

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn của Tập đoàn điều có hệ số lớn hơn 1, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh và khả năng đáp ứng tốt việc thanh toán các khoản nợ phải trả.

Tỷ số nợ so với vốn chủ sở hữu điều nhỏ hơn 1, Tập đoàn luôn ưu tiên việc sử dụng nguồn lực tự có để thực hiện đầu tư, kiểm soát nợ phải trả ở mức an toàn, sử dụng đoàn bẩy tài chính phù hợp, đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số thanh toán nợ cuối năm cải thiện đáng kể so với đầu năm, trong khi hệ số nợ trên tài sản và vốn chủ sở hữu giảm càng thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn tốt hơn so với đầu năm và thể hiện việc cẩn trọng, công tác quản trị tài chính luôn được Tập đoàn xuyên suốt xem trọng.

3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	18,83%	19,61%	19,35%	14,7%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	10,28%	9,87%	7,59%	6,7%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	6,76%	6,32%	4,88%	4,3%

So sánh giữa năm 2021 với cùng kỳ năm trước

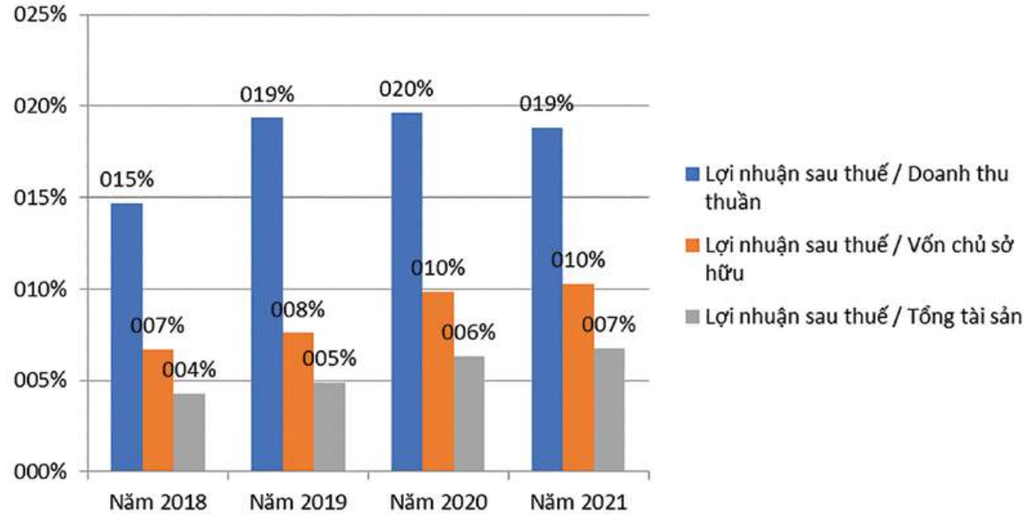

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần có giảm so với cùng kỳ năm 2020 là do doanh thu thuần năm 2021 tăng so với năm 2020, trong khi lợi nhuận có mức tăng tương đối thấp hơn cùng kỳ.

Các chỉ số đánh giá khả năng sinh lời còn điều tăng so với cùng kỳ năm 2020, Tập đoàn đã và đang tiếp tục rà soát các nguồn lực để tập trung phát triển những ngành nghề chính có tỷ suất lợi nhuận cao và bền vững trong dài hạn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Năm 2021, trong bối cảnh khó khăn chung nhưng các đơn vị đều có sự nỗ lực, vươn lên để khắc phục khó khăn và có những tăng trưởng nhất định. Trong đó phải kể đến khối các công ty cao su đã có một năm khá thành công trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, giúp Tập đoàn về trước kế hoạch sản lượng sớm nhất từ trước đến nay. Bên cạnh đó, các ngành nghề khác cũng đã "vượt bão" Covid – 19 để thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần vào thắng lợi chung của Tập đoàn.

CÁC NGÀNH NGHỀ ĐỀU CÓ SỰ TĂNG TRƯỞNG NHẤT ĐỊNH

1. Khối các công ty cao su

Dịch bệnh Covid – 19 đã tác động nặng nề đến các ngành nghề, trong đó có các công ty cao su. Do đặc thù công nhân sản xuất trên địa bàn rộng, bảo đảm giãn cách theo quy định nên trừ một vài trường hợp cá biệt, không có ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng theo kế hoạch, tác động chủ yếu là tăng chi phí phát sinh từ phòng chống Covid-19, một số vật tư đầu vào tăng đột biến hoặc cung ứng không đúng tiến độ, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và việc vận chuyển khó khăn làm tăng chi phí vận chuyển, hàng bán chậm. Tuy nhiên các đơn vị đã nỗ lực, xây dựng các kịch bản điều hành sản xuất phù hợp với tình hình chống dịch của địa phương. Nhờ đó, năm 2021 là năm Tập đoàn về trước kế hoạch sản lượng sớm nhất và đạt được những mốc son trong lĩnh vực nông nghiệp.

Sản lượng khai thác toàn Tập đoàn đạt trên 390.000 tấn, đạt 105% kế hoạch, tăng hơn 20.000 tấn so với năm 2020. Thu mua đạt trên 95.000 tấn đạt 125% kế; Tiêu thụ khoảng 478.000 tấn, đạt 107% kế hoạch năm; với giá bán khá tốt so với kế hoạch, việc gia tăng của sản phẩm cao su đã bù đắp được sự sụt giảm doanh thu lợi nhuận từ việc không thu được tiền đền bù, hỗ trợ khi trả đất cho địa phương, giảm diện tích thu hoạch mủ cao su, giúp khối các các công ty cao su doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch được giao

2. Chế biến gỗ

Là mảng kinh doanh bị tác động khá mạnh, đầu năm các công ty gỗ không có đơn hàng, tuy nhiên không tổ chức được việc thu hoạch gỗ do giãn cách xã hội, các tháng cuối năm tình hình có cải thiện hơn nên sản lượng gỗ cao su đạt khá thấp, gỗ phôi chỉ đạt 74% kế hoạch tương đương 228.000 m3, riêng MDF ít lệ thuộc vào thời vụ thu hoạch gỗ nguyên liệu nên vẫn đạt xấp xỉ 100% kế hoạch tương đương 1.010.000 m3, vượt 35% công suất thiết kế các nhà máy. Mảng gỗ MDF do hàng nhập khẩu tăng chi phí vận chuyển nên giá khá tốt, đã giúp ngành gỗ đạt các chỉ tiêu

3. Công nghiệp Cao su

Các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp đều bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19, một số nhà máy phải ngừng hoạt động tỷ lệ chỉ đạt từ 70% đến 90% kế hoạch. Tuy nhiên nhờ sản phẩm băng tải và nhất là găng tay y tế giá khá tốt đã giúp cải thiện hiệu quả của lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su với lợi nhuận vượt xấp xỉ 20%.

4. Khu Công nghiệp

Lĩnh vực đầu tư hạ tầng trên đất cao su của Tập đoàn năm 2021 gặp vô vàn khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, nhiều nhà đầu tư nước ngoài không trực tiếp đến Việt Nam tìm hiểu và tham khảo nên các Khu công nghiệp không thể cho thuê đất mới. Thêm vào đó, các doanh nghiệp đang thuê đất gặp phó khăn được miễn, giãn, hoãn tiền thuê đất là ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động. Nhu cầu thị trường tăng, giá cho thuê tăng, Tập đoàn đang hoàn chỉnh các hồ sơ để trình phê duyệt, mở rộng các Khu công nghiệp.

5. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NN ƯDCNC)

Tính đến năm 2021, Tập đoàn đã phê duyệt thực hiện 2 dự án NN ƯDCNC tại Cao su Phước Hòa, Cao su Đồng Phú và 13 dự án NN ƯDCNC với tổng diện tích 4.370 ha. Đến nay, các đơn vị thành viên đã thực hiện được 5 dự án chiếm 38,4% tổng số dự án được chấp thuận. Các loại cây đầu tư rất đa dạng như: chuối, sachi, dưa lưới, bưởi da xanh, các loại cây có múi khác… kể cả chuỗi sản phẩm sau thu hoạch. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại cây chuối vẫn là cây chủ lực với 403 ha chiếm 82,9% và mít 83 ha chiếm 17,1%. Theo thống kê của VRG, lợi nhuận cố định khi thực hiện trồng cây NN ƯDCNC thu được trong khoảng từ 25 – 30 triệu/ ha/năm ngay từ năm thực hiện đến hết thời gian dự án mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh.

ÔNG LÊ THANH HƯNG - TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

PHÁT TRIỂN TẬP ĐOÀN TRÊN BA TRỤ CỘT: KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn kiên định phát triển bền vững trên ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội – Môi trường. Bằng việc xác định mục tiêu trong năm 2022, ngay từ đầu năm Ban Tổng giám đốc đã xây dựng các kịch bản điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn. Đồng thời trong từng lĩnh vực cũng đề ra những giải pháp cụ thể nhằm quyết liệt thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Với vai trò là một tập đoàn kinh tế Nhà nước quy mô lớn, Tập đoàn có nghĩa vụ cùng các cơ quan ban ngành, địa phương phấn đấu khai thác hiệu quả tiềm năng hiện có, xây dựng kế hoạch có tăng trưởng so với năm 2021 và quyết tâm tập trung hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022.

Ngoài sản xuất kinh doanh, Tập đoàn tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ tái cơ cấu Tập đoàn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Đề án tái cơ cấu Tập đoàn sau cổ phần hóa đến năm 2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt; bao gồm tái cơ cấu tỷ trọng ngành nghề kinh doanh chính, vận hành tốt hoạt động Tập đoàn theo mô hình công ty cổ phần, thoái vốn ở các công ty đủ điều kiện và sắp xếp lại cơ cấu doanh nghiệp để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển và tăng cường hiệu quả quản lý.

Tập đoàn tiếp tục phát triển trên nền tảng 3 trụ cột: kinh tế - môi trường – xã hội, thực hiện tốt chương trình phát triển bền vững, phát triển có trách nhiệm với xã hội; tiếp tục nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn bao gồm phát triển sản xuất kết hợp với phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, sử dụng người lao động dân tộc, không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn.

Ban Tổng giám đốc Tập đoàn đã xây dựng các giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Chủ động xây dựng nhiều phương án để thích ứng với điều kiện về dịch bệnh còn nhiều phức tạp, trên nguyên tắc đảm bảo an toàn cao nhất cho người lao động và hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh:

- Tiếp tục hoàn thành tiêm mũi 3 và mũi tăng cường theo quy định của ngành Y tế và thực tế từng địa phương; có kịch bản để duy trì ở mức cao nhất hoạt động sản xuất kinh doanh nhất là ở các đơn vị sử dụng nhiều lao động, môi trường sản xuất nhiều khả năng lây nhiễm; phát huy hiệu quả nhất quỹ phòng chống Covid của Tập đoàn để hỗ trợ về điều kiện phòng trị bệnh ở các đơn vị thành viên và đời sống vật chất, tinh thần của người lao động;

- Tiếp tục có giải pháp thích hợp để bảo đảm nguồn lao động cho các công ty cao su nhất là các đơn vị ở các khu kinh tế trọng điểm, bị tranh chấp nguồn lao động với Khối công nghiệp, dịch vụ.

- Đẩy mạnh việc trồng xen, trồng luân canh, hợp tác phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây nguyên liệu gỗ … để tăng hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng các tiêu chí về phát triển bền vững.

- Có dự báo tình hình thị trường kịp thời để có giải pháp linh hoạt về tiêu thụ, tồn kho, khách hàng, giá bán… để bảo đảm lợi nhuận kế hoạch và dòng tiền của hoạt động kinh doanh.

- Bảo đảm khả năng cung ứng nguyên liệu cao su ngành công nghiệp cao su trong nước phát triển và xuất khẩu, gỗ cao su nguyên liệu và gỗ MDF cho ngành chế biến gỗ; thực hiện tốt vai trò chuyển giao kỹ thuật, dẫn dắt thị trường đối với các lĩnh vực Tập đoàn đang chiếm tỷ trọng lớn, có thế mạnh.

- Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến sâu như: Bóng thể thao, chỉ sợi, găng tay y tế…

- Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường vào sản xuất, kinh doanh và quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả của các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào mang tính đặc trưng của ngành cao su như phong trào Luyện tay nghề - Thi thợ giỏi, phong trào Lao động sáng tạo, phong trào Thi đua nước rút… Có những phần thưởng xứng đáng đối với cá nhân, tập thể xuất sắc trong phong trào thi đua nhằm khích lệ, động viên người lao động.

- Phát huy truyền thống 93 năm ngành cao su Việt Nam, chung sức, đoàn kết, vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2022 và những năm tiếp theo, xây dựng Tập đoàn phát triển bền vững.

DỰ KIẾN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

Chỉ tiêu hợp nhất:

- Doanh thu và thu nhập khác: 29.707 tỷ đồng (105% so thực hiện năm 2021).
- Lợi nhuận trước thuế 6.480 tỷ đồng, (104% so thực hiện năm 2021).

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn:

- Doanh thu và thu nhập khác: 4.460 tỷ đồng (12,34% so với thực hiện năm 2021)
- Lợi nhuận trước thuế: 2.300 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH

Năm vừa qua, tất cả các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh trên cả nước đều gặp phải những trở ngại, thách thức nhất định của đại dịch Covid – 19. Tuy nhiên, kết thúc năm 2021, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tự hào về những thành quả đạt được trong việc thực hiện mục tiêu kép. Tập đoàn đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021. Kết quả này có sự đóng góp không nhỏ trong công tác điều hành, quản lý, năng động, sáng tạo và kịp thời của Ban Tổng giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ CÓ NHIỀU NỖ LỰC TRONG VIỆC ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ KÉP

Căn cứ quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc, Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Theo sự điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã xây dựng, triển khai có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc, trao đổi và phối hợp chặt chẽ trong việc định hướng, chỉ đạo công việc thông qua các cuộc họp hàng quý và khi được yêu cầu để có những chỉ đạo kịp thời, cụ thể trong từng trường hợp.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổng giám đốc luôn chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh để xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị. Song song đó, Tổng giám đốc và Ban điều hành luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh, chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành quản lý. Đồng thời có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để có những chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 của Tập đoàn, tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung của các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt hệ thống tổ chức kiểm soát và quản lý kiểm soát rủi ro của Tập đoàn, thực hiện đầy đủ, phù hợp việc lập và công bố thông tin báo cáo tài chính quý, năm theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Tập đoàn đề nghị Ban Tổng giám đốc tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, năng động, sáng tạo và linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để tiếp tục đưa Tập đoàn gặt hái được những thành tựu mới.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN

CÁC CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH PHẢI TĂNG TRƯỞNG 5 - 10% SO VỚI NĂM 2021

Năm 2022 theo dự báo tiếp tục là một năm khó khăn, nhất là đối với hoạt động khai thác mủ cao su, lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất Tập đoàn. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn phải xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai có hiệu quả, tăng trưởng 5 – 10% so với năm 2021.

Năm 2022 là năm bản lề trong kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, lãnh đạo Tập đoàn xác định trong bất kỳ hoàn cảnh nào đều phải tổ chức sản xuất hiệu quả, chống dịch Covid – 19 thật tốt và quan trọng nhất là chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động. Với vai trò là một tập đoàn kinh tế Nhà nước quy mô lớn, Tập đoàn có nghĩa vụ cùng các cơ quan ban ngành, địa phương phấn đấu khai thác hiệu quả tiềm năng hiện có, xây dựng kế hoạch có tăng trưởng so với năm 2021 và quyết tâm tập trung hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 qua công tác quản lý giá thành đối với sản phẩm cao su và phát huy tối đa hiệu quả những ngành nghề, sản phẩm mà Tập đoàn có lợi thế.

Do vậy để thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra, Ban Tổng giám đốc cần chủ động xây dựng nhiều phương án để thích ứng với điều kiện về dịch bệnh còn nhiều phức tạp, trên nguyên tắc đảm bảo an toàn cao nhất cho người lao động và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. phát huy hiệu quả Quỹ phòng chống Covid – 19 của Tập đoàn để hỗ trợ về điều kiện phòng trị bệnh ở các đơn vị thành viên và đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Quyết liệt trong việc thực hiện Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021 – 2025. Sắp xếp mô hình tổ chức sản xuất, xây dựng phương án quản lý tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả ở các đơn vị thành viên phù hợp đặc thù từng vùng miền và trong giai đoạn khó khăn của dịch bệnh.

Tập đoàn tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển bền vững trên nền tảng 3 trụ cột: Kinh tế - Xã hội – Môi trường. Nâng cao diện tích vườn cây, nhà máy đạt các chứng chỉ rừng bền vững quốc tế FSC, PEFC/VFCS-FM, chuỗi hành trình sản phẩm Coc… Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết hợp hài hòa phát triển kinh tế với nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và an ninh quốc phòng trong phạm vi tổ chức sản xuất của Tập đoàn. Tiếp tục áp dụng các biện pháp trong quản lý và kỹ thuật để tăng năng suất, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Thành viên	Chức vụ
1	**Ông Đỗ Khắc Thăng**	Trưởng Ban kiểm soát
2	**Ông Trần Khắc Chung**	Thành viên BKS
3	**Ông Giang Hoa Vũ**	Thành viên BKS

Trong năm 2021, Ban kiểm soát thực hiện 04 kỳ họp theo qui định, số lượng thành viên Ban kiểm soát tham dự họp: 03 người đạt 100%.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn và quy định của pháp luật hiện hành như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Tập đoàn để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Thẩm định báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

- Thực hiện Báo cáo tổng kết năm 2020 của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2021 và Thẩm định Báo cáo hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Tập đoàn.

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần: Đã thực hiện và gởi Báo cáo thẩm định cho HĐQT Tập đoàn.

- Giám sát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn; việc xây dựng. ban hành và tổ chức thực hiện các Quy chế, Quy định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tập đoàn; các Thông báo, Quyết định điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu của Đại hội cổ đông 2021.

- Giám sát công tác Lao động tiền lương năm 2020; xây dựng kế hoạch lao động, kế hoạch đào tạo năm 2021.

- Giám sát công tác cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, tái cơ cấu các đơn vị thành viên.

- Giám sát tình hình mua và sử sụng phân bón tại một số đơn vị.

- Giám sát hoạt động kinh doanh mủ cao su tại công ty mẹ Tập đoàn.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường của Tập đoàn theo đúng quy định của Luật Chứng khoán; của Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM và các văn bản pháp luật liên quan.

- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tập đoàn gồm 07 Chương và 27 Điều để công bố thông tin và trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2021.

- Tham gia rà soát Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn, dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Tập đoàn và Quy chế hoạt động của HĐQT để Tập đoàn trình ĐHCĐ bất thường năm 2021.

- Thực hiện giám sát trực tuyến tình hình hoạt động SXKD năm 2021 một số đơn vị Khu vực Tây nguyên, Khu vực Tây Bắc. Ban kiểm soát đã phát hành các kết luận giám sát gởi các đơn vị và Lãnh đạo Tập đoàn để chỉ đạo đơn vị thực hiện.

- Các công tác khác.

III. KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021

Trong năm 2021, Tập đoàn đã thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Kết quả kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn (số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỉ lệ TH/KH (%)
	Hợp nhất toàn Tập đoàn			
1	Doanh thu	26.914	28.351	105,34
2	Lợi nhuận sau thuế	4.564	5.340	117,00
	Riêng Công ty mẹ			
1	Doanh thu	3.799	3..970	104,50
2	Lợi nhuận sau thuế	2.059	2.334	113,35
3	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (4%)	1.600	1.600	100

+ Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021 (Hợp nhất) đạt 5.340 tỷ đồng (đạt 117% so với kế hoạch năm).

+ Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021 (Công ty mẹ) đạt 2.334 tỷ đồng (đạt 113,35% so với kế hoạch năm).

+ Tỷ lệ cổ tức dự kiến 4%: 1.600 tỷ đồng (đạt 100% so với kế hoạch năm).

Năm 2021 tiếp tục là một năm bị ảnh hưởng chung dịch covid19; giá bán mủ cao su vẫn thấp đầu năm; một số cơ chế chính sách vẫn chưa hoàn thiện khi Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đã 04 năm. Tuy nhiên, do sự chỉ đạo đúng đắn, quyết liệt và kịp thời của Lãnh đạo Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên về SXKD và về phòng chống covid19 cùng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV Tập đoàn nên kết quả năm 2021 Tập đoàn đã thực hiện vượt các chỉ tiêu khá cao như trên.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính. Thẩm định số liệu trong báo cáo tài chính năm 2020 và báo cáo tài chính năm 2021

2.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020:

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Tập đoàn và đã được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 25/06/2021 theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐCSVN.

2.2 Thẩm định Báo cáo tài chính Riêng năm 2021:

Báo cáo tài chính riêng cho chu kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán do Ban điều hành Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - Công ty cổ phần cung cấp. Báo cáo tài chính được sử dụng để thẩm định đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

2.2.1 Công tác hạch toán kế toán:

Việc hạch toán trên báo cáo quyết toán tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành cũng như các quy định, các văn bản pháp quy, các hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Trên cơ sở kiểm tra cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ảnh trung thực tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

2.2.2 Thẩm định số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính:

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo quyết toán tài chính riêng đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét thông tin tại báo cáo số 250.322.003/BCTC.HCM ngày 25 tháng 3 năm 2022 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a) Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn:

Tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn như sau:

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**4.553.571.392.299**	**4.992.945.164.002**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	646.721.075.534	574.629.969.923
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.025.795.397.161	2.464.232.410.861
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.728.656.225.226	1.827.472.722.807
IV. Hàng tồn kho	51.094.444.714	26.718.186.130
V. Tài sản ngắn hạn khác	101.304.249.664	99.891.874.281
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**39.140.717.831.882**	**38.838.012.348.981**
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.468.736.572.278	2.201.761.505.761
II. Tài sản cố định	113.361.880.573	116.526.737.196
III. Tài sản dở dang dài hạn	1.213.590.909	838.000.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	36.554.719.874.692	36.516.327.110.428
V. Tài sản dài hạn khác	2.685.913.430	2.558.995.596
TỔNG TÀI SẢN	**43.694.289.224.181**	**43.830.957.512.983**
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	**428.638.346.121**	**483.344.721.026**
I. Nợ ngắn hạn	318.979.780.891	342.171.539.888
II. Nợ dài hạn	109.658.565.230	141.173.181.138
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**43.265.650.878.060**	**43.347.612.791.957**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	931.490.791.957	384.238.385.077
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.334.160.086.103	2.963.374.406.880
TỔNG NGUỒN VỐN	**43.694.289.224.181**	**43.830.957.512.983**

b) Một số chỉ tiêu đánh giá dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2021:

- Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid 19 tiếp tục bùng phát khó dự báo ảnh hưởng xấu tới hoạt động hoạt động SXKD chung của cả nước và Tập đoàn. Tuy nhiên Tập đoàn đã nỗ lực và đạt doanh thu 3.970.095.513.356 đồng, đạt 104.50% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 33,39%, doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm 66,47%.

- Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh là 2.334.160.086.103 đồng, thực hiện đạt 113,35% kế hoạch năm.

- Tập đoàn đã bảo toàn vốn cổ đông năm 2021: Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2021 là 40.931.490.791.957 đồng; vốn chủ sở hữu góp là 40.000.000.000.000 đồng. Hệ số bảo toàn vốn H > 1. Tập đoàn đã bảo toàn được vốn của cổ đông.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 14,12 lần. Hệ số nằm ở mức khá cao. Khả năng thanh toán nhanh, xử lý các khoản nợ ngắn có mức an toàn cao, tự chủ trong hoạt động tài chính. Tập đoàn hiện đang hoàn toàn chủ động được về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và tài chính, đảm bảo thanh toán nhanh từ nguồn tiền mặt và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn hiện có.

- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản ROA là 5,34 %. Sau 4 năm chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Tập đoàn đã ổn định tổ chức, hoạt động đã có hiệu quả. Việc đầu tư, sử dụng và khai thác tài sản có hiệu quả.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 thấp hơn so với năm 2020. Tuy nhiên, nguyên nhân chính là do năm 2020 Tập đoàn có khoản thu từ việc thoái vốn trong năm, lợi nhuận được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là 1.242,58 tỷ đồng. Năm nay, Tập đoàn không phát sinh khoản lãi thanh lý từ các khoản đầu tư này.

- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE là 5,84%. Việc sử dụng vốn chủ sở hữu có hiệu quả, đã mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, đã cho thấy việc chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức cổ phần phát huy hiệu quả tốt. Năm 2021 vốn chủ sở hữu tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh đã mang lại 5,84 % lợi nhuận sau thuế, thấp hơn năm 2020. Tuy nhiên, nguyên nhân chính là do năm 2020 Tập đoàn có khoản thu từ việc thoái vốn trong năm, lợi nhuận được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là 1.242,58 tỷ đồng như trên.

3. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

3.1. Gíam sát đối với Hội đồng quản trị

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị của Tập đoàn trong năm 2021, các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị tuân thủ theo Điều lệ và các quy định của chủ sở hữu.

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo quy định. Trong các phiên họp Hội đồng Quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng Quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh, đầu tư, công tác sau cổ phần hóa theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/ 2021 Tập đoàn đã tiến hành thực hiện các thủ tục bàn giao tài sản và các nguồn lực từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, đánh dấu hoàn thành cơ bản công tác cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn cùng 20 công ty TNHH MTV và 04 đơn vị sự nghiệp theo qui định. Đây là kết qủa có ý nghĩa rất lớn của Tập đoàn.

3.2. Giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp theo quy định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và các công tác sau cổ phần hóa, quyết liệt và kịp thời.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành và tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động của Ban kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện hoạt động của Ban. Ban Kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp của Ban lãnh đạo Tập đoàn, đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các việc ban hành chủ trương; quyết định và công tác quản trị; điều hành phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Tập đoàn.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2021

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn.

2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn.

3. Gíam sát việc xây dựng kế hoạch và đăng ký các chỉ tiêu hoạt động SXKD của Tập đoàn.

4. Thẩm định các báo cáo tài chính bán niên và năm theo qui định.

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn và một số đơn vị thành viên.

6. Các vấn đề khác khi cần thiết.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trải rộng trên nhiều địa bàn kể cả ở nước ngoài, một số sản phẩm chiếm thị phần lớn ở thị trường trong nước. Vì vậy, có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Các nhóm rủi ro sau được phân loại và đánh giá có khả năng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững và chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn, do đó được tập trung theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các biện pháp đề phòng quản lý rủi ro một cách hợp lý

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ và thay đổi các chính sách pháp luật. Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật dân sự, Luật đất đai, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật có liên quan. Các văn bản Luật và hướng dẫn dưới Luật hiện đang có nhiều bất cập và trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Tập đoàn.

Nhằm đảm bảo tính tuân thủ khi có sự thay đổi trong các chính sách pháp luật và quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn đã xây dựng bộ phận pháp chế luôn thường xuyên cập nhật các thay đổi về luật pháp và các ảnh hưởng pháp lý nếu có, ngoài ra từng bộ phận chuyên môn được giao nhiệm vụ cập nhật, nguyên cứu các vấn đề pháp lý liên quan có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn để kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Tập đoàn để xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Phần lớn sản phẩm chính của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn xuất khẩu hoặc là nguyên liệu cho sản phẩm xuất khẩu, giá cả các sản phẩm có sự liên thông chặt chẽ với thị trường thế giới và biến động thường xuyên; chịu sự tác động của các quỹ đầu tư hàng hóa, các thông tin về biến động kinh tế, chính trị, quân sự… của thế giới. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến khả năng tiêu thụ, lợi nhuận, dòng tiền…. và khả năng thu hồi vốn đầu tư. Một số sản phẩm được tiêu thụ vào một vài thị trường nhất định là tiềm ẩn rủi ro trong chiến lược kinh doanh lâu dài.

Tập đoàn đã và đang triển khai hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả và ứng dụng Khoa học – Kỹ thuật - Công nghệ để nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm trong tất cả các đơn vị trực thuộc Tập đoàn. Tập đoàn đã và

luôn kiểm soát việc đầu tư theo chiến lược có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, không đầu tư dàn trải, chi phí đầu tư đảm bảo ở mức phù hợp để có giá thành đủ sức cạnh tranh để duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu cho Tập đoàn trong tình huống giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động mạnh. Việc áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro như hợp đồng mua bán kì hạn, hợp đồng mua bán dài hạn ký với các đối tác lớn với giá cố định trước đang được áp dụng.

Việc phát triển sản phẩm cao su mang thương hiệu VRG đã được Tập đoàn triển khai đã và đang sử dụng thống nhất thương hiệu này cho tất cả các sản phẩm mủ cao su được các đơn vị thành viên của Tập đoàn sản xuất, để mở rộng việc nhận dạng thương hiệu của Tập đoàn trên toàn cầu và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.

Ngoài sản phẩm chính là mủ, gỗ cao su, nhằm tận dụng lợi thế sẵn có, Tập đoàn đã và tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm để giúp Tập đoàn luôn có lợi nhuận đảm bảo ở mức phù hợp của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngành kinh doanh cho thuê khu công nghiệp, hạ tầng, công nghiệp sản xuất các sản phẩm cuối cùng từ gỗ đang được mở rộng sẽ mang lại tỷ suất lợi nhuận cao, góp phần vào việc duy trì và phát triển tỷ suất lợi nhuận của Tập đoàn.

RỦI RO TỶ GIÁ

Việc biến động của tỷ giá ngoại tệ so với đồng Việt Nam luôn được Tập đoàn xem là một trong những vấn đề cần phải giám sát và quản lý để có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp, đề phòng những ảnh hưởng có thể khi những biến động lớn về tỷ giá có thể xảy ra, dù rằng trong những năm gần đây, đồng tiền Việt Nam không biến động nhiều so với các loại đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là đồng đô la Mỹ và luôn nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước. Mặt khác, hoạt động nhập khẩu của Tập đoàn chiếm tỷ trọng không đáng kể, nên nguồn thu từ xuất khẩu có thể giúp Tập đoàn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá.

RỦI RO VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Là một Tập đoàn hoạt động chính trong lĩnh vực nông nghiệp một trong những ngành nghề chính là trồng, khai thác chế biến mủ cao su nên thời gian triển khai từ lúc bắt đầu dự án cho đến khi hoàn thành và có sản phẩm thường là 7 năm. Trong các công tác triển khai bao gồm thực hiện thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường, khai hoang, trồng trọt, xây dựng, chăm bón cây… Các vướng mắc nảy sinh trong bất cứ khâu nào đều có thể ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai toàn dự án, làm chậm tốc độ quay vòng vốn, ảnh hưởng chất lượng cây trồng và sản lượng thu hoạch, tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên, với nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án ở từng khu vực và ngành nghề khác nhau, Tập đoàn luôn chủ động trong kế hoạch triển khai các dự án của mình. Việc triển khai dự án không thực hiện dàn trải mà được chia ra thành từng giai đoạn, từng dự án thành phần, theo khả năng nguồn vốn nên việc quay vòng vốn kinh doanh không bị ảnh hưởng cho từng dự án riêng lẻ.

RỦI RO TỰ NHIÊN VỐN CÓ

Ngành kinh doanh nông nghiệp luôn gắn liền với thiên nhiên, điều kiện thời tiết thay đổi, dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn…các rủi ro này luôn tiềm ẩn và có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn đã và đang tăng cường công tác giám sát, đề phòng dịch bệnh có thể xảy ra cho cây trồng. Viện nghiên cứu cao su, bộ phận kỹ thuật của Tập đoàn được đào tạo từ các trường có uy tín trong và ngoài nước có thể đảm bảo việc dự đoán, phòng ngừa và trị các loại dịch bệnh nếu có xảy ra. Bên cạnh đó, các đơn vị Tập đoàn được quán triệt tinh thần đề phòng và bảo đảm tài sản khi có sự cố xảy ra. Tùy từng loại hình hoạt động, các loại tài sản được mua bảo hiểm đầy đủ và phù hợp cho từng loại rủi ro.

RỦI RO LÃI SUẤT

Dù sử dụng nguồn vốn vay khá thấp, Tập đoàn vẫn chịu rủi ro về lãi suất theo những thay đổi của lãi suất thị trường do các khoản vay chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Tuy trong bối cảnh điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ hiện nay có thể đánh giá mức rủi ro lãi suất là không lớn để có thể làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn, Tập đoàn vẫn đang tập trung quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn. Ngoài ra, việc thực hiện cơ cấu lại nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của từng dự án phù hợp với từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh đang được Tập đoàn rà soát để có thể điều chỉnh cho phù hợp.

NHỮNG ĐIỂM SÁNG

HOÀN THÀNH XUẤT SẮC MỤC TIÊU KÉP

Các công ty khu vực Đông Nam bộ

"Anh cả" dẫn đầu trên mọi "mặt trận"

Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép, nhiều chỉ tiêu tăng trưởng vượt bậc, các công ty khu vực Đông Nam bộ xứng danh là lá cờ đầu toàn diện.

Ông Nguyễn Ngọc Cảnh - Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trao Cờ thi đua của Ủy ban cho TCT Cao su Đồng Nai

Tăng trưởng ổn định

Linh hoạt vượt khó, với nhiều giải pháp quản lý khoa học, cùng với sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể người lao động hăng say thi đua lao động sản xuất, các công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Cao su Phú Riềng tiếp tục "thắng lớn" khi về trước kế hoạch sản lượng 30 ngày.

"Năm 2021, công ty khai thác 25.000 tấn mủ (vượt 17% kế hoạch, tương đương 3.700 tấn), 15 năm liên tiếp công ty nằm trong Câu lạc bộ 2 tấn của Tập đoàn, năng suất vườn cây đạt 2,27 tấn/ha; thu mua đạt 11.000 tấn (vượt 37,5% kế hoạch). Tổng sản lượng tiêu thụ 32.000 tấn; giá bán bình quân 41,6 triệu đồng/tấn; tổng doanh thu trên 1.602 tỷ đồng (vượt 9,7% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế trên 487,5 tỷ đồng (vượt 1,5% kế hoạch); nộp ngân sách trên 141 tỷ đồng (vượt 7,6% kế hoạch). Ổn định đời sống và thu nhập hơn 5.000 lao động, thu nhập bình quân trên 130 triệu đồng/người/năm (trên 11 triệu đồng/người/tháng)" – ông Lê Tiến Vượng – Bí thư Đảng ủy, TGĐ Cao su Phú Riềng cho biết.

Với việc hoàn thành kế hoạch sản lượng trước 11 ngày, TCT Cao su Đồng Nai được lãnh đạo Tập đoàn thưởng 100 triệu đồng. Đây là thành tích nổi bật của TCT trong vài năm trở lại đây.

Ông Nguyễn Văn Thắng – Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐTV TCT, cho biết: "Năm 2021, TCT đã thực hiện vượt các chỉ tiêu đề ra, nhất là thực hiện chăm lo tốt nhất đời sống người lao động, thu nhập bình quân người lao động đạt 10,9 triệu đồng/người/tháng, các chế độ, chính sách khác được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Vì tình hình dịch bệnh trên địa bàn rất phức tạp, do đó TCT gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, TCT đã có nhiều giải pháp đột phá trong điều hành quản lý. Đồng thời phát huy hiệu quả của phong trào thi đua, khen thưởng kịp thời và xứng đáng cho các tập thể, cá nhân xuất sắc, từ đó đã thúc đẩy người lao động phấn đấu trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần giúp TCT hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kép".

Lãnh đạo VRG trao Cờ thi đua của VRG cho các tập thể xuất sắc của Cao su Phú Riềng

Theo báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty khu vực Đông Nam bộ - khu vực chủ lực trong thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Tập đoàn và cũng là khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong "bão" Covid – 19 thì kết quả hoạt động năm 2021 rất tốt. Các chỉ tiêu về sản lượng, giá bán và thu nhập của người lao động đều cao hơn so với năm 2020, đó là một thành quả nổi bật trong giai đoạn khó khăn do dịch bệnh.

Trong tình hình khó khăn chung do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, Ban lãnh đạo Cao su Bình Long đã năng động, sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành, xây dựng nhiều kịch bản điều hành sản xuất trong từng giai đoạn phù hợp với tình hình chống dịch của địa phương và của Tập đoàn. Bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, công ty tiếp tục đạt được những thành tích mới trong chương trình phát triển bền vững. Đồng thời bảo vệ sức khỏe và chăm lo tốt đời sống của người lao động .

Tổng doanh thu công ty đạt được trong năm 2021 hơn 1.115 tỷ đồng (vượt gần 25% kế hoạch). Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 251 tỷ đồng, vượt 27%. Nộp ngân sách Nhà nước gần 105 tỷ đồng. Trong tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, công ty đã tổ chức sản xuất an toàn, hiệu quả, đảm bảo việc làm và thu nhập cho 3.606 người lao động. Thu nhập bình quân người lao động đạt gần 11 triệu đồng/người/tháng. Trong năm, công ty giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động kịp thời, đúng quy định. Giải quyết chế độ độc hại cho người lao động hơn 13 tỷ đồng. Duy trì bữa ăn giữa ca cho người lao động với mức 20.000đ/bữa, tổng giá trị thực hiện gần 19 tỷ đồng. Trang cấp vật tư bảo hộ lao động với giá trị 3,7 tỷ đồng.

Đối với công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, công ty tiếp tục thoái vốn ở các dự án không thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính theo phương án chung của Tập đoàn. Triển khai sắp xếp lại bộ máy, điều hành theo hướng tinh gọn từ công ty đến các đơn vị cơ sở. Thực hiện sắp xếp lại lao động hợp lý theo nhu cầu sử dụng và có phương án trả lương theo hiệu quả công việc. Năm 2021, công ty tiếp tục thực hiện mở rộng diện tích

NLĐ Xí nghiệp chế biến An Lộc, TCT CS Đồng Nai thực hiện nghiêm quy định phòng chống dịch trong sản xuất

cấp chứng chỉ rừng cao su bền vững cho 5.354 ha cao su, hoàn thành chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC trên toàn bộ diện tích rừng 13.697 ha cao su. Duy trì và tổ chức đánh giá giám sát thành công hệ thống PEFC – CoC cho 2 xí nghiệp cơ khí chế biến và các phòng nhằm nâng cao giá trị các sản phẩm từ mủ cao su. Công ty tiếp tục được chứng nhận top 100 doanh nghiệp bền vững.

Năm 2021, mặc dù thị trường cao su trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn nhưng với nỗ lực của tập thể người lao động, Công ty CPCS Đồng Phú đã hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Với 5.939 ha vườn cây, sản lượng khai thác mủ cao su trong năm qua đạt 12.699 tấn, năng suất đạt 2,14 tấn/ha. Đây là năm thứ 16 liên tục công ty đạt năng suất trên

HOÀN THÀNH XUẤT SẮC MỤC TIÊU KÉP

Công nhân Cao su Tây Ninh thực hiện nghiêm quy định phòng chống dịch

NLĐ thực hiện nghiêm quy định phòng chống dịch trong sản xuất

2 tấn/ha. Trong hoạt động kinh doanh, sản lượng mủ tiêu thụ đạt 13.145 tấn, doanh thu hơn 1.104 tỷ đồng, tổng lợi nhuận sau thuế trên 378 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước gần 131 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 30%. Thu nhập bình quân của người lao động hơn 10,7 triệu đồng/ người/tháng. Trước tác động của dịch Covid-19, công ty đã chi hỗ trợ bổ sung cho người lao động với tổng 12,4 tỷ đồng. Thực hiện chủ trương của Tập đoàn, công ty đã ký kết hợp tác trồng chuyên canh chuối cấy mô từ năm 2018, dự kiến trong thời gian tới đưa diện tích lên 485 ha theo kế hoạch.

Năm 2021, doanh thu Cao su Phước Hòa tăng 19% so với năm 2020, lên 1.942,4 tỷ đồng, chủ yếu từ doanh thu bán mủ thành phẩm đạt 1.690 tỷ đồng (tăng 25,6% so với năm 2020) trong bối cảnh giá mủ cao su tự nhiên tăng mạnh trong năm 2021, đặc biệt là giai đoạn nửa đầu năm. Trong năm 2021, sản lượng tiêu thụ đạt 35.115,74 tấn (tăng 10,6% so với năm 2020), giá bán bình quân tăng 24,38%; đạt 41,4 triệu đồng/tấn. Giá bán tăng đã giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp năm 2021 lên 26,4%; tăng 2,6 điểm phần trăm so với năm 2020. Qua đó thu về hơn 513 tỷ đồng, lợi nhuận gộp tăng 32% so với năm 2020.

Lợi thế của Cao su Phước Hòa đến từ hai yếu tố: Diện tích vườn cao su tự nhiên có thể nhanh chóng chuyển đổi thành đất khu công nghiệp khi được phê duyệt với chi phí giải phóng mặt bằng thấp. Nền tảng tài chính khá tốt với nguồn tiền dự trữ dồi dào, tỷ lệ vay nợ thấp và dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh hiện hữu tốt, giúp gia tăng thặng dư vốn.

Vượt khó thành công, Cao su Tân Biên đã đạt được những chỉ tiêu kinh tế rất đáng phấn khởi, hầu hết các chỉ tiêu đều vượt, có những chỉ tiêu vượt ở mức cao. Sản lượng cao su khai thác và thu mua đều vượt 21,7% kế hoạch; tiêu thụ vượt 27,4%; doanh thu vượt 40%; lợi nhuận trước thuế vượt 36,7%; nộp ngân sách vượt 27%; thu nhập bình quân của người lao động đạt 9,61 triệu đồng/người/tháng (tăng so với năm 2020 gần 2 triệu đồng/người/tháng). Cao su Hòa Bình có các chỉ tiêu đều vượt ở mức cao, tất cả 6 đội sản xuất đều về trước kế hoạch từ 15 – 30 ngày. Sản lượng khai thác vượt 5% kế hoạch, thu mua vượt gần 28%, chế biến vượt 18%, doanh thu vượt hơn 22%, thu nhập người lao động đạt 8 triệu đồng/người/tháng.

"Với các giải pháp đồng bộ và sự đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị cùng toàn thể người lao động đã tích cực thi đua lao động sản xuất tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cấp trên giao. Năm qua, công ty đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào. Các chỉ tiêu được giao đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch, trong đó phải kể đến vượt 10% sản lượng, doanh thu vượt 15%, lợi nhuận vượt 12% và thu nhập của người lao động tăng 18% so với năm 2020. Chúng tôi tin tưởng rằng, công ty sẽ phát huy truyền thống của đơn vị, kế thừa các thành quả đạt được để thi đua lao động và gặt hái được nhiều thành tựu mới trong năm 2022" – ông Phan Tấn Hải – TGĐ Cao su Lộc Ninh, chia sẻ.

Giữ vững "vùng xanh doanh nghiệp"

Ngay từ những ngày đầu bùng phát dịch lần thứ 4, với phương châm "chống dịch như chống giặc", các công ty đã tập trung tuyên truyền, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch và các phương án đảm bảo an toàn trong sản xuất, chế biến, kinh doanh. Gần 100% người lao động và gia thuộc đã tiêm đủ liều vaccine, nhiều công ty đang triển khai tiêm mũi 3.

Cao su Dầu Tiếng đã chi hơn 13 tỷ đồng cho công tác phòng chống dịch trong năm 2021. Công ty thành lập các tổ an toàn Covid với 513 thành viên thường xuyên kiểm tra người lao động thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Y tế và Ban Chỉ đạo của địa phương về phòng, chống dịch. Bên cạnh đó, công ty đã và đang triển khai xây dựng các "mô hình xanh" và thường xuyên cập nhật tình hình, diễn biến dịch bệnh để tuyên truyền và có biện pháp ứng phó kịp thời.

Là đơn vị điển hình "vùng xanh doanh nghiệp" tại địa phương, lãnh đạo Cao su Phước Hòa rất quyết liệt trong công tác điều hành, chỉ đạo để đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ kép. Đối với công tác phòng chống dịch bệnh, ngoài việc thực hiện đúng quy định của các cấp, công ty còn tuyên truyền người lao động thực hiện nghiêm túc quy định riêng trong lao động sản xuất và ra vào đơn vị, di chuyển khi có việc cần thiết. Tổ chức thăm hỏi và động viên tinh thần người lao động yên tâm sản xuất và bình tĩnh trước tình hình diễn biến của dịch bệnh.

Năm 2021 được xem là một năm thành công của Cao su Bình Long mặc dù thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn và thuận lợi đan xen. Khi đơn vị có ca nhiễm Covid-19 đầu tiên do tiếp xúc từ nguồn lây bên ngoài, công ty đã kích hoạt hệ thống phòng chống dịch ở mức cao nhất. Nhanh chóng thực hiện khu cách ly tập trung tại Thác số 4.

Ngay khi nhận được tin có ca nhiễm, công ty đã phối hợp với CDC tỉnh Bình Phước tổ chức test PCR cho các trường hợp tiếp xúc và đưa các trường hợp này đi cách ly tập trung tại khu cách ly. Nhờ sự nhanh nhạy trong công tác tổ chức truy vết nên tại thời điểm đó không có thêm người lao động nào nhiễm Covid – 19 từ trường hợp đầu tiên.

Các công ty đã đầu tư nâng cấp về trang thiết bị y tế cho các bệnh viện, trạm xá, trung tâm y tế trực thuộc, chung tay cùng địa phương phòng chống dịch. Đồng thời, hỗ trợ địa phương trong công tác phòng chống dịch, thăm hỏi, tặng quà cho các chốt kiểm soát, các khu vực cách ly, phong tỏa và nhân dân trên địa bàn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Thiết thực chăm lo cho người lao động

Bảo đảm thực hiện tốt phương châm "không để người lao động ngành cao su bị bỏ lại phía sau", cùng với chính quyền, trong năm 2021, Công đoàn cùng các tổ chức đoàn thể chính trị – xã hội các công ty tiếp tục phát huy tốt vai trò, chức năng và trách nhiệm của mình, đồng hành cùng doanh nghiệp và chia sẻ, tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống người lao động. Đặc biệt, trong muôn vàn gian khó, hình ảnh của tổ chức Công đoàn được thể hiện một cách nổi bật.

"Cùng với việc thăm hỏi, động viên kịp thời người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, các trường hợp cách ly tại nhà, Công đoàn công ty đã tập trung triển khai hiệu quả các hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên, người lao động, nhất là những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Bên cạnh đó, các cấp Công đoàn tích cực tuyên truyền, ổn định tư tưởng người lao động để họ yên tâm làm việc. Trao đổi, thương lượng với chính quyền bố trí làm việc hợp lý, bảo đảm tiền lương cho người lao động phải nghỉ việc do bị cách ly hoặc do tiếp xúc gần các ca lây nhiễm. Thường xuyên động viên người lao động không chủ quan, mất cảnh giác và phải bình tĩnh ứng phó với diễn biến của dịch bệnh… góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện công tác phòng chống dịch, đảm bảo an toàn sức khỏe người lao động" – Chị Nguyễn Ánh Tuyết – Chủ tịch Công đoàn Cao su Đồng Phú, chia sẻ.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Cao su Bà Rịa vẫn nỗ lực chăm lo cho người lao động trong đại dịch, đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động là 11 triệu đồng/ người/tháng. Công ty trả lương cho người lao động trong thời gian ngừng việc liên quan đến dịch bệnh; trang bị các phương tiện, trang thiết bị phòng dịch; hỗ trợ thêm bữa ăn chiều và vật dụng nghỉ lại nơi làm việc cho người lao động theo phương án "3 tại chỗ"; hỗ trợ nhu yếu phẩm cho người lao động bị cách ly, phong tỏa; liện hệ địa phương, tổ chức xét nghiệm và tiêm vaccine phòng bệnh cho người lao động.

Giai đoạn dịch bùng phát, Cao su Tây Ninh tổ chức cấp phát đầy đủ khẩu trang y tế, nước sát khuẩn, kính chắn giọt bắn, kiểm tra thân nhiệt hàng ngày nhằm đảm bảo an toàn phòng chống dịch cho người lao động. Với những phần cây có công nhân bị cách ly, phong tỏa, công ty bố trí cạo choàng để đảm bảo sản lượng. Tất cả những hoạt động chăm lo của công ty giúp người lao động an tâm công tác, cùng công ty hoàn thành mục tiêu kép trong năm 2021.

Với kết quả nổi bật toàn diện, các công ty khu vực Đông Nam bộ tiếp tục làm dày thêm truyền thống vẻ vang 92 năm của ngành cao su Việt Nam. Theo kế hoạch đề ra trong năm 2022 cùng những thắng lợi trong đổi mới, sáng tạo, linh hoạt vừa chống dịch vừa sản xuất kinh doanh sẽ là cơ sở vững chắc để các công ty tiếp tục bứt phá thành công.

HOÀN THÀNH XUẤT SẮC MỤC TIÊU KÉP

Các đơn vị khu vực Tây Nguyên

NỖ LỰC VƯỢT KHÓ, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Năm 2021, các đơn vị khu vực Tây Nguyên đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch Covid – 19 và tổ chức sản xuất an toàn, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Nhờ đó, các công ty khu vực Tây Nguyên đều về trước kế hoạch sản lượng được giao, các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh thực hiện đạt và vượt, người lao động được tiêm vaccine phòng ngừa Covid – 19 đầy đủ.

Lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và VRG trao Cờ thi đua của Ủy ban cho Cao su Chư Prông vì đã có thành tích dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021

6 đơn vị về trước 30 ngày, 4 đơn vị về trước 20 ngày

Khu vực Tây Nguyên hiện có 13 đơn vị trực thuộc Tập đoàn, trong đó có 11 công ty trồng, chăm sóc và khai thác cao su. Năm 2021, khu vực này có 6 đơn vị về trước kế hoạch sản lượng (KHSL) 30 ngày, 4 đơn vị về trước kế hoạch 20 ngày. Năm 2021, các đơn vị khu vực Tây Nguyên giữ vững ở ngôi vị dẫn đầu trong toàn Tập đoàn về tiến độ khai thác sản lượng.

Trước diễn biến hết sức phức tạp của dịch Covid -19, người lao động Cao su Kon Tum đã đồng lòng, đoàn kết và phát động nhiều phong trào thi đua điển hình như phong trào "Toàn ngành đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19", hay phong trào "Nước rút hoàn thành kế hoạch sản lượng 4 tháng cuối năm 2021"… Từ những phong trào này, người lao động công ty đã ra sức thi đua, nỗ lực hết mình hoàn thành xuất sắc mục tiêu kép với tất cả các chỉ tiêu kinh tế đều có sự tăng trưởng.

Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng Tập đoàn giao 11.000 tấn trước 23 ngày, năng suất 1,81 tấn/ha và giữ vững danh hiệu thành viên Câu lạc bộ 2 tấn/ha của Tập đoàn năm thứ 10 liên tiếp. Ngoài ra, trong năm qua toàn công ty có 6 nông trường là thành viên Câu lạc bộ 2 tấn/ha với năng suất bình quân từ 1,8 – 2,05 tấn/ha và có 5 tổ đạt năng suất từ 2,5 tấn/ha trở lên. Tổng doanh thu trên 521,1 tỷ đồng, lợi nhuận trên 141 tỷ. Đặc biệt, tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước đạt 20,1% và thu nhập bình quân của người lao động đạt hơn 9,2 triệu đồng/người/tháng.

Kết thúc năm 2021, Cao su Chư Păh đã khai thác được 8.025 tấn, đạt 107% kế hoạch. Đây là đơn vị nhiều năm hoàn thành sản lượng sớm từ 15 – 25 ngày và có năng suất bình quân cao hơn mức bình quân chung của khu vực khi đạt trên 1,5 tấn/ha. năm 2021 toàn công ty đã khai thác được 8.127 tấn mủ quy khô, đạt trên 106% kế hoạch, công tác thu mua đạt 183%; sản lượng tiêu thụ trên 8.300 tấn; tổng doanh thu hơn 382 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế trên 102,7 tỷ đồng, đạt 158,8% kế hoạch; Đặc biệt, thu nhập của người lao động toàn công ty 7,8 triệu đồng/người/tháng, đạt 122% so với kế hoạch đề ra.

Ông Trần Thanh Phụng - Phó TGĐ Tập đoàn trao Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cho Cao su Kon Tum

Ông Huỳnh Văn Bảo - Thành viên HĐQT trao Cờ thi đua của Chính phủ cho Cao su ChuPăh

Cao su Chư Prông khai thác được 8.145 tấn đạt 116,3 % kế hoạch, năng suất bình quân vườn cây khai thác đạt trên 1,5 tấn/ha. Sản lượng chế biến được 9.996 tấn mủ các loại, tăng hơn 1.290 tấn so với năm 2020, trong đó sản phẩm đạt chuẩn Tập đoàn chiếm tỷ trọng gần 95%. Cùng với đó, công tác tiêu thụ cũng đạt kết quả tốt với việc tiêu thụ được 8.273 tấn, đạt 114,9% kế hoạch và tăng 1.461 tấn so với năm trước. Doanh thu cao su 332,7 tỷ đồng, đạt 128,3 % so với kế hoạch. Giá bán bình quân 40,2 triệu đồng/ tấn, đạt 111 % kế hoạch; Lợi nhuận đạt trên 60,2 tỷ đồng, đạt 185 % kế hoạch.

Mở đầu cho những ngày tăng tốc, bứt phá trong "mùa" thi đua nước rút về đích là Cao su Ea H'leo với việc hoàn thành sản lượng trước thời hạn 56 ngày. 7/7 nông trường về đích sớm từ 48 – 62 ngày. Tính đến ngày công ty công bố hoàn thành KHSL có 29/38 tổ hoàn thành kế hoạch, 785/1.021 công nhân vượt kế hoạch (chiếm 76,8%/ tổng số lao động). Toàn công ty có 17 tổ đạt năng suất bình quân trên 1,8 tấn/ha, trong đó có 7 tổ năng suất đạt trên 2,3 tấn/ha. Đến hết năm 2021, công ty khai thác vượt 24% so với kế hoạch được giao. Năng suất vườn cây bình quân đạt 1,8 tấn/ha, năm 2021 cũng là năm công ty chính thức gia nhập Câu lạc bộ 2 tấn/ha của Tập đoàn.

Một trong những đơn vị được đánh giá cao, là điểm sáng về khắc phục các yếu tố hạn chế của khí hậu môi trương đối với cây cao su để nâng cao năng suất, sản lượng ở khu vực Tây Nguyên trong vài năm trở lại đây là Cao su Mang Yang. Năm qua, công ty tiếp tục thể hiện "phong độ" ấn tượng khi hoàn thành sản lượng giao sớm 38 ngày. Đặc biệt, Nông trường Đoàn Kết đã hoàn thành KHSL sớm nhất trong toàn ngành với thành tích về trước thời gian 67 ngày.

Chủ động trong công tác phòng, chống dịch Covid-19

Ngay khi đợt dịch Covid -19 lần thứ 4 bùng phát, hầu hết các công ty ở khu vực Tây Nguyên đều xây dựng những kịch bản ứng phó, sẵn sàng kích hoạt các phương án như "3 tại chỗ", "Một cung đường – Hai điểm đến", đặc biệt là tận dụng các nguồn lực để người lao động sớm được tiêm vaccine phòng ngừa Covid-19. Đến hết tháng 12/2021, hầu hết người lao động của các đơn vị trên địa bàn đều đã được tiêm 2 mũi vaccine phòng ngừa Covid -19.

Các công ty nhanh chóng thích ứng an toàn trong tình hình mới. Chủ động có những phương án ứng phó nếu dịch diễn biến phức tạp trên địa bàn và len lỏi vào các nhà máy, xí nghiệp. Đồng thời, trung tâm y tế các đơn vị cũng được nâng cấp, đầu tư thêm cơ sở vật chất và tăng cường nhân lực, thành lập các đội phản ứng nhanh, test nhanh khi người lao động có dấu hiệu nhiễm bệnh Covid-19…

Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể còn tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền người lao động và gia thuộc nghiêm túc chấp hành quy định các cấp về công tác phòng chống dịch Covid-19. Trang bị máy đo thân nhiệt tự động và dung dịch sát khuẩn để người lao động cũng như khách đến liên hệ công tác luôn đảm bảo 5K theo khuyến cáo của Bộ Y tế nhằm phát huy tốt nhất hiệu quả trong công tác phòng chống dịch. Nhiều hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ, tặng quà cho người lao động và nhân dân trên địa bàn gặp khó khăn do Covid -19 cũng được đẩy mạnh để bà con yên tâm thực hiện "Ai ở đâu ở yên đó".

Đồng thời, các đơn vị thường xuyên nhắc nhở, đưa vào quy chế thi đua khen thưởng cuối năm về nội dung phòng chống dịch Covid-19 để người lao động có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia thuộc. Chính nhờ sự chủ động trong phòng chống dịch, các đơn vị Tây Nguyên đã hạn chế tối đa được sự xâm nhập của dịch bệnh và giữ được vùng xanh trên từng nông trường, nhà máy, góp phần giúp đơn vị hoàn thành xuất sắc mục tiêu kép.

HOÀN THÀNH XUẤT SẮC MỤC TIÊU KÉP

Các công ty cao su khu vực Campuchia

TĂNG TRƯỞNG NHANH TRONG NĂM 2021

Với sự quyết tâm, nỗ lực, chung sức vượt khó vừa thực hiện tốt phòng chống dịch Covid-19 -vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, các công ty cao su khu vực Campuchia đã gặt hái được nhiều thành công, đóng góp lớn vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Tập đoàn. Nhiều đơn vị đạt kết quả nổi bật, là điểm sáng của toàn ngành.

Lãnh đạo Tập đoàn và Công đoàn CSVN thăm nhà máy chế biến Cao su Phước Hòa - Kampong Thom, vào ngày 14/12/2021. Ảnh: Thị Ngọc Thà

Bứt phá hoàn thành nhiệm vụ

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên Tập đoàn tại Campuchia, như: dịch bệnh lây nhiễm vào trong vùng dự án, tăng chi phí đầu vào khi phải gánh thêm chi phí phòng chống dịch bệnh; việc thông quan mủ cao su nhiều lúc gặp khó khăn phải ngưng trệ, chi phí thông quan tăng cao hơn so với bình thường… Tuy nhiên, vượt qua nhiều khó khăn thách thức, các công ty đã đoàn kết, năng động sáng tạo ra sức thi đua, hăng say lao động, nên đã giữ vững sản xuất, ổn định việc làm, chăm lo tốt cho người lao động.

"Năm 2021, các đơn vị khai thác được 109.116 tấn mủ cao su (vượt 8,41% so với kế hoạch, vượt 8.466 tấn), nhiều hơn 22.761 tấn so với năm 2020. Tiêu thụ 105.185 tấn mủ. Doanh thu 3.795 tỷ đồng; lợi nhuận dự kiến trên 700 tỷ đồng. Tiền lương bình quân của người lao động trên 7,2 triệu đồng/người/tháng. Gần 100% người lao động và gia thuộc đã được tiêm vaccine ngừa Covid-19" – Ông Oknha Leng Rithy – Trưởng Văn phòng đại diện Tập đoàn tại Campuchia, cho biết.

Đặc biệt là trong bối cảnh cực kỳ khó khăn trước tác động của đại dịch, các công ty đã tích cực chăm lo người lao động về vật chất, tinh thần, đảm bảo sức khỏe tốt, yên tâm gắn bó lâu dài với đơn vị. Đây là một thành quả rất đáng tự hào trong bối cảnh bức tranh kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn.

Điểm sáng của toàn ngành

Các công ty đều có tăng trưởng tốt hơn và tỷ trọng sản lượng chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong cơ cấu của Tập đoàn. Nhiều đơn vị nổi bật là điểm sáng của toàn ngành, như: Tân Biên – Kampong Thom lợi nhuận 25 triệu đồng/ha, 12 triệu đồng/tấn; Bà Rịa – Kampong Thom lợi nhuận 20 triệu đồng/ha, 10 triệu đồng/tấn; Chư Sê – Kampong Thom lợi nhuận 15 triệu đồng/ha lợi nhuận, 10 triệu đồng/tấn; Phước Hòa – Kampong Thom lợi nhuận 9 triệu đồng/ha, 6 triệu đồng/tấn…

Luôn là lá cờ đầu toàn diện của khu vực Campuchia, năm 2021, Cao su Chư Sê – Kampong Thom khai thác 23.410 tấn mủ (vượt 10% kế hoạch, tương đương 2.110 tấn) năng suất bình quân 11 tấn/người, 2 năm liên tiếp trong Câu lạc bộ 2 tấn; chế biến 24.450 tấn (vượt 13% kế hoạch); tiêu thụ 19.564 tấn. Doanh thu đạt 839 tỷ đồng (vượt 3% kế hoạch). Lợi nhuận 168,16 tỷ đồng (vượt trên 43% kế hoạch). Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu 18,5%, trong đó C.R.C.K.2 là 25,48%; Bean Heack là 11,50%. Tiền lương bình quân của 3.318 lao động trên 8,5 triệu/người/tháng.

Chia sẻ về định hướng phát triển bền vững trong thời gian tới, ông Nguyễn Duy Linh – TGĐ Cao su Chư Sê – Kampong Thom, cho biết: "Công ty sẽ duy trì vườn cây luôn đạt năng suất trên 1,8 tấn/ha và gia công trên 20.000 tấn mỗi năm. Nhằm chuẩn bị cho công tác tái canh chu kỳ 2 cây cao su tại dự án, công ty đã có kế hoạch từ khâu chọn giống đến lập vườn nhân, vườn ươm và thanh lý các diện tích nhằm chủ động trong công tác tái canh. Bên cạnh đó, để chủ động trong công tác sản xuất khi vườn cây đi vào tái canh, công ty cũng đã quy hoạch xây dựng nhà máy gỗ. Dự kiến năm 2026 sẽ đi vào hoạt động, mỗi năm chế biến từ nguồn nguyên liệu là gỗ cây cao su với diện tích 1.000 ha/năm".

Ông Trương Minh Trung - Phó TGĐ Tập đoàn thăm và tặng quà cho người lao động Campuchia tại các dự án trực thuộc Tập đoàn ở Campuchia

Lãnh đạo Tập đoàn và Công đoàn CSVN trao Bằng khen của Tập đoàn cho các tập thể tiêu biểu của Cao su Chư Sê - Kampong Thom vì đã có thành tích xuất sắc trong năm 2021

Năm 2021, diện tích cao su khai thác của Cao su Bà Rịa – Kampong Thom là 5.393,6 ha. Đây là năm thứ 6 công ty thực hiện khai thác kinh doanh nên đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành. Sản lượng khai thác 11.628 tấn (vượt 7,66% kế hoạch), năng suất vườn cây trên 2,15 tấn/ha; năng suất lao động 12 tấn/công nhân.

Tổng sản lượng chế biến tại nhà máy năm 2021 là 14.178,5 tấn. Trong đó, chế biến cho công ty 11.235,8 tấn; gia công cho các công ty trong Cụm I hơn 2.942,7 tấn. Nhờ ký kết được hợp đồng dài hạn với khối lượng lớn (hơn 70 % sản lượng tiêu thụ), nên công ty đã chủ động và thuận tiện hơn trong công tác tiêu thụ sản phẩm. Kết quả thực hiện được 10.718 tấn (vượt 4,05% kế hoạch). Giá bán bình quân 35,9 triệu đồng/tấn (vượt 2,7% kế hoạch). Doanh thu 397,2 tỷ đồng (vượt trên 10% kế hoạch). Lợi nhuận trước thuế trên 135 tỷ đồng (vượt 35% kế hoạch). Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu đạt 19%. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu đạt 34%. Nộp ngân sách 50,4 tỷ đồng (vượt 9,5% kế hoạch).

Phát biểu tại Lễ công bố hoàn thành kế hoạch sản lượng trước 46 ngày của Cao su Tân Biên – Kampong Thom, ông Hoem Oun – Tổng cục trưởng Tổng cục Cao su Campuchia, nhận định: "Các công ty trực thuộc Tập đoàn đã có những dự án hiệu quả tại vùng xa xôi, hẻo lánh, góp phần ổn định, nâng cao đời sống của người dân ở các vùng khó khăn, xây dựng một nếp sống mới cho nông thôn Campuchia. Các dự án cao su phát triển rất thành công. Các công ty đã có nhiều chương trình xã hội với địa phương, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân. Thu nhập của công nhân cao su, theo tôi đánh giá là cao hơn so với mức trung bình ở Campuchia".

Năm 2021, Cao su Đồng Nai - Kratie được giao kế hoạch sản lượng khai thác 6.200 tấn. Năm 2021 là năm đánh dấu mốc cho bước phát triển của công ty khi sản lượng khai thác dự kiến vượt hơn 850 tấn so với kế hoạch (tương đương vượt hơn 13,7%), tỷ lệ vượt cao nhất tính từ khi công ty đưa vườn cây vào khai thác cho đến nay. Tiêu thụ cả năm của công ty đạt 7.487 tấn, (tương đương vượt 23% so với kế hoạch được giao). Tổng doanh thu thực hiện gần 275 tỷ đồng (vượt 29% kế hoạch).

Song song với việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, ban lãnh đạo và Công đoàn công ty rất quan tâm đến các chế độ, chính sách cho người lao động. Tổng số lao động hiện nay của công ty là 917 người. Tình hình lao động của đơn vị dần ổn định, đáp ứng các yêu cầu hoạt động sản xuất. Với kết quả tốt trong năm 2021, công ty phấn đấu cả năm thu nhập người lao động sẽ đạt trên 8,1 triệu đồng/người/tháng. Ngoài chế độ tiền lương, công ty thực hiện các chế độ khác như hỗ trợ khám và cấp phát thuốc chữa bệnh miễn phí, góp phần giải quyết phần nào khó khăn cho người lao động để yên tâm sản xuất.

Vượt khó đạt được nhiều kết quả nổi bật, năm 2021, các công ty cao su khu vực Campuchia đã thành công ngoài mong đợi trong sản xuất kinh doanh, là điểm sáng từ trước đến nay. Cũng là tiền đề, động lực để các công ty phấn đấu hơn nữa trong những năm tiếp theo nhằm mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cao nhất.

Tập đoàn hiện có 16 công ty đầu tư trải dài trên 7 tỉnh tại Campuchia trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su với tổng giá trị trên 800 triệu USD và trồng trên 90.000 ha cao su. Diện tích đã đưa vào khai thác gần 75.000 ha. Tổng số lao động đang làm việc tại các đơn vị thành viên khoảng 18.000 lao động và dự kiến đến năm 2022, khi các đơn vị đưa tất cả diện tích trên 90.000 ha cao su vào khai thác thì nhu cầu sử dụng lao động trực tiếp trên 20.000 người. Ngoài ra, còn tạo thêm hàng nghìn việc làm cho lao động thời vụ.

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam kiểm tra việc thực hiện 3 tại chỗ của Công ty TNHH New Apparel Far Eastern trong KCN Bắc Đồng Phú, vào ngày 5/8. Ảnh: Minh Quang

KHU CÔNG NGHIỆP VRG ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP VƯỢT "BÃO COVID"

Mặc dù bị nhiều ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các khu công nghiệp thuộc Tập đoàn đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch được giao, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ kép. Hầu hết các khu công nghiệp đều đạt và vượt kế hoạch, đóng góp không nhỏ vào doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn.

Linh hoạt nhiều giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ kép

Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp (DN) "vừa phòng chống dịch, vừa sản xuất tốt" trong thời gian dịch bệnh phức tạp, các khu công nghiệp (KCN) luôn chủ động đưa ra nhiều giải pháp ứng phó trong từng thời điểm. Thường xuyên phối hợp với các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ các DN, gần 100% người lao động cùng gia thuộc các KCN tiêm vaccine và hỗ trợ các nhà đầu tư trong KCN tiêm vaccine 100%. Đặc biệt, quan tâm giải quyết thỏa đáng những khó khăn của người lao động trong quá trình làm việc và lưu trú tại DN. Các KCN giảm, giãn thời gian thanh toán phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý hạ tầng trong năm 2021.

Nhớ lại khoảng thời gian 3 tháng ròng rã đồng hành cùng các doanh nghiệp thực hiện sản xuất 3 tại chỗ, anh Nguyễn Anh Tuấn – TGĐ KCN Tân Bình, chia sẻ: "Bản thân tôi làm việc 3 tại chỗ để theo sát, hỗ trợ các DN. Lực lượng người lao động của công ty làm việc 3 tại chỗ kết nối 24/24 với DN và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đảm bảo phòng chống dịch. Anh em làm việc tất bật cả ngày đêm, cố gắng hỗ trợ tốt nhất cho DN. Do ảnh hưởng của dịch, nên số lượng DN hoạt động chỉ còn 1/3, từ 15.000 người lao động giảm còn 4.900 người. Một số DN làm việc 3 tại chỗ, đơn hàng giảm, tồn kho nhiều, sản xuất cầm chừng, phải nuôi công nhân tại xưởng. Công ty thường xuyên thăm hỏi, động viên DN, người lao động, nắm bắt tình hình sản xuất, phòng chống dịch, ghi nhận những khó khăn, vướng mắc để kịp thời hỗ trợ hoặc kiến nghị lãnh đạo các cấp để nhanh chóng giải quyết. Chúng tôi luôn đồng hành và tích cực hỗ trợ tối đa cho các DN vượt qua đại dịch. Với những nỗ lực không ngừng, KCN Tân Bình tiếp tục nằm trong top 100 Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững năm 2021".

Về tình hình thực hiện mở rộng, thành lập mới các khu/cụm công nghiệp, theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐQTCSVN ngày 10/7/2020 tổng diện tích dự kiến quy hoạch khu/cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030 là 39.177,24 ha (trong đó: KCN là 37.387,29 ha; Cụm CN là 1.789,95 ha). Định hướng giai đoạn 2021 – 2025, VRG đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành, trong đó phát triển từ 15.000 - 20.000 ha diện tích KCN, thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư, kinh doanh KCN trên đất trồng cao su chuyển đổi. VRG dự kiến có thêm 9 dự án khu công nghiệp trong 5 năm tới, với tổng quỹ đất 5.000 ha, tập trung tại Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Pleiku.

Doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch

KCN là lĩnh vực rất quan trọng của Tập đoàn, Tập đoàn đang đầu tư vào 11 công ty hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng KCN (8 công ty thành viên: Bắc Đồng Phú, Dầu Giây, Nam Tân Uyên, An Điền, Tân Bình, Long Khánh,

Đầu tư Sài Gòn VRG, KCN Cao su Bình Long và 3 công ty liên kết). Với 16 dự án, tổng diện tích hơn 6.566 ha, nằm tập trung tại các tỉnh/thành: TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Gia Lai. Những năm qua, các KCN chia cổ tức bình quân trên 30%, một số KCN trên 60%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân trên 50%.

Mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp cả năm 2021, tuy nhiên, các KCN đã nỗ lực chủ động trong công tác phòng chống dịch, hỗ trợ các DN, do đó kết quả sản xuất kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận… đạt kết quả tương đối tích cực. Cụ thể, các chỉ tiêu ước thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 của các KCN vượt kế hoạch Tập đoàn giao: doanh thu 5.802 tỷ đồng (vượt 24,5% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 1.212 tỷ đồng (vượt 30,1% kế hoạch); tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ gần 70% (vượt trên 18% kế hoạch); tiền lương bình quân trên 12,2 triệu đồng/người/tháng (vượt 13,1% kế hoạch).

Vượt "bão Covid", hoạt động kinh doanh hạ tầng KCN của Tập đoàn phát triển ổn định, có hiệu quả cao và tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận. Với những kinh nghiệm trong một năm đầy gian khó cùng sự hỗ trợ của lãnh đạo Tập đoàn và địa phương, các KCN vững tin sẽ hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao trong năm 2022.

VƯỢT COVID,
NGÀNH GỖ THẮNG LỢI

Đại dịch Covid-19 tác động không nhỏ nhưng năm 2021 các đơn vị chế biến gỗ trực thuộc Tập đoàn đã đạt được những con số khá ấn tượng với tổng doanh thu trên 7.264 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hơn 781 tỷ đồng.

Công nhân Gỗ Thuận An tăng cường sản xuất thời điểm "3 tại chỗ". Ảnh: **Vũ Phong**

Áp dụng linh hoạt công tác phòng chống dịch

Xác định tình hình khó khăn chung của cả nước và của tất cả các ngành nghề, do đó lãnh đạo Công ty CP Gỗ MDF VRG – Quảng Trị quyết tâm tìm mọi giải pháp để tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn, đồng thời phòng chống dịch Covid – 19 có hiệu quả để đảm bảo sức khỏe cho người lao động tham gia sản xuất. Phát huy sức mạnh đoàn kết của tập thể, công ty khắc phục khó khăn, vừa sản xuất kinh doanh, vừa chống dịch triệt để nhằm duy trì công ăn việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

Nhờ đó, công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2021, nổi bật nhất là hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, về trước kế hoạch năm 2021 là 79 ngày. Đây là đơn vị đầu tiên của VRG hoàn thành kế hoạch sản lượng trong thời gian sớm nhất. Tại Lễ mừng công cho các đơn vị về trước kế hoạch năm từ 30 ngày trở lên được tổ chức vào ngày 6/12, lãnh đạo VRG đã biểu dương những nỗ lực vượt bậc của tập thể người lao động công ty đã phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021.

Cả dây chuyền 1 và dây chuyền 2 đều sản xuất vượt công suất thiết kế 47%. Tổng sản lượng sản xuất năm đạt khoảng 265.081 m3, vượt 26% so với kế hoạch. Tổng doanh thu của công ty đạt 1.121 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch năm. Kế thừa những biện pháp về sản xuất kinh doanh đúng đắn của những tháng cuối năm 2020, áp dụng vào năm 2021 về dòng hàng sản xuất, về định hướng ưu tiên tiêu thụ sản phẩm tiêu hao nguyên liệu thấp, và giá bán có lợi nhuận cao. Tiếp tục khắc phục những lỗi thường gặp trong sản xuất, dây chuyền, thiết bị được hoàn thiện tối ưu nhất, đưa công suất sản xuất vượt công suất thiết kế trên 47%. Nhờ chú trọng vào dây chuyền thiết bị, áp dụng kỹ thuật tối ưu nhất trong sản xuất, nên tối đa hóa năng lực sản xuất, tối giản tiêu hao không cần thiết, nâng công suất hoạt động dây chuyền vượt công suất thiết kế. Vì vậy, lợi nhuận năm 2021 vượt trội so tất cả các năm, lợi nhuận sau thuế đạt hơn là 88 tỷ đồng. Thu nhập người lao động đạt 13,5 triệu đồng/người/tháng, vượt 23% so với kế hoạch.

Ông Lê Thanh Phương – Phó Phòng KHVT-XDCB phân tích, các phương án phòng chống dịch luôn tạo ra "3 lớp phòng thủ" chống Covid-19. Nhận thức được sự tác động tiêu cực mà đại dịch Covid – 19 gây ra, Công ty CP Gỗ MDF VRG – Quảng Trị đã xây dựng kế hoạch chi tiết nhằm giảm thiểu thiệt hại. Công ty đã yêu cầu toàn thể người lao động thực hiện nghiêm các chỉ thị, quy định về công tác phòng chống dịch của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Trị và Tập đoàn. Riêng đối với lái xe vận chuyển thành phẩm, nhập hàng hóa, khách hàng vào công ty phải có phiếu test Covid còn hiệu lực, đo thân nhiệt, ghi chép đầy đủ thông tin và quyét mã QR.

Có thể khẳng định, đây là năm các đơn vị chế biến gỗ trực thuộc Tập đoàn đã có sự nỗ lực vượt bậc hoàn thành cơ bản mục tiêu kép. Đối với Công ty CP Gỗ MDF VRG – Kiên Giang, để thích ứng với trạng thái "bình thường mới", công ty đã triển khai công tác sản xuất đi đôi với phòng chống dịch, đề ra nhiều giải pháp, phương án thích ứng linh hoạt phù hợp với môi trường làm việc tại đơn vị. Tùy theo tính đặc thù của từng công việc, phân vùng nguy cơ nơi ở tại địa phương cũng như vị trí của người lao động.

Ngoài ra, các trưởng bộ phận thực hiện báo cáo hàng ngày về thông tin của người lao động mình phụ trách để bố trí lao động khác tăng ca bù vào lao động thiếu hụt nếu có nhiều trường hợp phải đi cách ly. Đồng thời bố trí thay phiên nhau nghỉ bù nhưng vẫn đảm bảo lao động tối thiểu để vận hành sản xuất. Nhờ đó, năm 2021 công ty về đích trước kế hoạch sản lượng 50 ngày với những con số ấn tượng. Cụ thể: doanh thu đạt 812,1 tỷ đồng; lợi nhuận 33,1 tỷ đồng, vượt 67% so với kế hoạch, nộp ngân sách Nhà nước trên 69 tỷ đồng.

Nằm trong tâm của đại dịch Covid – 19, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An phải gánh chịu sự tổn thất nặng nề. Tại Xí nghiệp Tinh chế Trung tâm, dây chuyền sản xuất phải ngưng hoạt động hoàn toàn 2 tháng. Trước đó, toàn công ty phải làm việc 3 tại chỗ. Điều này không chỉ ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện sản lượng mà kéo theo đó chi phí phát sinh quá cao đã làm giảm doanh thu, lợi nhuận của Gỗ Thuận An.

Bà Lê Thị Xuyến – TGĐ công ty cho biết: "Để thực hiện nhiệm vụ kép, vừa sản xuất, vừa chống dịch, từ giữa tháng 7, chúng tôi đã triển khai phương án 3 tại chỗ. Đây là biện pháp hữu hiệu lúc bấy giờ để Gỗ Thuận An không bị đứt gãy chuỗi sản xuất. Và để thực hiện tốt phương án này, chúng tôi đã chuyển đổi một phần diện tích nhà xưởng thành khu vực tạm trú, đồng thời lắp đặt thêm khu vực vệ sinh, đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho người lao động lưu trú tại công ty".

Mở rộng thị trường tiêu thụ

Trong quý III, đại dịch đã ảnh hưởng trực tiếp đến đầu ra của sản phẩm. Đối với Gỗ MDF VRG – Quảng Trị, trong hệ thống 38 khách hàng nội địa thì có đến 36 khách hàng nằm trong vùng đỏ. Song, nhờ xây dựng các kịch bản ứng phó từ trước nên đơn vị này đã chủ động thực hiện giải pháp tăng cường lượng hàng xuất khẩu, trong đó đẩy mạnh đàm phán với khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm thị trường mới gần hơn nhằm giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo lợi nhuận, cụ thể là thị trường Hàn Quốc… Chính vì vậy, sản phẩm của công ty vẫn tiêu thụ tốt.

Công nhân kỹ thuật Gỗ MDF VRG- Kiên Giang tuân thủ 5K trong điều hành sản xuất. Ảnh: **Vũ Phong**

Là đơn vị đi sau trong lĩnh vực chế biến gỗ MDF, nhưng đây cũng là năm mà Công ty CP Gỗ MDF VRG – Kiên Giang đã chứng minh được chất lượng sản phẩm của mình trên thị trường. Các chủng loại ván ép có thế mạnh như: HMR E2, MMR E2, MDF Carb… đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu qua thị trường khó tính như Nhật Bản và các nước Châu Âu.

Ông Dương Tấn Thanh- Phó TGĐ công ty cho biết: "Ngoài việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng, đảm bảo đơn hàng ổn định, không tăng giá, giao đúng hẹn và thanh toán linh hoạt… Vì thế MDF VRG – Kiên Giang luôn giữ chân được khách hàng lớn. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, công ty sản xuất đến đâu, tiêu thụ đến đó, không có sản phẩm tồn kho".

Đánh giá về hiệu quả của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ, Phó TGĐ Tập đoàn Trương Minh Trung cho biết, tính đến nay, Tập đoàn có 15 công ty chế biến gỗ thành viên với 17 nhà máy sản xuất và 1 nhà máy thuê để sản xuất có tổng công suất thiết kế trên 1,103 triệu m3/năm.

"Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra hết sức phức tạp, làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều đơn vị thành viên, nhưng với sự nỗ lực của mình, các đơn vị đã cơ bản hoàn thành kế hoạch Tập đoàn giao, với tổng sản lượng sản xuất hơn 1,26 triệu m^3; tổng doanh thu trên 7.264 tỷ đồng. Trong năm ghi nhận 14/16 đơn vị tiếp tục có lãi với lợi nhuận dự kiến hơn 781 tỷ đồng", ông Trương Minh Trung nhấn mạnh.

Cũng theo ông Trương Minh Trung, dự báo năm 2022 vẫn còn những khó khăn do tình hình dịch Covid-19 diễn biến khó lường, các đơn vị phải chủ động nhận diện những khó khăn vướng mắc hiện có, cũng như đánh giá những thế mạnh, cơ hội tiềm năng để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo sản xuất tốt, liên kết phối hợp sản xuất giữa các công ty thành viên, tiếp tục thực hiện các giải pháp linh hoạt và hiệu quả trong sản xuất, hỗ trợ nguyên liệu cho sản xuất …

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Cuối năm 2021, sau nhiều tháng thực hiện 3 tại chỗ, các công ty sản xuất công nghiệp Tập đoàn đã dần thích ứng trong tình hình mới. Khôi phục lại sản xuất, từng bước tăng tốc hướng đến mục tiêu chung, vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh vừa phòng chống dịch an toàn.

Các chỉ tiêu vượt kế hoạch

Là một đơn vị đóng trên địa bàn TP.HCM, điểm nóng về dịch Covid -19, sau hơn 3 tháng thực hiện 3 tại chỗ, ngày 4/10 Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru đã trở lại sản xuất an toàn trong tình hình mới khi người lao động tiêm đủ 2 mũi vaccine. Sản lượng ước tính đến hết tháng 12/2021 công ty đã sản xuất được trên 955 nghìn quả bóng các loại, đạt 100,53% kế hoạch, doanh thu trên 74 tỷ đồng (105% kế hoạch).

Công ty CP Cơ khí Cao su vẫn duy trì công tác lắp ráp, bảo trì thiết bị cho các đơn vị thuộc VRG tại nước bạn Lào và Campuchia. Sau 2,5 tháng tạm ngưng sản xuất chờ dịch ổn định, người lao động được tiêm mũi thứ 2 đạt 100%, công ty đã thực hiện sản xuất bình thường trở lại vào ngày 01/10/2021.

Tại buổi lễ mừng công do Tập đoàn tổ chức vào ngày 22/12 vừa qua, ông Trần Bá Tước – TGĐ công ty cho biết: "Năm nay dù có những khó khăn, nhưng công ty đã hoàn thành trước kế hoạch 17 ngày. Tính đến thời điểm hiện tại các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận nộp ngân sách đều đạt và vượt bình quân trên 30% so với kế hoạch cùng kỳ. Các công trình lớn mà công ty thực hiện, đều đã hoàn thành theo đúng yêu cầu của khách hàng. Nhìn chung nhờ sự quan tâm, tạo điều kiện của Tập đoàn, sự ủng hộ nhiệt tình của các đơn vị trong và ngoài ngành, năm qua công ty đã vượt qua khó khăn và hoàn thành tốt công tác sản xuất được giao. Đảm bảo sức khỏe, duy trì mức thu nhập bình quân người lao động đạt trên 12 triệu đồng/người/tháng".

Sản xuất găng tay tại Công ty CP VRG Khải Hoàn. Ảnh: **N.K**

Công ty CP Công nghiệp & Xuất nhập khẩu cao su có 02 phân xưởng sản xuất gỗ nằm trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Do dịch Covid bùng phát mạnh khiến công ty gặp không ít khó khăn trong phòng chống và duy trì sản xuất. Phương án 3 tại chỗ không duy trì được lâu do có ca nhiễm tại nơi làm việc, ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất, tiến độ đơn hàng. Ngoài ra các chi phí phòng chống dịch làm gia tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng doanh thu, lợi nhuận trong năm…

Tuy nhiên đến cuối năm, khối lượng sản xuất của công ty đa phần đều vượt kế hoạch được giao: Sản xuất gỗ tinh chế đạt trên 3.700 m^3, vượt 65% kế hoạch, sản phẩm cao su kỹ thuật đạt 1,393 triệu sản phẩm, đạt 104% kế hoạch. Doanh thu đạt 94%, lợi nhuận 3,464 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch. Duy trì mức thu nhập bình quân cho trên 454 lao động đạt 9,8 triệu đồng/người/tháng.

Găng tay Khải Hoàn, Cao su Bến Thành tăng trưởng cao

Công ty CP VRG Khải Hoàn là đơn vị sản xuất găng tay y tế có công suất lớn nhất Việt Nam với thương hiệu Vglove. Hầu hết hàng chủ yếu xuất đi sang các nước Mỹ, châu Âu, Nhật và phần còn lại phục vụ cho thị trường nội địa. Kết quả năm 2021, công ty vượt kế hoạch đề ra, doanh thu gần 2.216 tỷ đồng, lợi nhuận 847 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước 186 tỷ đồng. Chăm lo tốt cho 1.263 lao động, thu nhập bình quân trên 14,6 triệu đồng/người/tháng. Trong năm, VRG Khải Hoàn đã ủng hộ hơn 1,9 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội.

Công ty CP Cao su Bến Thành không chỉ trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2021, mà còn là 1 trong 5 doanh nghiệp được vinh danh xuất sắc thực hiện bình đẳng giới tại nơi làm việc. Sản phẩm của công ty được sự tin tưởng của khách hàng trong và ngoài nước, thị trường trong nước công ty cung cấp băng tải lõi thép cho ngành Than – Khoáng sản; ngành xi măng, sản xuất phân bón, chế tạo máy trong cả nước. Thị trường xuất khẩu chủ yếu Mỹ, Nhật, Úc, Indonesia…

Trong năm 2021 vừa qua, các chỉ tiêu của Cao su Bến Thành đều vượt so với kế hoạch và tăng trưởng so với năm 2020. Cụ thể: doanh thu 349,4 tỷ đồng; lợi nhuận 27,2 tỷ đồng; nộp ngân sách gần 31 tỷ đồng; thu nhập bình quân gần 211 lao động là 12,9 triệu đồng/người/tháng. Trong năm, công ty đã ủng hộ trên 200 triệu đồng cho các hoạt động an sinh xã hội.

Nhìn chung các đơn vị sản xuất công nghiệp đều thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Chính phủ, VRG và Ban chỉ đạo phòng chống dịch địa phương, nơi các đơn vị trú đóng. Đến thời điểm này tỷ lệ tiêm vaccine cho người lao động các đơn vị đều đạt 100%.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid -19, có thời điểm vừa sản xuất, vừa cách ly phòng chống dịch nhưng các công ty đã triển khai nhiều giải pháp để thực hiện mục tiêu kép. Vừa đảm bảo được KH, doanh thu và lợi nhuận, cổ tức vừa phòng chống dịch an toàn, đảm bảo sức khỏe đời sống người lao động, hoàn thành kế hoạch năm 2021 vốn chịu tác động nặng nề của đại dịch.

NHÌN LẠI

MỘT NĂM ĐẦY DẤU ẤN PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN CAO SU VIỆT NAM

Năm 2021, ngành cao su ảnh hưởng nặng nề của đợt thứ 4 đại dịch Covid -19. Các đơn vị miền Đông Nam bộ, TP.HCM nằm trong giãn cách, phong tỏa, hàng trăm CN bị F0, hàng ngàn CN F1, có thời điểm phải ngưng sản xuất, sản xuất 3 tại chỗ… ảnh hưởng rất lớn thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, việc làm, thu nhập, đời sống của đoàn viên (CNLĐ). Trong một năm gian khó bủa vây, phong trào công nhân (CN) và hoạt động công đoàn (CĐ) của ngành vẫn được tô điểm bởi những gam màu tươi sáng, chia sẻ ngọt bùi, chung sức chung lòng chống dịch.

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến" các hoạt động vượt khó tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống người lao động luôn sát cánh, chăm lo, không để bất cứ người lao động nào bị bỏ lại phía sau, thắm tình, ấm áp tình giai cấp CN, phát huy giá trị truyền thống 92 năm "Phú Riềng đỏ" anh hùng. Trong năm Ban chấp hành CĐ CSVN, các cấp CĐ trong hệ thống đã chủ động xây dựng nội dung và hình thức hoạt động bám sát vào nhiệm vụ kép: Tổ chức sản xuất, đời sống và phòng chống dịch. Cụ thể hóa bằng nhiều cách làm sáng tạo hiệu quả:

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến đoàn viên, CNVC-LĐ các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tổ chức CĐ. Đồng thời tập trung đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua đặc biệt do Tổng Liên đoàn phát động "Cả nước đoàn kết, chung sức đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19" – "Mỗi cán bộ đoàn viên, CNVC-LĐ là một chiến sĩ"; "Mỗi CĐ cơ sở là một pháo đài, là mái nhà bình yên". Cụ thể hóa phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo"; "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"; "Xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động"; "Đổi mới, sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động của tổ chức CĐ". Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tập trung tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X và công tác thi đua, khen thưởng trong CNVC-LĐ toàn quốc giai đoạn 2020-2025.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động chăm lo lợi ích và phúc lợi cho đoàn viên, người lao động, quan tâm hỗ trợ kịp thời các trường hợp đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Tập trung huy động các nguồn lực tổ chức hỗ trợ, chăm lo cho đoàn viên và người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 theo phương châm "Tất cả mọi đoàn viên và người lao động đều có Tết" với tinh thần vui tươi, phấn khởi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm. Hỗ trợ tích cực, hiệu quả CN lao động đang bị F0, F1, sản xuất 3 tại chỗ, hỗ trợ tuyến đầu phòng chống dịch.

Điều hết sức đáng mừng và tự hào, năm 2021 trong bối cảnh khó khăn đại dịch Covid-19 đợt thứ 4 bùng phát dữ dội song toàn ngành đã hoàn thành mục tiêu kép. Tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống phòng chống dịch đạt hiệu quả. Các đơn vị thành viên Tập đoàn hoàn thành và về trước kế hoạch năm 2021, đảm bảo tăng trưởng, đời sống CNLĐ được nâng lên. Các cấp CĐ bằng mọi nỗ lực, sáng tạo đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng người lao động lập nhiều thành tích xuất sắc.

Hoạt động phong trào nữ CNVC sôi nổi thiết thực với 54.622 lượt chị em tham gia với kinh phí 6,03 tỷ đồng; 814 tập thể, 18.873 cá nhân đạt danh hiệu "Giỏi việc nước - Đảm việc nhà". Hoạt động từ thiện nhân đạo 16 tỷ đồng, chăm lo 238 gia đình chính sách, phụng dưỡng 36 bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo" đã có 1.413 sáng kiến, số tiền làm lợi 45,6 tỷ đồng; 3.484 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua. 3 tập thể, 8 cá nhân đạt giải thưởng Cao su Việt Nam. Chương trình 75.000 sáng kiến do Tổng LĐLĐ Việt Nam phát động đã có 467 sáng kiến, 4 sáng kiến xuất sắc được tặng bằng khen Tổng Liên đoàn. Tuyên dương 244 danh hiệu "CN cao su ưu tú" nâng tổng số 1.194 người được tuyên dương trong toàn ngành. Lần đầu CĐ CSVN đề xuất giải thưởng "Phú Riềng đỏ" – giải thưởng cống hiến vì sự nghiệp xây dựng ngành cao su: 17 cá nhân xuất sắc được trao tặng.

45/64 đơn vị tổ chức Hội nghị người lao động, Hội nghị cán bộ công chức, 53 đơn vị thực hiện thỏa ước lao động (TƯLĐ) tập thể ngành, 4 đơn vị TƯLĐ đạt loại A. Trả lời và giải quyết thỏa đáng 839 ý kiến kiến nghị của người lao động. Tổ chức 1.277 cuộc đối thoại với 24.034 lượt người tham dự, nội dung đối thoại chủ yếu là nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đời sống, các chế độ chính sách của người lao động, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thành lập 6 đoàn công tác đi thăm hỏi, động viên khen thưởng phòng chống Covid và phong trào thi đua nước rút trong nước và ngoài nước, khen thưởng 98 tập thể, tuyên dương 92 gia đình CN tiêu biểu, tặng bằng khen cho 20 đơn vị, giấy khen 15 đơn vị có thành tích xuất sắc trong Tháng CN 2021. Cử 22 cán bộ học các lớp lý luận chính trị (6 cao cấp, 16 trung cấp). Tập huấn trực tuyến 43 điểm cầu với 1.638 cán bộ CĐ tham dự về nghiệp vụ công tác tổ chức CĐ và công

Toàn ngành đã ủng hộ 203,3 tỷ đồng cho quỹ vaccine quốc gia phòng chống Covid-19 (Tập đoàn 200 tỷ, CĐ 3,3 tỷ); Ủng hộ các địa phương và tuyến đầu chống Covid hơn 1 tỷ đồng; Ủng hộ chương trình "Cờ Tổ quốc" và "Gương sáng biên cương" 7 tỷ đồng; Hỗ trợ cho CN lao động bị F0, F1, sản xuất 3 tại chỗ, mua trang thiết bị phòng chống Covid-19 với số tiền 23,1 tỷ cho 20.934 người; Chăm lo Tết 2021 cho CN lao động khó khăn 13 tỷ đồng. Thưởng lễ, Tết: 337,2 tỷ đồng; Xây dựng 53 căn nhà "Mái ấm CĐ" 2,65 tỷ đồng, sửa chữa 14 căn, hỗ trợ thiên tai, lốc xoáy, bệnh hiểm nghèo: 561 triệu đồng. Các đơn vị cơ sở xây 15 nhà Mái ấm 750 triệu đồng, hỗ trợ 42 triệu đồng cho CN bị bệnh hiểm nghèo. Huy động từ nguồn vận động CN, lao động ủng hộ quỹ "Mái ấm CĐ" hơn 2.9 tỷ đồng. Chương trình "Ánh sáng CĐ" 880 triệu đồng. Tháng CN năm 2021 kéo dài 3 tháng các cấp CĐ trong toàn ngành đã chi 85,52 tỷ đồng chăm lo cho CN lao động bằng các chương trình phúc lợi đoàn viên. Tổ chức khám sức khỏe cho 13.782 NLĐ với số tiền hơn 3 tỷ đồng. 11.885 NLĐ đi du lịch, nghỉ ngơi tại chỗ với số tiền 20,9 tỷ đồng. Tổ chức trại hè tại chỗ và hỗ trợ HSSV khó khăn do Covid-19 cho 944 cháu với số tiền 702 triệu đồng. Tuyên dương 516 cháu HSSV thi đậu vào các trường đại học, vượt khó học giỏi với số tiền gần 2,7 tỷ đồng. Vận động các nhà tài trợ cho Quỹ khuyến học 28/10 với số tiền 3,74 tỷ đồng nâng tổng quỹ 20,5 tỷ đồng.

tác cổ phần hóa doanh nghiệp. Tổ chức trực tuyến 50 điểm cầu tập huấn phần mềm kế toán CĐ cho 536 cán bộ. Tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng 2,7 tỷ đồng.

Hoàn thành biên soạn và xuất bản bộ sách (2 tập) "Lịch sử Cao su Việt Nam" và kỷ yếu "Bàn tay vàng" Cao su Việt Nam. Duy trì và nâng cao chất lượng bản tin CĐ phát hành 85 số với 3.200 bản/số, định kỳ 1 số/tháng. Phối hợp tổ chức thành công "Liên hoan tuyên truyền ca khúc truyền thống ngành cao su" năm 2021.

Tổng quan phong trào CN và hoạt động CĐ của CĐ Cao su Việt Nam năm 2021 đã tạo được nhiều dấu ấn đậm nét, có sức lan tỏa mạnh mẽ, sáng tạo trong hoàn cảnh của đại dịch Covid. Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép bằng những việc làm cụ thể, sát thực, hiệu quả, hướng về cơ sở, đồng hành cùng người lao động, đồng hành cùng doanh nghiệp vì sự tồn tại và phát triển bền vững của Tập đoàn. Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu của Tổng Liên đoàn và Đảng ủy Tập đoàn giao.

Làm tốt các chức năng của tổ chức CĐ, vào cuộc quyết liệt với nhiều giải pháp và hành động hiệu quả vì người lao động, vì sự phát triển của doanh nghiệp. Tham gia hiến kế, đề xuất tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức đời sống, hỗ trợ CN lao động phòng chống dịch. Duy trì các phong trào thi đua, sáng tạo nhiều phong trào thi đua mới và tiếp tục đổi mới vinh danh người lao động. Tổ chức CĐ tiếp tục được củng cố ở các cấp theo hướng tinh gọn hiệu quả thiết thực. Đội ngũ cán bộ CĐ tận tâm, sáng tạo, đoàn viên người lao động thủy chung gắn bó, chung sức chung lòng vượt qua khó khăn, nỗ lực phấn đấu sản xuất kinh doanh, việc làm, đời sống, thu nhập người lao động tăng, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, quy chế dân chủ ở cơ sở, quan hệ lao động ổn định, tiến bộ, sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy Đảng. Sự phối hợp có hiệu quả của các cấp chính quyền, sự khẳng định vai trò, trách nhiệm của tổ chức CĐ đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động là nhân tố quyết định thắng lợi hoạt động CĐ.

Năm 2022 được tiên lượng nhiều khó khăn khó lường: Đại dịch Covid vẫn còn đó với những diễn biến khó lường tác động sâu sắc đến sản xuất kinh doanh, đời sống người lao động, biến đổi khí hậu, thiên tai luôn rình rập. Thị trường, giá cả chưa ổn định, biến động lực lượng lao động được dự báo thiếu hụt xảy ra tại các vùng đô thị hóa, công nghiệp hóa phát triển, đời sống người lao động hậu Covid còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Nhiệm vụ của phong trào CN và hoạt động CĐ năm 2022 chủ yếu và trọng tâm với chủ đề: Chăm lo việc làm, đời sống người lao động; Phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội XIII CĐ Việt Nam.

Nghiên cứu đề xuất và tham gia xây dựng, triển khai, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến quyền của người lao động, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi Covid-19, về khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh. CĐ cơ sở tích cực chủ động tham gia với người sử dụng trong xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, vận động người lao động làm việc bảo đảm an toàn, thích ứng với dịch bệnh Covid-19; Tổ chức thương lượng, đối thoại với người sử dụng lao động để đảm bảo quyền lợi người lao động, trong đó quan tâm đến việc làm, thu nhập cho người lao động tại doanh nghiệp.

Tập trung thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo tăng trưởng của Tập đoàn về từng đơn vị thành viên. Thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội CĐ các cấp, Nghị quyết Đại hội XII CĐ Việt Nam, triển khai kế hoạch tổ chức Đại hội CĐ các cấp tiến tới Đại hội XIII CĐ Việt Nam, Chương trình hành động Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về "Đổi mới tổ chức và hoạt động của CĐ Việt Nam trong tình hình mới".

Sắp xếp tinh gọn các Ban chuyên đề CĐ Cao su Việt Nam, CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở, CĐ cơ sở, cán bộ CĐ chuyên trách theo các quy định của Tổng Liên đoàn, theo hướng tăng kiêm nhiệm, giảm chuyên trách. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ CĐ cơ sở, nhất là cán bộ chủ chốt, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, kiến thức pháp luật vận động quần chúng, kỹ năng đối thoại, thương lượng…

Tiếp tục phát động các phong trào thi đua hiện có, sáng tạo nhiều phong trào thi đua mới thiết thực với cuộc sống, sát với thực tiễn sản xuất kinh doanh. Vận động đoàn viên, người lao động tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác, khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

Phát huy vai trò của CĐ cơ sở trong đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thông qua hướng dẫn, giám sát việc ký hợp đồng lao động, thương lượng, ký kết, thực hiện thỏa ước lao động tập thể và thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở.

Nhiệm vụ trước mắt:

Các cấp CĐ trong toàn ngành tham gia cùng với chuyên môn tính toán mọi nguồn lực để giải quyết tiền lương, tiền thưởng cho CN lao động cuối năm. Chăm lo vật chất tinh thần tổ chức Tết cho CN để tất cả mọi người đều có Tết với phương châm: Vui tươi, đầm ấm, bình an, tiết kiệm. Quan tâm đến CN bị ảnh hưởng Covid-19 vùng sâu vùng xa, CN là người dân tộc các vùng miền, CN có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp.

Tổng hợp đầy đủ gởi CĐ CSVN hỗ trợ kịp thời trước Tết Nguyên đán. Tổ chức "Tết sum vầy – Xuân bình an" bằng hình thức phù hợp, bằng khả năng tài chính của đơn vị mình. Thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, cán bộ CĐ nghỉ hưu, cán bộ đang làm nhiệm vụ ở tuyến đầu. Phòng chống cháy nổ vườn cây, nhà máy, khu dân cự, đảm bảo an toàn trong dịp Tết. Ra quân sản xuất khí thế ngay từ đầu năm.

Tổ chức Hội nghị người lao động, Hội nghị CBCC các cấp theo đúng nội dung hướng dẫn, thực hiện quy chế dân chủ theo quy định, phát huy tinh thần làm chủ của CN lao động, đối thoại tạo sự đồng thuận cao, đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị năm 2022.

Xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức Tháng CN năm 2022 với chủ đề "Công nhân Việt Nam: Tiên phong, sáng tạo, trách nhiệm, an toàn thích ứng", các hoạt động Tháng CN năm 2022 khơi dậy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, đồng thời phát huy vai trò tiên phong, tinh thần trách nhiệm của giai cấp CN Việt Nam trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phục hồi và phát triển kinh tế từ đại dịch Covid-19.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN:

*Đã phát triển mới **5.462** đạt **188,34%** chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao.*

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG:

*Giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và kết nạp vào Đảng **480** đạt **178,4%**.*

Công tác kiểm tra giám sát được duy trì thường xuyên. Kiểm tra việc thi hành Điều lệ CĐ, kiểm tra tài chính cùng cấp 18/18 đơn vị đạt 100%. Tổ chức tham gia giám sát theo quyết định 217 ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị 194 cuộc.

PHÂN LOẠI TỔ CHỨC CĐ:

***4/18** CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở xuất sắc. **14** hoàn thành tốt nhiệm vụ.*

***42/215** CĐ cơ sở xuất sắc.*

CHƯƠNG IV

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chương trình Phát triển bền vững (PTBV):

ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU KẾT QUẢ KHẢ QUAN

Tiếp tục phát huy các hoạt động đã triển khai thành công năm 2020 và thúc đẩy các hoạt động khác trong Chương trình phát triển bền vững (PTBV) 2019 – 2024, năm 2021, Tập đoàn tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, đóng góp vào an ninh quốc phòng và tăng hiệu quả kinh tế để cải thiện thu nhập cho người lao động, xây dựng nền tảng cho việc tái kết nối với FSC, đạt được chứng nhận phát triển bền vững từ những tổ chức có uy tín trong và ngoài nước, mở rộng sự phối hợp với các bên liên quan để đẩy nhanh tiến độ và đúng hướng hội nhập quốc tế.

20 công ty thành viên được vinh danh là Doanh nghiệp bền vững

Năm 2021 là năm thứ ba Tập đoàn thực hiện Chương trình Phát triển bền vững giai đoạn 2019 – 2024. Nổi bật là tiến trình tái kết nối với FSC vẫn được tiếp tục vì có ý nghĩa quan trọng, tác động tích cực đến thương hiệu của Tập đoàn. Tập đoàn đã triển khai bước đầu về phương pháp luận làm cơ sở xây dựng lộ trình cụ thể vào năm 2022. Kết quả nổi bật khác là toàn Tập đoàn có 15 thành viên đã xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững trên 200.925 ha (69,7% tổng diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam).

Về việc thực hiện Chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS/FM) và Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (PEFC/CoC) cho các đơn vị thành viên. Tính đến tháng 12/2021, có 12 thành viên Tập đoàn được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế PEFC ST 1001:2010 trên **70.030 ha** cao su và được cấp chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế PEFC ST 2002:2013 cho **22** nhà máy; Ngoài ra, chủ động quan hệ hợp tác với các tổ chức về phát triển bền vững, phối hợp với Oxfam Campuchia để thực hiện Sổ tay hướng dẫn kết nối cộng đồng cho khu vực Campuchia, tham gia xây dựng hoàn thiện bản đồ số GIS cho toàn bộ diện tích cao su cho mục tiêu tái kết nối với FSC, các chứng chỉ rừng và hoàn thiện hệ thống quản lý.

Việc thực hiện danh hiệu **"Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam"** năm 2021 của Tập đoàn đã đạt thành tích xuất sắc, cao hơn 2 năm trước với **20** công ty thành viên được xếp vào Top 100, gồm: **Cao su Phú Riềng, Bình Long, Dầu Tiếng, Tân Biên, Phước Hòa, Tây Ninh, Đồng Phú, Đồng Nai, Lộc ninh, Hòa Bình, Bình Thuận, Bà rịa, Kon Tum, Chư Păh, Chư Prông, Chư Sê, Bến Thành, Khu công nghiệp Tân Bình, Gỗ Thuận An, Gỗ MDF VRG Quảng Trị**. Trong đó, **TCT Cao su Đồng Nai** là đơn vị thành viên đứng trong **Top 10** và là **1 trong 5 doanh nghiệp** được vinh danh xuất sắc tôn trọng và thúc đẩy quyền trẻ em trong kinh doanh năm 2021. **Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành** là 1 trong 5 doanh nghiệp được tôn vinh danh xuất sắc thực hiện bình đẳng giới tại nơi làm việc.

Tập đoàn tiếp tục kiên trì và phối hợp với FSC để có được chứng nhận FSC trong thời gian sớm nhất

Kiên định với chiến lược phát triển bền vững

Dù đang trong giai đoạn phục hồi và thực hiện nhiệm vụ kép, ngành cao su Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng, gia tăng giá trị chuỗi sản phẩm và đang hướng đến sự phát triển bền vững ở toàn bộ chuỗi cung ứng để đáp ứng nhu cầu của thị trường xuất khẩu và nội địa về sản phẩm bền vững.

Đại dịch Covid-19 đã và đang làm thay đổi toàn diện cấu trúc xã hội, tạo nên những tác động đa chiều đến hầu hết mọi lĩnh vực, ngành nghề.

Trong năm 2021, bên cạnh những diễn biến phức tạp của dịch bệnh, nền kinh tế nói chung và ngành cao su nói riêng còn phải đối mặt với những thách thức trước nguy cơ khủng hoảng năng lượng bao trùm toàn cầu, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng đẩy lạm phát tăng cao. Hoạt động sản xuất và xuất khẩu của ngành cao su thế giới cũng phải đối mặt với tác động của điều kiện thời tiết khắc nghiệt, thiếu nhân công và dịch bệnh nấm lá cao su ở một số nước sản xuất lớn cũng như tình trạng tắc nghẽn cảng biển.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là một trong những khâu đột phá lớn, góp phần tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Với chuỗi giá trị vốn phức tạp và khác biệt đối với từng quốc gia, từng vùng lãnh thổ, việc xây dựng sơ đồ chuỗi cung và trao đổi thông tin, số liệu để tháo gỡ các trở ngại về logistics cũng ngày càng trở nên cấp bách nhằm đảm bảo tính liên tục của chuỗi cung ứng cao su. Những xu hướng trên đặt ra yêu cầu đối với các doanh nghiệp trong ngành cao su Việt Nam cần phải thực hiện các quá trình chuyển đổi nhanh chóng hơn nữa nhằm thích ứng với tình hình mới, nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như giảm chi phí nhờ sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từ đó thâm nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu đang có xu hướng dịch chuyển sang Việt Nam.

Cùng với đó là việc tham gia các FTA thế hệ mới như CP TPP, EVFTA với mức độ hội nhập sâu rộng và toàn diện nhất từ trước tới nay của Việt Nam. Trong trạng thái bình thường mới tiếp theo sau đại dịch, ngành cao su Việt Nam phải chấp nhận cạnh tranh và tuân thủ tiêu chuẩn thị trường trong cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Đây sẽ là hướng đi tương lai mà doanh nghiệp cao su cần có sự chuẩn bị sẵn sàng để thích ứng kịp thời và hiệu quả.

Trước những cơ hội và thách thức đó, Tập đoàn kiên định và nỗ lực với mục tiêu PTBV bằng những giải pháp cụ thể. Tập đoàn cũng tiếp tục tuyên truyền, truyền thông, đào tạo, nâng cao năng lực về PTBV, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước về PTBV và tăng cường hệ thống quản lý nội bộ Tập đoàn.

Đồng thời, Tập đoàn tiếp tục thực hiện đầu tư an sinh xã hội theo đúng kế hoạch được phê duyệt cho các vùng dự án của thành viên và kết hợp với yêu cầu của Lộ trình tái kết nối với FSC, ưu tiên cho các dự án tại Campuchia và Lào. Tiến độ đầu tư phù hợp với điều kiện và năng lực của từng công ty, hiệu quả, thiết thực trên cơ sở tham vấn cộng đồng (ưu tiên về đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, giếng nước, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng, giao lưu văn hóa…).

Đảm bảo tuân thủ pháp luật về trách nhiệm đối với người lao động và quyền của người dân địa phương và các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật quốc gia, cải tiến quản lý và kỹ thuật để nâng cao thu nhập cho người lao động. Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để chia sẻ kinh nghiệm và các nguồn lực nâng cao đời sống của cộng đồng.

Tập đoàn và các đơn vị thành viên tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường như thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, các cam kết quốc tế và yêu cầu của Lộ trình tái kết nối FSC. Thúc đẩy thực hiện các dự án bảo tồn và phục hồi rừng, cải thiện đa dạng sinh học ở cấp cảnh quan và dự án, gắn với phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao sinh kế cho người dân. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cho 25 đơn vị thành viên đã đạt chứng nhận; Hướng dẫn và yêu cầu các thành viên thuộc đối tượng phải lập hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 được quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019.

MỘT SỐ MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU CỦA NĂM 2022:

+ Tiếp tục lộ trình tái kết nối với FSC

+ Cơ bản hoàn thành phương án QLRBV cho diện tích rừng cao su tại VN

+ Chứng chỉ rừng: mục tiêu đạt được tương đương 130.000 ha

+ Hợp tác với các tổ chức về thực hiện mục tiêu PTBV: OXFAM, FSC, PEFC, VFSC,....

Trong năm 2021, Tập đoàn đã tham gia và trình bày báo cáo tại 3 hội nghị quốc tế về chương trình phát triển bền vững, bao gồm: Diễn đàn đất đai khu vực sông Mekong 2021; Hội thảo trực tuyến "Chứng nhận cao su bền vững PEFC – góc nhìn từ những người tiên phong"; Hội thảo "Sẵn sàng cho "bình thường mới" tiếp theo.

TẬP ĐOÀN VÀ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng, Tập đoàn luôn chú trọng quan tâm chăm lo đời sống người lao động, đặc biệt là công tác an sinh xã hội trong và ngoài nước. Đây được xem là một trong những nhiệm vụ then chốt, trong quá trình phát triển bền vững của Tập đoàn.

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn, thách thức dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, biến đổi khí hậu, thời tiết thất thường, thiên tai khó lường…. nhưng bằng bản lĩnh, trí tuệ, sức sáng tạo, kinh nghiệm và truyền thống của ngành trong 92 năm qua, Tập đoàn đã tạo được nhiều dấu ấn đậm nét cả bề nổi lẫn chiều sâu, có sức lan tỏa mạnh mẽ, bằng những việc làm cụ thể, sát thực, hiệu quả, hướng về cơ sở, hướng về người lao động và vì người lao động, vì sự tồn tại và phát triển doanh nghiệp.

Mặc dù khó khăn, nhưng Tập đoàn xác định đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, đặc biệt là công tác an sinh xã hội phải được đảm bảo, chú trọng. Các hệ thống điện đường trường trạm, đồng hành cùng các dự án đảm bảo cho người dân được hưởng lợi. Dân góp đất trồng cao su, đảm bảo chia lợi nhuận và các lợi ích khác. Đồng thời, tạo mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền địa phương, bắt tay trong các công tác kết nghĩa, phối hợp đảm bảo an ninh quốc phòng, thu nhập và việc làm cho người dân tại các trụ sở công ty cao su trú đóng.

Phần lớn các thành viên tại Việt Nam, Lào và Campuchia đã đạt mức lương bình quân cao hơn mức lương tối thiểu trong vùng. Ngoài ra, người lao động đều được ký hợp đồng, cấp trang phục, vật dụng bảo hộ và an toàn lao động. Một số công nhân làm việc dài hạn và gia thuộc được cấp nhà ở và điện, nước. Mức thu nhập bình quân năm 2021 toàn Tập đoàn là 8,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 13,5% so năm trước.

Tại Việt Nam, mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 là 8,6 triệu đồng/người/ tháng; tăng 12,9 % so với năm 2020 là 7,6 triệu đồng/ người/ tháng.

Tại Campuchia, mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 hơn 7,7 triệu đồng/người/ tháng (tương đương 337 USD/người/tháng) tăng 7,7% so với năm 2020 là 7,2 triệu đồng/người/tháng (tương đương 313 USD/người/tháng), cao hơn nhiều so với mặt bằng thu nhập chung của lao động hiện nay tại quốc gia này.

Tại Lào, mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 hơn 9,2 triệu đồng/người/tháng (tương đương 400 USD/người/tháng) tăng 24% so với năm 2020 là 7,4 triệu đồng (tương đương 323 USD/ người/ tháng), cao hơn nhiều so với mặt bằng thu nhập chung hiện nay tại Lào và cao hơn mức thu nhập bình quân của công nhân tại Việt Nam (Tính theo tỷ giá 1USD tương đương 23.000 đồng).

Hướng tới phát triển bền vững, nâng cao đời sống, chăm lo sức khỏe cho NLĐ và chú trọng công tác an sinh xã hội là mục đích hàng đầu được VRG đề cao. Năm 2021, các đơn vị thành viên đã tổ chức các chương trình an sinh xã hội với tổng kinh phí khoảng 101 tỷ đồng, được thực hiện theo các hạng mục như: xây dựng và sửa chữa công trình giao thông; xây dựng các công trình cộng đồng và công cộng (làm đường, trường học, chùa, đài tưởng niệm, trạm y tế,...v..v..); xây dựng nhà ở cho người lao động, hỗ trợ gia đình chính sách và gia đình khó khăn; hỗ trợ phúc lợi cho người lao động; hỗ trợ chương trình phòng chống dịch bệnh Covid - 19; hỗ trợ cho các tổ chức từ thiện, công đoàn, đoàn thanh niên, chính quyền và các chương trình an sinh xã hội khác.

Năm 2021, Tập đoàn đã tăng cường kết nối và tham vấn cộng đồng, cụ thể: Hợp tác với Oxfam tại Việt Nam xây dựng Sổ tay kết nối cộng đồng trong quản lý rừng cao su bền vững: Tập đoàn đã có Quyết định số 19/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/1/2021 về việc ban hành "Sổ tay hướng dẫn kết nối cộng đồng trong quản lý rừng cao su bền vững" áp dụng tại Việt Nam. Hợp tác với Oxfam Campuchia thực hiện Sổ tay hướng dẫn kết nối cộng đồng trong quản lý rừng cao su bền vững", áp dụng "Hướng dẫn tự nguyện về giảm thiểu rủi ro môi trường và xã hội cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp tại tiểu vùng Mekong"; thực hiện nghiên cứu liên quan đến giới tính (phụ nữ) tại nơi làm việc.

Tập đoàn đã có Quyết định số 197/QĐ-HĐQTCSVN ngày 7/8/2021 về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn kết nối cộng đồng cho các đơn vị thành viên tại Campuchia (Anh – Việt – Cam). Tập đoàn đã phối hợp với Oxfam tại Campuchia và Văn phòng đại diện Tập đoàn tại Campuchia hỗ trợ 3 công ty tại Campuchia triển khai thí điểm Sổ tay nhằm xây dựng quy trình hỗ trợ kỹ thuật cho các hoạt động lồng ghép kết nối cộng đồng và bình đẳng giới trong quản lý rừng bền vững của các Công ty CPCS Chư Sê Kampong Thom, Công ty CPCS Đồng Nai Kratie và Công ty CPCS Krông Búk Ratanakiri.

Trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường (BVMT), các đơn vị thành viên Tập đoàn đã và đang thực hiện trách nhiệm BVMT đã được quy định theo Luật BVMT Việt Nam và Quy chế quản lý và BVMT của Tập đoàn. Đến nay, hiện có 29 đơn vị áp dụng ISO 14001(tăng 7 đơn vị so với năm 2020). Các cơ sở sản xuất và KCN đều được đầu tư hệ thống XLNT, các hệ thống XLNT đã được vận hành ổn định và đạt chất lượng theo yêu cầu, trong đó có 41 hệ thống XLNT đạt cột A QCVN (QCVN 01-MT/2015/BTNMT và QCVN 40/2011/ BTNMT). Bên cạnh đó, Tập đoàn đã đầu tư 32 hệ thống quan trắc tự động liên tục để giám sát trực tiếp quá trình vận hành; định hướng sẽ tiếp tục đầu tư 13 hệ thống quan trắc tự động liên tục.

Năm qua, các đơn vị tổ chức tham gia hưởng ứng các chương trình hoạt động về môi trường, đã đạt được kết quả khích lệ như sau: Khơi thông cống 54.809 mét, tăng 64%; Thu gom rác 40.933 kg, tăng 10,9%; Trồng cây 47.044 cây, tăng 130%; Treo băng rôn 701 chiếc, tăng 265%; Tập huấn môi trường: 80 buổi, như năm 2020; Vệ sinh tuyến đường giao thông 278,86 km, tăng 564%; Lượt người tham gia 33.889, tăng 93,2%. Qua tổng hợp về việc hưởng ứng các chương trình hoạt động về môi trường, nhìn chung trong năm 2021, các đơn vị thành viên đã nâng cao nhận thức và tích cực triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường so với năm 2020.

Bên cạnh đó, VRG đã ban hành văn bản số 901/CSVN-VP ngày 01/04/2021 hướng dẫn các thành viên xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động, sáng kiến, giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

"TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VRG GẮN VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC"

Chương trình Phát triển bền vững của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được xây dựng trên 3 trụ cột chính: Kinh tế, Xã hội và Môi trường, gồm những hoạt động cụ thể nhằm tuân thủ chính sách của Việt Nam, thực hiện Chiến lược của Tập đoàn và đáp ứng xu hướng của xã hội. VRG cam kết sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và của Liên Hiệp Quốc. VRG cũng yêu cầu các nhà cung ứng áp dụng các quy tắc theo các cam kết phát triển bền vững của VRG.

TT	Mục tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc và Việt Nam đến 2030	Cam kết của VRG về thực hiện SDGs
1	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Bảo đảm lương và thu nhập của người lao động cao hơn mức tối thiểu trong vùng theo quy định của quốc gia.
2	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Đảm bảo không có người lao động nào bị đói. Thực hiện quy trình sản xuất bền vững và đầu tư có trách nhiệm, tăng năng suất, cải thiện thu nhập. Tạo điều kiện đa dạng cây trồng, phát triển nông lâm kết hợp góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho người lao động và cộng đồng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến tiến bộ khoa học công nghệ, sử dụng bộ giống và kỹ thuật thích hợp có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, không làm mất đa dạng sinh học, đa dạng di truyền để tạo tuyển giống cây cao su tiến bộ liên tục, cải tạo đất với giải pháp thân thiện, không sử dụng hóa chất bị cấm. Hỗ trợ hộ cao su tiểu điền qua đào tạo, mua mủ cao su với giá cạnh tranh, áp dụng hợp đồng trong sản xuất và tiêu thụ theo pháp luật và chính sách phát triển bền vững. Hạn chế rủi ro do biến động về giá và thị trường. Đạt được chứng nhận về phát triển bền vững, đầu tư có trách nhiệm, đảm bảo chất lượng và uy tín trong thương mại.
3	Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi	Tất cả người lao động được khám sức khỏe định kỳ, phòng chữa bệnh kịp thời, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ chế độ theo pháp luật. Hỗ trợ thân nhân của người lao động trong phòng chống, chữa bệnh. Đóng góp xây dựng trạm y tế, bệnh viện trong vùng dự án cho người lao động và cộng đồng địa phương. Xử lý tốt các loại chất thải; không gây ô nhiễm môi trường. Tập huấn và trang bị đầy đủ để đảm bảo an toàn lao động. Sản phẩm an toàn cho người sử dụng.
4	Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	Đào tạo cho người lao động để thực hành tốt công việc và tăng năng suất. Tạo điều kiện được học tập suốt đời để nâng cao kỹ năng làm việc và hòa nhập với chuyển biến của xã hội, xu thế phát triển bền vững. Tạo điều kiện, đóng góp và khuyến khích việc học tập cho con em của người lao động.
5	Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái	Không phân biệt giới trong chính sách tuyển dụng lao động, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, đảm bảo quyền lợi nữ lao động theo pháp luật. Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của phụ nữ và cơ hội bình đẳng để lãnh đạo ở tất cả các cấp. Tăng cường công nghệ, thiết bị để tạo thuận lợi cho công việc giao phụ nữ phụ trách. Không sử dụng lao động trẻ em.
6	Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người	Tạo nguồn nước sạch an toàn và giá cả phù hợp cho người lao động, chú ý đến nhu cầu của phụ nữ và người yếu thế. Không tác hại đến chất lượng nước (không xả rác thải, hóa chất, vật liệu độc hại vào nguồn nước). Tiết kiệm nước, xử lý nước thải theo tiêu chuẩn quốc gia và tái sử dụng nước ở mức đáng kể. Bảo vệ nguồn nước qua phục hồi hệ sinh thái (rừng, sông suối, nước ngầm, hồ chứa…). Kết nối cộng đồng địa phương để duy trì, cải thiện, quản lý nguồn nước sạch.
7	Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người	Tăng cường áp dụng năng lượng sạch, tái tạo, hiệu quả, bền vững (sử dụng ánh sáng tự nhiên, điện mặt trời, dầu DO thay dầu diesel, năng lượng biomass…) với giá cả phù hợp trong chuỗi cung ứng và trong sinh hoạt của các gia đình người lao động.
8	Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người	Cải tiến quản lý và kỹ thuật liên tục, tạo năng suất cao, giá trị gia tăng và bền vững cho rừng cây cao su, các nhà máy và cho người lao động với mức thu nhập cao hơn trung bình cùng ngành nghề trong khu vực. Xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và lao động trẻ em. Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo pháp luật và theo Công ước Lao động quốc tế (ILO).

9	Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới	Đảm bảo các công trình cơ sở hạ tầng có chất lượng, bền vững, thân thiện với môi trường, khả năng chống chịu cao, được sửa chữa kịp thời, sử dụng công bằng, hợp lý. Hỗ trợ phát triển kinh tế và phúc lợi tập thể. Thúc đẩy công nghiệp hóa qua phát triển sản phẩm cao su và sản phẩm gỗ cao su có giá trị gia tăng cao.
10	Giảm bất bình đẳng trong xã hội	Đảm bảo cơ hội bình đẳng, không phân biệt đối xử, áp dụng nguyên tắc đối xử đặc biệt theo quy định của pháp luật. Tăng cường kết nối cộng đồng, tôn trọng quyền của phụ nữ và nhóm người yếu thế.
11	Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng	Xây dựng, tạo không gian xanh cho khu nhà ở của người lao động và cơ sở làm việc với các hệ thống tiện ích an toàn, giá cả hợp lý, quy hoạch phù hợp, dễ tiếp cận, không phát thải gây ảnh hưởng đến môi trường và dân cư xung quanh.
12	Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững	Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, kỹ thuật tốt nhất theo quy định, hạn chế hoặc không đốt lửa trong rừng cao su, giám sát và báo cáo các đám cháy. Nghiên cứu và đào tạo để cải tiến kỹ thuật liên tục. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường, kiểm soát và hạn chế sử dụng hóa chất, tái chế, tái sử dụng, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và xử lý chất thải theo quy định. Phấn đấu đạt chứng nhận bền vững của ISO, CSI 100, PEFCFM, PEFC-CoC, FSC, Ecovadis… cho mặt hàng cao su thiên nhiên, gỗ cao su và sản phẩm cao su. Có kế hoạch và quản lý diện tích, sản lượng cao su qua bản đồ số (GIS). Có chính sách mua sắm bền vững, phù hợp với chính sách quốc gia và hệ thống chứng nhận chọn lọc.
13	Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai	Nghiên cứu cải tiến liên tục quy trình kỹ thuật và bộ giống cao su chống chịu tốt với biến đổi khí hậu. Đánh giá rủi ro và xây dựng phương án thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu và khắc phục tác hại do thiên tai.
14	Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững	Tham gia ủng hộ các hoạt động, truyền thông về bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn lợi biển. Tuyên truyền, hướng dẫn người lao động ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm biển, không sử dụng, không tiêu thụ sản phẩm từ biển liên quan đến các hoạt động tác hại biển bị pháp luật ngăn cấm.
15	Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất	Xây dựng và thực hiện các phương án quản lý rừng cao su bền vững, giám sát (qua GIS) và có báo cáo về quản lý rừng; ngăn chặn phá rừng, mất rừng, chuyển đổi hệ sinh thái tự nhiên từ sau năm 2015; phục hồi và bảo tồn rừng, hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; đánh giá trữ lượng carbon và giá trị bảo tồn cao; cấm săn bắt, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rừng bất hợp pháp. Không trồng cao su, khai thác trên đất than bùn ở bất cứ độ sâu nào. Bảo vệ hành lang sông suối. Áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp. Giảm thiểu hóa chất và không sử dụng hóa chất cấm. Các nhà cung ứng phải thực hiện quy tắc này. Thực hiện lộ trình đến 2030 có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia và quốc tế (VFCS, PEFC, FSC) cho tất cả diện tích cao su của Tập đoàn tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Đánh giá, báo cáo tác động xã hội và môi trường theo quy định.
16	Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp	Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan đến mục tiêu này. Phòng chống tham nhũng và hối lộ. Xây dựng thể chế minh bạch, hiệu quả ở các cấp. Tôn trọng quyền hợp pháp và chính đáng của cộng đồng và các bên liên quan được Việt Nam cam kết với Liên Hiệp Quốc và các công ước quốc tế (ILO).
17	Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững	Cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, Có quy trình xử lý khiếu nại. Xây dựng báo cáo theo quy định quốc gia, hướng đến báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm huy động, chia sẻ kiến thức, công nghệ, nguồn lực và nâng cao năng lực để đạt các mục tiêu phát triển bền vững.

Để thực hiện các cam kết trên, Tập đoàn xây dựng kế hoạch hành động cụ thể hàng năm cho Chương trình Phát triển bền vững từng giai đoạn, căn cứ trên chính sách của Nhà nước và các hiệp định mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hiệp Quốc về phát triển bền vững, đồng thời, căn cứ trên kết quả, điều kiện khả thi và mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần tên giao dịch quốc tế Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company (tên viết tắt: VRG), sau đây gọi tắt là 'Tập đoàn' trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tổng Công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 04 tháng 03 năm 2014.

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 06 năm 2018. Vốn điều lệ của Tập đoàn sau khi chuyển thành Công ty cổ phần là 40.000.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tập đoàn được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 với mã chứng khoán GVR.

Từ ngày 09 tháng 3 năm 2021 Cổ phiếu của Tập đoàn giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán GVR.

- Trụ sở chính : Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ giao dịch : Số 177 Hai Bà Trưng, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 932 5234 0283 932 5235
- Fax : 0283 932 7341

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Công Kha	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Trần Ngọc Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT và Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 12/01/2022
Ông	Lê Thanh Hưng	Thành viên	
Ông	Phạm Văn Thành	Thành viên	
Ông	Hà Văn Khương	Thành viên	
Ông	Phan Mạnh Hùng	Thành viên	
Ông	Nguyễn Hay	Thành viên	

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Đỗ Khắc Thăng	Trưởng ban	
Ông	Trần Khắc Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Giang Hoa Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Võ Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/01/2022

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Lê Thanh Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Huỳnh Văn Bảo	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2022
Ông	Trần Công Kha	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/01/2022
Ông	Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mẹ Tập đoàn là 4.158.196.263.511 đồng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng, duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Lê Thanh Hưng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 18/03/2022, từ trang 05 đến trang 69, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
M.S.D.N: 0102051074 - C.T.T.N.H.H
NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Mai Quang Hiệp	**Nguyễn Bảo Trung**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký	Giấy chứng nhận đăng ký
hành nghề kiểm toán số 1320-2018-126-1	hành nghề kiểm toán số 0373-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
Ngày 28 tháng 03 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**22.769.352.069.241**	**22.166.796.521.089**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.01	**5.303.619.340.768**	**5.528.283.614.830**
111	1. Tiền		2.340.811.387.448	2.082.342.025.835
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.962.807.953.320	3.445.941.588.995
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	V.02	**10.279.304.670.167**	**10.764.750.681.992**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.163.634.161	1.163.634.161
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(68.237.000)	(68.237.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.278.209.273.006	10.763.655.284.831
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.849.079.360.558**	**2.949.233.801.252**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.305.815.350.535	1.285.708.497.811
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	510.863.626.115	525.474.388.619
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	10.520.019.690	10.547.546.310
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	1.185.333.501.814	1.301.039.490.409
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(196.187.968.095)	(236.775.894.710)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.07	32.734.830.499	63.239.772.813
140	**IV. Hàng tồn kho**	V.08	**3.470.646.319.623**	**2.079.297.700.052**
141	1. Hàng tồn kho		3.532.984.204.833	2.094.198.541.501
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(62.337.885.210)	(14.900.841.449)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**866.702.378.125**	**845.230.722.963**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	70.603.229.955	79.919.021.398
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		498.483.519.497	517.320.841.207
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	297.615.628.673	247.990.860.358

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**56.244.845.666.143**	**58.111.382.571.363**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**687.629.938.300**	**736.244.027.770**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.03	-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	74.741.909.565	76.231.460.209
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	852.930.351.700	888.872.715.844
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.06	240.050.136.616	236.485.151.852
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(480.092.459.581)	(465.345.300.135)
220	**II. Tài sản cố định**		**32.558.961.754.737**	**30.562.373.856.095**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	32.437.264.858.666	30.447.298.572.262
222	*- Nguyên giá*		*48.991.361.935.839*	*45.226.523.489.496*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(16.554.097.077.173)*	*(14.779.224.917.234)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.13	912.333.329	1.225.133.333
225	*- Nguyên giá*		*1.251.200.000*	*1.251.200.000*
226	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(338.866.671)*	*(26.066.667)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.12	120.784.562.742	113.850.150.500
228	*- Nguyên giá*		*198.666.805.587*	*185.271.829.046*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(77.882.242.845)*	*(71.421.678.546)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	V.14	**1.477.791.601.086**	**1.476.180.958.452**
231	*- Nguyên giá*		*2.164.020.409.434*	*2.057.205.481.486*
232	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(686.228.808.348)*	*(581.024.523.034)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	V.15	**14.729.359.134.988**	**18.001.721.557.036**
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		187.354.198.520	94.510.332.841
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		14.542.004.936.468	17.907.211.224.195
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	V.02	**2.760.226.679.370**	**3.163.027.862.580**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.329.783.430.802	2.617.891.001.807
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		354.526.105.622	354.526.105.622
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(22.172.522.807)	(26.329.784.049)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		98.089.665.753	216.940.539.200
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**4.030.876.557.662**	**4.171.834.309.430**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.09	3.666.617.997.285	3.780.113.336.957
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.16	285.030.253.411	319.321.450.276
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		77.546.010.824	66.807.658.915
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại	V.17	1.682.296.142	5.591.863.282
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**79.014.197.735.384**	**80.278.179.092.452**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**27.074.158.287.185**	**28.847.527.041.151**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**10.866.850.865.303**	**11.015.038.357.982**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.18	852.576.277.065	853.856.860.323
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.19	469.087.994.731	528.183.145.533
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	515.704.335.437	539.250.538.033
314	4. Phải trả người lao động		2.045.873.303.244	1.491.906.120.538
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	473.482.247.217	398.369.033.987
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.21	301.800.678.042	319.913.955.182
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	2.027.816.719.517	1.955.584.819.541
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	2.661.903.488.666	3.772.259.625.860
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		21.818.661.920	22.024.642.356
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.496.787.159.464	1.133.689.616.629
330	**II. Nợ dài hạn**		**16.207.307.421.882**	**17.832.488.683.169**
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.18	-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.19	86.804.107.814	85.245.461.710
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	V.20	101.771.974.346	71.600.662.082
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.21	8.986.646.979.248	8.674.684.376.708
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.22	290.043.315.591	258.525.613.778
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.23	6.343.543.781.674	8.335.213.987.508
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.16	-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		398.497.263.209	407.218.581.383

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	V.24	**51.940.039.448.199**	**51.430.652.051.301**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**51.849.201.168.066**	**51.388.662.947.626**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*40.000.000.000.000*	*40.000.000.000.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		153.449.723.158	128.490.446.460
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		10.591.031.002	10.591.031.002
415	5. Cổ phiếu quỹ		(959.568.311)	(71.832.156.784)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.577.764.667.264)	(1.576.525.667.264)
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		446.867.085.315	1.027.509.033.695
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.133.367.632.585	3.445.109.742.483
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.264.574.242	6.986.344.327
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.631.590.901.141	4.574.989.151.798
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*473.394.637.630*	*804.259.262.167*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*4.158.196.263.511*	*3.770.729.889.631*
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.050.794.456.198	3.843.345.021.909
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**	V.25	**90.838.280.133**	**41.989.103.675**
431	1. Nguồn kinh phí		(37.991.052.791)	(103.762.566.063)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		128.829.332.924	145.751.669.738
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**79.014.197.735.384**	**80.278.179.092.452**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Minh	Phạm Văn Hỏi Em	Lê Thanh Hưng

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**26.226.269.744.269**	**21.140.408.643.143**
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	36.676.743.121	24.094.292.327
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01 - 02)**	VI.03	**26.189.593.001.148**	**21.116.314.350.816**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.04	18.614.304.897.718	16.517.119.117.612
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 11)**		**7.575.288.103.430**	**4.599.195.233.204**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	830.813.573.113	2.968.395.937.100
22	7. Chi phí tài chính	VI.06	719.154.123.110	867.058.667.345
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*607.999.588.765*	*726.129.832.902*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VI.07	285.453.277.353	319.423.213.015
25	9. Chi phí bán hàng	VI.08	507.093.532.539	442.912.025.818
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.09	1.681.979.286.962	1.774.060.277.264
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (20+21-22+24-25-26)**		**5.783.328.011.285**	**4.802.983.412.892**
31	12. Thu nhập khác	VI.10	1.044.967.454.846	1.469.460.910.652
32	13. Chi phí khác	VI.11	615.526.247.241	361.269.541.616
40	**14. Lợi nhuận khác (31 - 32)**		**429.441.207.605**	**1.108.191.369.036**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)**		**6.212.769.218.890**	**5.911.174.781.928**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.12	992.548.229.630	1.097.558.697.209
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.13	(119.825.569.822)	(262.737.526.531)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (5051-52)**		**5.340.046.559.082**	**5.076.353.611.250**
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		4.158.196.263.511	3.770.729.889.631
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.181.850.295.571	1.305.623.721.619
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.040	943
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.040	943

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Minh	Phạm Văn Hỏi Em	Lê Thanh Hưng

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
	I. Luu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***6.212.769.218.890***	***5.911.174.781.928***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***1.817.050.813.094***	***290.437.728.974***
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.303.518.160.158	2.066.517.154.614
03	- Các khoản dự phòng		17.233.034.914	(55.070.293.768)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.375.781.162	9.816.772.191
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.114.075.751.905)	(2.456.955.736.965)
06	- Chi phí lãi vay		607.999.588.765	726.129.832.902
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi***		***8.029.820.031.984***	***6.201.612.510.902***
	vốn lưu động			
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		174.609.297.333	(29.011.316.923)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.438.785.663.332)	1.479.634.682.913
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		974.487.344.837	397.075.596.488
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		122.811.131.115	(1.421.343.423.759)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	5.595.788.599
14	- Tiền lãi vay đã trả		(240.475.146.962)	(619.911.849.073)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.180.392.952.138)	(1.061.985.606.744)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		881.017.870.951	845.318.829.399
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.402.020.385.977)	(6.649.087.218.542)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***3.921.071.527.811***	***(852.102.006.740)***
	II. Luu chuyển tiền từ hoạt động đầu tu			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(865.428.496.691)	(859.279.039.585)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		246.207.934.029	253.511.744.436
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ đơn vị khác		(2.634.939.891.778)	(2.695.607.715.313)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác		1.711.638.307.907	1.803.819.580.252
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.326.401.314)	(45.774.781.904)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.889.481.421	39.667.602.318
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		611.567.649.798	653.232.279.208
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(931.391.416.628)***	***(850.430.330.588)***

BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHÁT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		3.382.141.215.246	7.634.624.227.313
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(6.484.167.558.274)	(7.390.017.822.421)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(109.942.261.055)	(118.761.632.340)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(3.211.968.604.083)***	***125.844.772.552***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)**		**(222.288.492.900)**	**(1.576.687.564.776)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**5.528.283.614.830**	**7.114.787.951.797**
61	Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.375.781.162)	(9.816.772.191)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)**		**5.303.619.340.768**	**5.528.283.614.830**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Minh	**Phạm Văn Hỏi Em**	**Lê Thanh Hưng**

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày18 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHÁT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

01. Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số ,252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tổng Công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 04 tháng 03 năm 2014

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với tên gọi là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 06 năm 2018. Vốn điều lệ của Tập đoàn sau khi chuyển thành Công ty cổ phần là
40.000.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tập đoàn được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 với mã chứng khoán GVR

Từ ngày 09 tháng 3 năm 2020 Cổ phiếu của Tập đoàn giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán GVR.

- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Rubber Group - Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VRG
- hTrụ sở chính: Số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- áĐịa chỉ giao dịch: Số 177 Hai Bà Trưng, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0283 932 5234 - 0283 932 5235 Fax: 0283 9327 341
- Website: http://www.vnrubbergroup.com

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm: Trồng, khai thác, chế biến cao su; Chế biến gỗ; Đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư trên đất cao su; Sản phẩm công nghiệp cao su; Phát triển nông nghiệp công nghệ cao cùng các lĩnh vực khác.

03. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng cây hàng năm khác;

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Chi tiết: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su và cây rừng trồng (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su, nguyên liệu ngành công nghiệp cao su, vật tư nông nghiệp);Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Cơ khí: đúc, cán thép; sửa chữa, lắp ráp, chế tạo và kinh doanh các sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp khác (không đúc, sắt thép và chế tạo sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trong cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng (Chi tiết: Hoạt động tài chính, tín dụng và dịch vụ tài chính);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải đường bộ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở). Công nghiệp sản xuất;
- Khai thác, xử lý và cấp nước (Chi tiết: Cấp nước);
- Thoát nước và xử lý nước thải (Chi tiết: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Đo đạc, bản đồ, kiểm định, giám định hàng hóa);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Chi tiết: Tin học);
- tIn ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan tại trụ sở);
- .Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn (Khác sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý du lịch (Chi tiết: Dịch vụ du lịch);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ xuất khẩu lao động);
- Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi gia súc (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ khoa học công nghệ, xuất bản; thương mại. Dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Chế biến và kinh doanh mủ cao su);
- Trồng cây cao su (Sản xuất kinh doanh chính);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Chi tiết: Đầu tư phát triển, tổ chức quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường thủy;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (trừ lưu trú bệnh nhân);
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ);
- Sản xuất điện (Chi tiết: Công nghiệp điện: Đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; Kinh doanh điện theo đúng các quy định của pháp luật);
- Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên văn phòng đại diện	Địa chỉ
1	Văn phòng đại diện tại Hà Nội	56 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
2	Văn phòng đại diện tại Quảng Ninh	27 Đại lộ Hòa Bình, Phường Trần Phú, Thị xã Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh
3	Văn phòng đại diện tại Campuchia	7B, 466 Street, Chamkamom District, Phnom Penh, Campuchia
4	Văn phòng đại diện tại Lào	Vientiane, Lào
5	Văn phòng đại diện tại Trung Quốc	12F Liangfeng mansion No. 8 Dongfang Pudong Shanghai, China PC. 200120
6	Văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ	1120 Avenue of the America 4 th floor, New York NY 10036 USA
7	Văn phòng đại diện tại Nga	Moscow-Russia 123056. Gruzinsky Pereulok. 3/201
8	Văn phòng đại diện tại Ukraine	96 Krasnozvesdny., Kiev City., Ukraine

Thông tin về các Công ty con và Công ty liên kết liên doanh

Nội dung	Số lượng
- Tổng số Công ty con tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính	101 Công ty
• Số lượng các Công ty con được hợp nhất	*101 Công ty*
• Số lượng các Công ty con không được hợp nhất	*0 Công ty*
- Tổng số Công ty liên kết tại ngày hợp nhất Báo cáo tài chính	16 Công ty
• Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất	*16 Công ty*
• Số lượng các Công ty liên kết không được hợp nhất	*0 Công ty*

CÔNG TY CON

Tại ngày 31/12/2021, Tập đoàn có một trăm lẻ một (101) Công ty con như sau:

Các Công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
2	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, thương nghiệp buôn bán mủ và các dịch vụ cho việc phát triển cao su
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Trồng, chăm sóc và khai thác cao su thiên nhiên; trồng rừng, khai thác, chế biến các loại cây lâm nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp
4	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cao su; Trồng, chăm sóc rừng, khai thác lâm sản
5	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
6	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	Trồng cây cao su, cà phê, cây nông nghiệp ngắn ngày; Mua bán, xuất nhập khẩu: Cao su, vật tư, thiết bị ngành cao su; cà phê, nông sản, thực phẩm
7	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	499 đường Giải Phóng, thị trấn Ea Đrăng, huyện EaH'leo, tỉnh Đăk Lăk	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
8	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su, cà phê; Sản xuất và chế biến gỗ; Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su; Khai thác và chế biến khoáng sản; Thương nghiệp bán buôn
9	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	Trồng trọt; Công nghiệp hoá chất phân bón và cao su; Thương nghiệp bán buôn; Khai hoang xây dựng vườn cây
10	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	258 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trồng mới, khai thác, chăm sóc và chế biến mủ cao su
11	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	Bán buôn cao su; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, trồng cây cao su; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
12	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	01 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Phú Hoà, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su, cà phê, hồ tiêu, sản xuất gỗ thành phẩm; Sản xuất phân bón; Thương nghiệp bán buôn và trực tiếp xuất khẩu
13	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Quốc lộ 1 A, xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư trồng, chăm sóc cây cao su; Xây dựng công trình dân dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi
14	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm; Trồng rừng kinh tế, rừng nguyên liệu; Dịch vụ Khách sạn
15	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Km22, QL 15A, xã Hà Linh, huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	Trồng, bảo vệ và khoanh nuôi rừng; Khai thác, chế biến, tiêu thụ các loại lâm sản; Xuất khẩu sản phẩm cao su thành phẩm; sản xuất gạch ngói
16	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê -Hà Tĩnh	Xóm 12 xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Trồng và chăm sóc, khai thác, chế biến, xuất khẩu sản phẩm Cao su
17	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Đường Lý Nam Đế, khu đô thị mới Đông Hưng, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	264 đường Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên
19	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Thị Trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến mủ cao su
20	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cao su
Các đơn vị sự nghiệp có thu do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn			
21	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật KH-CN các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp cao su thiên nhiên
22	Trung tâm Y tế Cao su	410 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong ngành cao su và ngành khác
23	Tạp chí Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Báo chí và in ấn
24	Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	1428 Phú Riềng Đỏ, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	Đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành cao su

Các công ty con do Tập đoàn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
25	Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	77,25%	83,57%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất kinh doanh điện năng; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp
26	Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	263 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	80,93%	80,93%	Sản xuất kinh doanh thủy điện; Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện
27	Công ty Cổ phần VRG Đăk Nông	Phường Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông	91,34%	98,30%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thuỷ điện; Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, các loại cây công nghiệp khác và trồng rừng
28	Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNKCao su	64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	82,44%	82,44%	Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su. Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu. Mua bán cao su và sản phẩm cao su
29	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phu, TP. Hồ Chí Minh	83,09%	92,11%	Chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dụng cụ thể thao; Mua bán cao su;Nhập khẩu các loại vật tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dụng cụ thể thao.
30	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị	KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	97,32%	97,41%	Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, Okal; Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác
31	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	66,62%	66,62%	Trồng cây cao su; Khai thác và chế biến mủ cao su; Thu mua mủ nguyên liệu; Bán lẻ xăng dầu; Mua bán và chế biến gỗ cao su
32	Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	207 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	89,28%	100,00%	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su (không kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh); Mua bán nguyên liệu cao su, khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)
33	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	55,06%	55,06%	Trồng, chăm sóc, khai thác, sơ chế cao su thiên nhiên

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
34	Công ty Cổ phần Cao su Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn, thị xã Long khánh, tỉnh Đồng Nai	50,00%	50,00%	Thu mua, sản xuất sơ chế mủ cao su; Bán buôn các sản phẩm sơ chế mủ cao su thiên nhiên; Kinh doanh XNK sản phẩm cao su, vật tư hoá chất sản xuất cao su
35	Công ty Cổ phần Quasa Geruco	D21, Trung tâm Thương Mại Đông Nam Á, Thị trấn Lao Bảo, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	99,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su và rừng nguyên liệu
36	Công ty Cổ phần TM Dịch vụ & Du lịch Cao su	Đại lộ Hoà Bình, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	96,52%	100,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu cao su và các loại nông, lâm, thuỷ hải sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn và khu du lịch; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa
37	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên	Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	42,30%	53,27%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
38	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	59,69%	59,69%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Mua bán mủ cao su
39	Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	61,00%	61,00%	Khai thác, chế biến gỗ, sản xuất các mặt hàng : tủ, bàn ghế, giường ngủ, mặt hàng gia dụng, các sản phẩm trang trí nội thất
40	Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Khách sạn Hưng Yên	Số nhà 611, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	98,41%	98,41%	Du lịch, dịch vụ, đào tạo, sát hạch lái xe
41	Công ty Cổ phần Cơ khí Cao Su	Số 12, Đường HT25, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	92,05%	92,05%	Chuyên sản xuất, chế tạo máy sơ chế mủ cao su
42	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	55,81%	55,81%	Trồng trọt, chế biến nông sản, lâm sản; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Công nghiệp hóa chất phân bón và cao su
43	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	Quốc lộ 22B, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	60,00%	60,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
44	Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	Tổ 11, Phường Chiềng Lề, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La	99,37%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
45	Công ty Cổ phần Cao Su Điện Biên	Đội 19, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	100,00%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ Cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới cây Cao su; Trồng rừng, chế biến gỗ, chăn nuôi gia súc; Đại lý mua bán, phân phối cây giống, phân bón, các sản phẩm Cao su

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
46	Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu	Tổ 5, phường Đoàn kết, thị xã Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	98,32%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới tiểu điền; Trồng rừng; Đại lý bón phân; Kinh doanh xuất nhập khẩu
47	Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	308E Phan Đình Phùng, Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	95,42%	100,00%	Trồng và chăm sóc cây cao su
48	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao su Nghệ An	Số 17, đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	92,94%	92,94%	Trồng cây cao su: trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su nguyên chất; Trồng rừng và chấm sóc rừng
49	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom	Tổ 8, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	99,06%	99,97%	Trồng và chăm sóc cây cao su
50	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	97,47%	97,47%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên; dịch vụ khách sạn và du lịch
51	Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	70,00%	70,00%	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su
52	Công ty Cổ phần VRG Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	94,70%	94,70%	Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và kinh doanh điện thương phẩm các nhà máy thủy điện. Đầu tư trồng, khai thác, chế biến cao su
53	Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	98,46%	98,46%	Trồng trọt, công nghiệp hóa chất phân bón và cao su; Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp
54	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Dầu Giây	Km 2, tỉnh lộ 769, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	71,84%	85,71%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
55	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Long Khánh	Khu công nghiệp Long Khánh, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	75,68%	81,00%	Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp
56	Công ty Cổ phần Cao su Hà Giang	Nhóm 4, Tổ 9, Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	99,99%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cây cao su; Dịch vụ hỗ trợ trồng mới; Chăn nuôi gia súc; Trồng và chăm sóc rừng; Chế biến gỗ; Đại lý mua bán tận thu mủ cao su
57	Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Thửa đất số 117, 118, tờ bản đồ số 15, ấp 1, xã Hưng Hoà, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	55,09%	90,00%	Chế biến gỗ; Mua bán mủ cao su

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
58	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú Kratie	Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	62,54%	88,33%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su
59	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Nai Kratie	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	88,73%	88,73%	Trồng, khai thác và chế biến cao su và cây nông nghiệp. Sản xuất, mua bán vật tư nông nghiệp
60	Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Thị trấn Đăk GLei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	77,46%	99,38%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
61	Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	41,54%	74,44%	Chế biến cao su kỹ thuật và các sản phẩm dân dụng từ cao su; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu cao su, vật tư, phân bón, hóa chất
62	Công ty Cổ phần Cao su Bảo Lâm	Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	93,83%	93,83%	Trồng, khai thác và chế biến cao su thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ, trồng rừng, khai thác và chế biến lâm sản
63	Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	Khu Công Nghiệp Rạch Bắp, đường D1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	92,67%	97,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
64	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Lô M, đường số 1, KCN Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	99,82%	100,00%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng
65	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Thôn Phú Nguyên, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	90,51 %	90,51 %	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; chế biến gỗ
66	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông	Cụm 3 tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	49,34%	88,41%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
67	Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	50,67%	70,60%	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
68	Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Khu phố 4A thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	59,03%	62,54%	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất; Sửa chữa máy móc, thiết bị phương tiện vận tải (trừ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ)
69	Công ty Cổ phần Phân bón Thương mại Phú Thịnh	Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	48,52%	53,61%	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng
70	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu	99,8%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
71	Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa Kampong Thom	Quốc lộ 56, xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu	92,75%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
72	Công ty Cổ phần Cao su Chư sê Kampong Thom	Số 420 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	99,95%	99,95%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Trồng cây cao su; Trồng cây điều; Trồng cây cà phê
73	Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang Ratanakiri	Số 536 Nguyễn Huệ, thị trấn Đắk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	100,00%	100,00%	Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất phân bón NPK; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
74	Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị	KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	72,04%	72,25%	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
75	Công ty TNHH Phát triển Cao su Phước Hòa Kampong Thom	Xã Boeung Lavea, huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	66,62%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
76	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	45,38%	91,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại
77	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long	Ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	55,38%	76,53%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
78	Công ty Cổ phần Cao su Yên Bái	Thôn 2, xã Tân Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	99,80%	100,00%	Trồng cây cao su và sơ chế mủ cao su
79	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Số nhà 186, đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	88,37%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
80	Công ty Cổ phần Cao su Krông Buk Ratanakiri	Xã Ea Hồ, huyện Krông Buk, tỉnh Đăk Lăk	100,00%	100,00%	Đầu tư, chăm sóc, chế biến, tiêu thụ cao su; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng; Mua bán xuất nhập khẩu cao su
81	Công ty Cổ phần Cao su Chư Prông Stung Treng	Xã Ia Drăng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	99,86%	99,86%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
82	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Kratie	Số 33, Tổ 26, khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	95,00%	95,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
83	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	97,99%	97,99%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
84	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Đường số 7, KCN Long Khánh, xã Bình Lộc, thị xã Long khánh, tỉnh Đồng Nai	69,00%	69,00%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Khai thác gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
85	Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K	Xã Don Cam Pech, huyện San Dan, Tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
86	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Bình	Xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	59,64%	95,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi
87	Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	51,04%	51,04%	Sản xuất găng tay y tế các loại
88	Công ty TNHH Cao su Bolikhamxay Hà Tĩnh	Tỉnh Bolikhamxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
89	Công ty TNHH Phát triển Cao su Tây Ninh Siêm Riệp	Xã Trapeang Prasat, huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Mean Cheay, Vương quốc Campuchia	60,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
90	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Tỉnh Oudomxay, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
91	Công ty TNHH VKETI	Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
92	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	99,98%	100,00%	Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại; Khai thác quặng kim loại quí hiếm
93	Công ty TNHH Cao su Ea H'leo BM	Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
94	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa Đăk Lăk	138 Hùng Vương, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	66,62%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
95	Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé Điện Biên	Bản Mường Nhé, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
96	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van	Tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100,00%	100,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su
97	Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Bán buôn cao su
98	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	68,17%	68,17%	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Khai thác gỗ; Sản xuất gỗ
99	Công ty TNHH Cao su & Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk	Thôn 2, Xã Ia Jlơi, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	53,69%	80,59%	Trồng cây ăn quả; Chế biến và bảo quản rau quả; Trồng cây cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
100	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ cao su Kon Tum	Thôn 01, Xã Đắk La, Huyện Đák Hà, Tỉnh Kon Tum	51,00%	51,00%	Khai thác gỗ và lâm sản khác; thu nhặt sản phẩm từ rừng; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.
101	Công ty Cổ phần Thanh phố Nội thất Việt Nam	Tòa nhà U&I, số 158, đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam.	33,98%	51,00%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, kim loại;

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tại ngày 31/12/2021, Tập đoàn có mười sáu (16) Công ty liên kết, liên doanh như sau:

Stt	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thống Nhất	KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	36,07%	36,07%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; kinh doanh điện, nước sạch; dịch vụ xử lý nước thải
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	165 Bạch Đằng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	36,24%	39,11%	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh KCN; Xây dựng nhà ở, căn hộ, văn phòng; Khai thác và chế biến các loại khoáng sản; cho thuê đất, kho bãi, văn phòng, nhà ở, bãi đỗ xe
3	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	Số 8 Trần Quý Khoách, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	27,57%	27,57%	Trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	Ấp Hòa Vinh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	29,17%	29,17%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn tổng hợp
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	Km 72+000, đường ĐT.741, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	16,93%	20,54%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
6	Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha	Lô G, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	49,00%	49,00%	Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ, dăm nguyên liệu; Sản xuất, kinh doanh gỗ nhân tạo MDF, hóa chất phục vụ ngành gỗ
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	Lô E, KCN Lộc An, Bình Sơn, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.	31,00%	31,00%	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, nhà, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư, khu kinh tế; Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện: Kinh doanh điện, nước trong khu công nghiệp và đô thị
8	Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	Số 636 đường Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	27,14%	27,14%	Khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và mua bán các sản phẩm từ cây cao su; sản xuất mua bán, chế biến nông lâm sản xuất khẩu

STT	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
9	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Lô B3,1 KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	48,85%	48,85%	Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su; Băng tải, dây curroie, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đường số 1, ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	35,88%	41,50%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi; Sản xuất vật liệu xây dựng: Bêtông tươi, bêtông nhựa nóng, ống cống, cấu kiện bê tông đúc sẵn; Trồng, khai thác, chế biến và mua bán sản phẩm cây nông nghiệp và công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	KCN Nhơn Trạch 2, Lộc Khang, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	32,59%	32,59%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	Lô K5, K6, K7 Đường N9A, KCN Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	49,06%	49,06%	Sản xuất sợi nhân tạo, sản xuất sản phẩm khác từ cao su
13	Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	Đường ĐT 747 Khu phố Bình Khánh, Phường Khánh Bình, TX Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	8,46%	20,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
14	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	Khu Công nghiệp Ia Khươl, thôn Tân Lập, xã Ia Khươl, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	34,32%	34,32%	Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
15	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	Số 16 Võ Liêm Sơn, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	36,00%	36,00%	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón; Thoát nước và xử lý nước thải Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
16	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	49,00%	49,00%	Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là "đ"; ký hiệu quốc tế là "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với ước tính, giả định đặt ra.

02. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty mẹ Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán đi khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và các tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các đơn vị tham gia hợp nhất bao gồm:

Stt	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
1	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
2	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
3	Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
4	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
5	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
6	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
7	Công ty TNHH MTV Cao su Nam Giang - Quảng Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
8	Công ty TNHH MTV Cao su Krông Buk	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
9	Công ty TNHH MTV Cao su Eah Leo	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
10	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
11	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
12	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
13	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
14	Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
15	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Thuận	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
16	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
17	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
18	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Ngãi	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
19	Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
20	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
21	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
22	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
23	Trung Tâm Y tế	Báo cáo tài chinh đã được kiểm toán
24	Tạp chí Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
25	Trường Cao đẳng CN Cao su	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
26	Công ty CP Thủy điện Geruco Sông Côn	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Stt	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
27	Công ty CP VRG - Bảo Lộc	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
28	Công ty CP VRG - Đắk Nông	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
29	Công ty CP Công nghiệp XNK Cao su	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
30	Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi Sao Geru	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
31	Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
32	Công ty CP Cao su Phước Hòa	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
33	Công ty CP Cao su Việt Lào	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
34	Công ty CP Cao su Hòa Bình	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
35	Công ty CP Cao su Hàng Gòn	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
36	Công ty CP Cao su Quasa Geruco	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
37	Công ty CP TMDV Du lịch Cao su	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
38	Công ty CP KCN Nam Tân Uyên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
39	Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
40	Công ty CP Gỗ Dầu Tiếng	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
41	Công ty CP DLTM & KS Hưng Yên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
42	Công ty CP Cơ khí Cao su	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
43	Công ty CP Cao su Đồng Phú	Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
44	Công ty CP Cao su Tây Ninh	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
45	Công ty CP Cao su Sơn La	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
46	Công ty CP Cao su Điện Biên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
47	Công ty CP Cao su Lai Châu	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
48	Công ty CP Cao su Sa Thầy	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
49	Công ty CP ĐTPT Cao su Nghệ An	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
50	Công ty CP Cao su Tân Biên Kampongthom	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
51	Công ty CP Cao su Bà Rịa	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
52	Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Báo cáo tài chính
53	Công ty CP VRG - Phú Yên	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
54	Công ty CP Cao su Tân Biên	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
55	Công ty CP KCN Dầu Giây	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
56	Công ty CP KCN Long Khánh	Báo cáo tài chinh đã được kiểm toán
57	Công ty CP Cao su Hà Giang	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
58	Công ty CP Cao su Trường Phát	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
59	Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
60	Công ty CP Cao su Đồng Nai Kratie	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Stt	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
61	Công ty CP Thủy Điện VRG Ngọc Linh	Báo cáo tài chính
62	Công ty CP Cao su Kỹ Thuật Đồng Phú	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
63	Công ty CP Cao su Bảo Lâm	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
64	Công ty CP KCN An Điền	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
65	Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
66	Công ty CP ĐTXD Cao su Phú Thịnh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
67	Công ty CP Cao su Đồng Phú Đăk Nông	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
68	Công ty CP CB XNK Gỗ Tây Ninh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
69	Công ty CP Cơ khí Vận tải CS Dầu Tiếng	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
70	Công ty CP Phân bón TM Phú Thịnh	Báo cáo tài chính
71	Công ty CP Cao su Lai Châu II	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
72	Công ty Cp Cao su Bà Rịa Kampongthom	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
73	Công ty CP CS Chư sê Kampongthom	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
74	Công ty CP CS Mang Yang Ratanakiri	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
75	Công ty CP Phân vi sinh Quảng Trị	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
76	Công ty TNHH PT Cao su Phước Hòa Kampongthom	Báo cáo tài chính chuyển đổi dã được kiểm toán
77	Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
78	Công ty CP KCN Cao su Bình Long	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
79	Công ty CP Cao su Yên Bái	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
80	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
81	Công ty CP Cao su KrôngBuk Ratanakiri	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
82	Công ty CP CS Chư Prông Strung Cheng	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
83	Công ty CP CS Dầu Tiếng Kratie	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
84	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
85	Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
86	Công ty TNHH Phát Triển Cao Su CRCK - Chư Păh	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
87	Công ty CP KCN Tân Bình	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
88	Công ty CP VRG - Khải Hoàn	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
89	Công ty TNHH Cao su Hà Tĩnh - Bolikhamxai	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
90	Công ty TNHH PTCS Tây Ninh - Siêm Riệp	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
91	Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
92	Công ty TNHH Vketi	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
93	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
94	Công ty Cao su Eahleo - BM	Báo cáo tài chính

Stt	Tên công ty	Báo cáo tài chính tham gia hợp nhất
95	Công ty TNHH Cao su Phước Hòa - Đắk Lắk	Báo cáo tài chính
96	Công ty CP Cao su Điện Biên - Mường Nhé	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
97	Công ty TNHH MTV Cao su Qua Van - Quảng Trị	Báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán
98	Công ty CP xuất khẩu cao su VRG Nhật Bản	Báo cáo tài chính
99	Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
100	Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa Đắk Lăk	Báo cáo tài chính
101	Công ty TNHH Sản xuất Gỗ Cao su Kon Tum	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
102	Công ty CP Thành phố Nội thất Việt Nam	Báo cáo tài chính
103	Công ty CP Thống Nhất	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
104	Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	Báo cáo tài chinh đã được kiểm toán
105	Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học và SXTN Cao su Visorutex	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
106	Công ty CP ĐTXD CSHT Bình Phước	Báo cáo tài chính
107	Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Báo cáo tài chinh
108	Công ty CP Gỗ MDF VRG DONG WHA	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
109	Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành	Báo cáo tài chinh
110	Công ty CP Cao su TP. Hồ Chí Minh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
111	Công ty CP Cao su Bến Thành	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
112	Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
113	Công ty CP Lộc Thịnh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
114	Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Báo cáo tài chinh đã được kiểm toán
115	Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
116	Công ty CP Phát triển Nông nghiệp và Đô thị Việt Mỹ Hà Tĩnh	Báo cáo tài chinh
117	Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Tân Uyên	Báo cáo tài chính
118	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Báo cáo tài chinh đã được kiểm toán

03. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

a) Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm :

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

b) Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

04. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Tập đoàn có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

05. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Tập đoàn được quản lý và hạch toán như tiền của Tập đoàn.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

06. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

b. **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong năm. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

c. **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong năm. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

d. **Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp hợp nhất. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Tập đoàn liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

e. **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

07. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinhtừ giao dịch có tính chất mua, bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bántài sản(TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đếngiao dịch mua, bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ kế toán khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch (do Tập đoàn tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Riêng các khoản phải thu về cho vay khách hàng được sáp nhập từ Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam:

- Các khoản cho vay khách hàng được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo. Khoản cho vay này được theo dõi như các khoản dư nợ vay tín dụng và thực hiện trích lập dự phòng theo dự phòng rủi ro tín dụng.
    - Dự phòng rủi ro tín dụng: được lập theo quý và được ghi nhận vào Báo cáo tài chính trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm;

- Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Khoản vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày	0%
2	Nợ cần chú ý	- Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức).	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	- Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc - Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng.	20%
4	Nợ nghi ngờ	- Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất vào quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	- Quá hạn trên 360 ngày; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất vào quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ được đã cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ 2; hoặc - Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 3; hoặc - Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.	100%

- Dự phòng chung: được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 hàng năm

- Tập đoàn phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Quyết định số 22/VBHN-NHNN ngày 04 tháng 06 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.
- Ngoài ra, theo Công văn số 1687/NHNN-TCKT ngày 20/03/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: Nợ trong hạn và Nợ quá hạn dựa vào trạng thái của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.
- Hoạt động repo cổ phiếu được ghi nhận như một khoản phải thu về cho vay khách hàng, dự phòng rủi ro tín dụng trong lĩnh vực repo được Tập đoàn xác định căn cứ vào giá trị thuần của cổ phiếu repo tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.
Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

09. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về "sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định" của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm
- Các tài sản khác 08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý 02 - 20 năm

Riêng khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSĐT) được ghi nhận là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và
- Nguyên giá phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

BĐSĐT cho thuê hoạt động được trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Tập đoàn dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của BĐSĐT.

Khấu hao BĐSĐT được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhóm tài sản	*Số năm khấu hao*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất

BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá Tập đoàn không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tập đoàn đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

10. **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. **Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối năm khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Tập đoàn tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

12. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toánvào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

14. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.
Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

15. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:
- Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:
- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

17. Chuyển đổi Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty con có cơ sở ở nước ngoài được chuyển đổi theo Chuẩn mực kế toán số 10 ban hành công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn chuyển đổi theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 16 Chuẩn mực kế toán. Trong đó:
- Tài sản và nợ phải trả (các khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày 31/12/2021 của Ngân hàng giao dịch;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch của Ngân hàng nơi Công ty con thường xuyên giao dịch;
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được phân loại như là vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và phản ảnh trên chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái; Các chỉ tiêu thuộc vốn chủ sở hữu được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch theo từng lần góp vốn của Công ty mẹ. Chênh lệch do chuyển đổi vốn chủ sở hữu, chênh lệch giữa tổng tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo được ghi nhận là chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đơn vị tiền tệ nước ngoài sang VND.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được Tập đoàn ghi nhận tương ứng phần lợi ích của Tập đoàn tại Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu quỹ được Tập đoàn ghi nhận tương ứng phần lợi ích của Tập đoàn tại Công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính và chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thời gian xây dựng cơ bản.

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của các Công ty. Công ty quản lý và sử dụng các quỹ này theo đúng điều lệ và các quy định hiện hành có liên quan.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
Nguồn vốn đầu tư XDCB được hình thành từ nguồn lợi nhuận mà cơ quan có thẩm quyền để lại cho Tập đoàn với mục đích để đầu tư dài hạn theo kế hoạch.

Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp được hình thành từ nguồn thu bán phần vốn Nhà nước tại các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn trước đây. Hiện nay, Tập đoàn tạm thời được quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài Chính về quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước, Công mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ, công ty con.

19. Các nghiệp vụ quy đổi ngoại tệ

<u>Đối với doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng:</u>

Đối với Công ty mẹ và các Công ty tại Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản người mua trả tiền trước và trả trước cho người bán, doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của năm tài chính.

Đối với Công ty con tại nước ngoài

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối năm liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian không quá 5 năm.

<u>Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và quy đổi đối với tổ chức tín dụng:</u>

Theo hệ thống kế toán của các tổ chức tín dụng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng được hạch toán bằng VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh thông qua giao dịch mua bán ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản

kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại. Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ khác sang VND được xử lý vào doanh số của các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán vào ngày lập Báo cáo tài chính.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế. Các điều kiện để ghi nhận doanh thu được Tập đoàn áp dụng cụ thể như sau:

a. Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng

Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng được quyền lựa chọn hạch toán 1 lần khi thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của lô đất cho thuê thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê đất;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài lô đất đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Tập đoàn ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Với các lô đất cho thuê không thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu một lần, thực hiện phân bổ doanh thu nhận trước thành nhiều kỳ phù hợp với thời gian cho thuê.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là khoản tiền thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cây, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

e. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

f. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp

23. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Tập đoàn không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

24. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Tập đoàn không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ phải thu, phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi các khoản thuế đó liên quan trực tiếp đến khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khi tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được quản lý cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khi tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được quản lý cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

26. **Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

a. **Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
- Tiền mặt	150.945.082.005	98.813.293.291
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.189.866.305.443	1.976.293.645.888
- Các khoản tương đương tiền	2.962.807.953.320	3.453.176.675.651
Cộng	**5.303.619.340.768**	**5.528.283.614.830**

02. Đầu tư tài chính

02.1. Chứng khoán kinh doanh	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Địa ốc MB	1.095.397.161	-	1.095.397.161	1.095.397.161	-	1.095.397.161
Công ty Cổ phần Công nghiệp mới Kim Tự Tháp (OTC)	68.237.000	(68.237.000)	-	68.237.000	(68.237.000)	-
Cộng	**1.163.634.161**	**(68.237.000)**	**1.095.397.161**	**1.163.634.161**	**(68.237.000)**	**1.095.397.161**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý
02.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**2.028.396.288.412**	**301.387.142.390**	**2.329.783.430.802**	**2.028.843.188.412**	**589.047.813.395**	**2.617.891.001.807**
Công ty Cổ phần Thống Nhất	48.139.152.723	33.529.805.112	81.668.957.835	48.139.152.723	52.708.141.300	100.847.294.023
Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	8.749.737.281	(2.800.282.469)	5.949.454.812	8.749.737.281	(2.149.082.502)	6.600.654.779
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	58.397.844.479	31.400.153.222	89.797.997.701	58.397.844.479	40.192.373.022	98.590.217.501
Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	26.350.000.000	19.169.950.921	45.519.950.921	26.350.000.000	35.165.327.324	61.515.327.324
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	1.004.392.840.663	302.004.777.197	1.306.397.617.860	1.004.392.840.663	229.689.159.755	1.234.082.000.418
Công ty Đầu tư Phát triển VRG Long Thành	33.028.561.253	26.126.124.602	59.154.685.855	33.028.561.253	239.440.504.472	272.469.065.725
Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	95.141.496.684	(61.789.871.349)	33.351.625.335	95.141.496.684	(59.060.824.767)	36.080.671.917
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	57.440.573.000	44.675.825.341	102.116.398.341	57.440.573.000	42.316.099.937	99.756.672.937
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	9.768.852.055	(1.891.134.722)	7.877.717.333	9.768.852.055	13.042.678.913	22.811.530.968
Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	76.495.263.115	112.495.263.115
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA Do	150.850.230.247	(176.518.864.709)	(25.668.634.462)	150.850.230.247	(150.506.965.446)	343.264.801
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	8.086.578.953	(340.797.868)	7.745.781.085	8.086.578.953	(323.165.518)	7.763.413.435
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	4.176.773.239	(257.064.767)	3.919.708.472	4.176.773.239	(257.064.767)	3.919.708.472
Công ty TNHH Đô thị và Công nghiệp Nam Tân Uyên	80.000.000.000	16.193.471	80.016.193.471	80.000.000.000	16.853.498	80.016.853.498
Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng Việt Lào	368.345.953.553	1.654.766.309	370.000.719.862	368.345.953.553	(22.961.891.880)	345.384.061.673
Công ty CP Phát triển Đô thị và	39.527.694.282	86.407.562.099	125.935.256.381	39.974.594.282	95.240.406.939	135.215.001.221

02. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
02.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**354.526.105.622**	**(22.172.522.807)**	**347.574.404.863**	**354.526.105.622**	**(26.329.784.049)**	**328.196.321.573**
Qũy đầu tư Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Vũng Tàu Intourco	3.850.000.000	-	3.850.000.000	3.850.000.000	-	3.850.000.000
Công ty CP EVN Quốc Tế	44.118.073.392	-	58.579.200.000	44.118.073.392	(9.903.673.392)	34.214.400.000
Công ty CP Du lịch Sài Gòn Đông Hà	13.877.341.956	(7.784.515.153)	6.092.826.803	13.877.341.956	(5.932.674.502)	7.944.667.454
Công ty CP Điện Việt Lào	79.567.924.335		79.567.924.335	79.567.924.335	-	79.567.924.335
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 -CTCP	24.418.782.000	-	25.178.477.440	24.418.782.000	(2.875.989.880)	21.542.792.120
Công ty CP Đầu tư XD & XNK Cao su	1.500.000.000	(945.410.015)	554.589.985	1.500.000.000	(794.330.065)	705.669.935
Công ty CP BOT QL13 An Lộc- Hoa Lư	23.082.813.181		23.082.813.181	23.082.813.181	-	23.082.813.181
Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	51.808.000.000	(13.442.597.639)	38.365.402.361	51.808.000.000	(6.823.116.210)	44.984.883.790
Công ty CP Địa Ốc MB	600.000.000		600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty CP Mía đường Thanh Hóa	4.897.408.624		4.897.408.624	4.897.408.624	-	4.897.408.624
Công ty CP Tuấn Lộc Quảng Tị	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP CB Gỗ XK Địa ốc Cao su	303.998.714		303.998.714	303.998.714	-	303.998.714
Công ty Cổ phần Phú Việt Tín	12.500.000.000		12.500.000.000	12.500.000.000	-	12.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn VRG	91.001.763.420	-	91.001.763.420	91.001.763.420	-	91.001.763.420

02.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	**10.278.209.273.006**	**10.278.209.273.006**	**10.763.655.284.831**	**10.763.655.284.831**
Tiền gửi có kỳ hạn	10.278.209.273.006	10.278.209.273.006	10.763.655.284.831	10.763.655.284.831
Trái phiếu	0	0	0	0
Các khoản đầu tư khác	0	0	0	0
b. Dài hạn	**98.089.665.753**	**98.089.665.753**	**216.940.539.200**	**216.940.539.200**
Tiền gửi có kỳ hạn	62.719.665.753	62.719.665.753	178.570.539.200	178.570.539.200
Trái phiếu	35.370.000.000	35.370.000.000	38.370.000.000	38.370.000.000

03. Phải thu khách hàng

03.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu khách hàng mua mủ cao su nội địa	342.025.474.831	320.866.181.336
Phải thu khách hàng mua mủ cao xu xuất khẩu	338.281.240.495	198.997.737.999
Phải thu khách hàng về hoạt động gia công chế biến mủ cao su, pallet, sản xuất các sản phẩm từ gỗ	327.663.621.960	315.881.418.972
Phải thu khách hàng về hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng	97.786.097.738	46.216.315.083
Phải thu khách hàng mua cây cao su thanh lý, gẫy đổ	15.421.321.994	23.446.581.719
Phải thu về khách hàng hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì và duy tu công trình xây dựng	-	1.090.300.200
Phải thu khách hàng về bán, chuyển giao và lắp đặt công trình cơ khí, máy móc thiết bị	6.595.162.286	9.710.983.312
Phải thu khách hàng về hoạt động tư vấn, giám sát và các dịch vụ thẩm định trong xây lắp công trình	1.060.465.250	273.711.250
Phải thu khách hàng về hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.166.068	4.166.068
Phải thu về khách hàng thuê hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư	70.000.729.168	97.059.732.638
Phải thu khách hàng hoạt động cho thuê tài sản	5.636.480.529	5.027.690.252
Phải thu khách hàng về mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác	101.340.590.216	267.133.678.982
Cộng	**1.305.815.350.535**	**1.285.708.497.811**

04. Trả trước cho người bán

04.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Trả trước người bán về hàng hóa nội địa	116.023.899.528	122.711.901.785
Trả trước người bán về hàng hóa nhập khẩu	3.941.322.909	39.810.166.516
Trả trước người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	204.936.493.276	215.614.445.537
Trả trước người bán về dịch vụ nội địa được cung cấp	71.311.251.216	65.008.550.388
Trả trước người bán khác	114.650.659.186	82.329.324.393
Cộng	**510.863.626.115**	**525.474.388.619**

04.2. Trả trước cho người bán dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
Trả trước người bán về hàng hóa nội địa	-	344.914.185
Trả trước người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	191.700.000	191.700.000
Trả trước người bán khác	74.550.209.565	75.694.846.024
Cộng	**74.741.909.565**	**76.231.460.209**

05. Phải thu về cho vay

05.1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Cho vay tại các công ty thành viên trong Tập đoàn	2.990.894.689	3.018.421.309
Cho vay tại văn phòng Công ty mẹ Tập đoàn	7.529.125.001	7.529.125.001
Cộng	**10.520.019.690**	**10.547.546.310**

05.2. Phải thu về cho vay dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
Cho vay tại các công ty thành viên trong Tập đoàn	74.461.240.508	68.726.677.450
Cho vay tại Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam được sáp nhập	778.469.111.192	820.146.038.394
- Cho vay theo hình thức Repo cổ phiếu	*51.856.359.215*	*51.916.359.215*
- Cho vay khách hàng	*726.612.751.977*	*768.229.679.179*
Cộng	**852.930.351.700**	**888.872.715.844**

06.1 Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Lãi vay phải thu về cho vay	77.639.815.340	123.316.793.490
- Lãi dự thu	181.815.510.919	125.610.437.955
- Tạm ứng	126.658.332.359	100.402.763.005
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	20.934.352.053	77.486.453.953
- Phải thu về cổ phần hóa	-	132.017.301.238
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.158.650.432	17.817.764.647
- Phải thu người lao động	34.397.002.468	52.612.744.257
- Phải thu về các khoản bảo hiểm	2.562.778.973	14.882.790.785
- Phải thu về các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh	13.799.351.932	14.030.768.751
- Phải thu ngắn hạn khác	709.367.707.338	642.861.672.328
Cộng	**1.185.333.501.814**	**1.301.039.490.409**

06.2 Phải thu dài hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Lãi vay phải thu	12.530.738.798	12.896.232.267
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược	70.555.697.212	78.543.274.246
- Phải thu người lao động	178.628.077	178.628.077
- Phải thu về các khoản góp vốn hợp tác kinh doanh	39.930.131.423	37.534.860.167
- Phải thu dài hạn khác	116.854.941.106	107.332.157.095
Cộng	**240.050.136.616**	**236.485.151.852**

07. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2021	01/01/2021
- Tiền	6.552.911.868	6.267.911.868
- Hàng tồn kho, gửi bán	12.795.037.564	600.805.431
- Tài sản cố định	241.910.650	42.601.652.033
- Tài sản khác	13.144.970.417	13.769.403.481
Cộng	**32.734.830.499**	**63.239.772.813**

08. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	19.210.474.292	-	15.694.194.323	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	340.229.144.364	(845.444.390)	261.638.472.482	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	249.185.658.615	-	221.593.395.070	-
Chi phí SXKD dở dang	810.994.068.693	-	773.188.536.874	-
Thành phẩm tồn kho	1.799.071.073.954	(13.019.409.505)	575.191.595.456	(10.392.086.856)
Hàng hóa tồn kho	255.433.450.413	(48.473.031.315)	156.515.717.763	(4.508.754.593)
Hàng gửi đi bán	45.114.733.427	-	76.631.028.458	-
Hàng hóa bất động sản	13.745.601.075	-	13.745.601.075	-
Cộng	**3.532.984.204.833**	**(62.337.885.210)**	**2.094.198.541.501**	**(14.900.841.449)**

09. Chi phí trả trước

09.1. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí công cụ dụng cụ	21.619.589.239	19.887.059.510
- Chi phí sửa chữa	10.436.596.331	3.560.829.306
- Chi phí khác	38.547.044.385	56.471.132.582
Cộng	**70.603.229.955**	**79.919.021.398**

09.2. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí công cụ dụng cụ	194.192.269.960	82.564.356.711
- Chi phí sửa chữa	109.836.464.618	99.184.193.488
- Chi phí đề tài nguồn quỹ KHCN	1.690.885.106	1.858.021.106
- Trả trước tiền thuê đất	2.065.376.941.035	2.259.589.363.149
- Giá trị lợi thế kinh doanh	-	190.950.000
- Chi phí hoa hồng môi giới	51.793.763.199	34.917.841.183
- Chi phí đền bù	864.535.007.828	820.253.717.119
- Chi phí khác	379.192.665.539	481.554.894.201
Cộng	**3.666.617.997.285**	**3.780.113.336.957**

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng nội địa	80.229.470.053	903.643.830.579	(903.063.070.964)	80.810.229.668
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	54.132.897.573	(54.132.897.573)	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	(248.466.513)	52.608.347.231	(52.013.721.234)	346.159.484
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.794.267.145	(2.794.267.145)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	249.059.987.035	985.914.881.372	(1.180.392.952.138)	54.581.916.269
Thuế tài nguyên	6.667.521.392	51.003.567.385	(50.502.103.950)	7.168.984.827
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(18.622.703.116)	715.734.639.246	(613.123.917.266)	83.988.018.864
Thuế bảo vệ môi trường	4.530.998.262	(4.282.858.777)	(250.173.535)	(2.034.050)
Thuế môn bài	-	273.446.482	(273.446.482)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(182.271.907)	91.628.641.614	(89.096.980.013)	2.349.389.694
Các loại thuế khác	(14.129.794.733)	58.283.816.900	(33.739.172.676)	10.414.849.491
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(16.045.062.798)	29.378.157.282	(34.901.901.967)	(21.568.807.483)
Cộng	**291.259.677.675**	**2.941.113.634.032**	**(3.014.284.604.943)**	**218.088.706.764**

Trong đó:

Các khoản phải thu	247.990.860.358	297.615.628.673
Các khoản phải nộp	539.250.538.033	515.704.335.437

Ghi chú: Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải truyền dẫn*	*Thiết bị dụng cụ quản lý*	*Vườn cây kinh doanh*	*Tài sản cố định khác*	*Cộng*
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	**11.770.619.782.006**	**6.035.596.942.623**	**1.861.874.120.758**	**194.004.608.840**	**25.265.737.841.193**	**98.690.194.076**	**45.226.523.489.496**
- Mua trong năm	4.844.278.108	103.867.090.840	103.962.117.267	13.140.545.510	245.664.972.944	1.305.487.787	472.784.492.456
- Đầu tư XDCB hoàn thành	315.734.267.961	43.946.441.910	27.879.290.610	312.176.364	3.933.900.988.598	1.341.004.913	4.323.114.170.356
- Tăng khác	9.910.289.114	880.822.803	534.997.308	107.789.091	93.707.832.718	-	105.141.731.034
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(115.048.189.839)	(20.526.289.250)	(23.411.205.351)	(1.075.100.545)	(490.865.211.506)	-	(650.925.996.491)
- Tăng do phân loại lại	6.425.218.778	297.450.141	42.393.200.363	5.442.051.299	301.995.182	5.437.479.579	60.297.395.342
- Thanh lý, nhượng bán	(65.148.400.198)	(10.734.397.859)	(47.237.899.907)	(247.413.286)	(307.108.396.876)	-	(430.476.508.126)
- Giảm khác	(9.455.207.611)	(1.282.796.735)	-	(3.939.780.871)	(40.121.657.669)	-	(54.799.442.886)
- Giảm do phân loại lại	(38.742.330.685)	(20.430.103.869)	(358.959.465)	-	-	(766.001.323)	(60.297.395.342)
Số dư cuối năm	**11.879.139.707.635**	**6.131.615.160.604**	**1.965.635.661.583**	**207.744.876.402**	**28.701.218.364.584**	**106.008.165.032**	**48.991.361.935.839**
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	**5.846.227.127.559**	**3.315.246.419.111**	**1.284.307.364.993**	**163.958.730.159**	**4.100.092.046.957**	**69.393.228.455**	**14.779.224.917.234**
- Khấu hao trong năm	541.306.709.570	403.883.702.365	99.934.408.580	6.363.529.994	1.135.786.755.303	4.149.941.490	2.191.425.047.302
- Tăng khác	9.156.783.113	1.481.758.369	313.741.347	23.673.039	32.417.624.421	-	43.393.580.289
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(56.256.184.029)	(8.903.775.976)	(9.981.450.612)	(501.717.765)	(95.086.547.652)	-	(170.729.676.034)
- Tăng do phân loại lại	2.058.390.540	254.704.923	21.163.603.805	5.418.350.678	287.829.958	4.668.695.927	33.851.575.831
- Thanh lý, nhượng bán	(32.855.002.103)	(9.789.418.539)	(46.392.507.481)	(247.413.286)	(175.185.075.410)	-	(264.469.416.819)
- Giảm khác	(8.697.569.574)	(1.213.022.190)	(453.540.000)	(2.394.657.083)	(11.988.585.952)	-	(24.747.374.799)
- Giảm do phân loại lại	(15.184.368.069)	(18.428.489.482)	411.599.236	-	-	(650.317.516)	(33.851.575.831)
Số dư cuối năm	**6.285.755.887.007**	**3.682.531.878.581**	**1.349.303.219.868**	**172.620.495.736**	**4.986.324.047.625**	**77.561.548.356**	**16.554.097.077.173**
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	5.924.392.654.447	2.720.350.523.512	577.566.755.765	30.045.878.681	21.165.645.794.236	29.296.965.621	30.447.298.572.262
- Tại ngày cuối năm	5.593.383.820.627	2.449.083.282.023	616.332.441.715	35.124.380.666	23.714.894.316.959	28.446.616.676	32.437.264.858.666

12. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	*Quyền sử dụng đất*	*Bản quyền, bằng sáng chế*	*Phần mềm, bản quyền máy tính*	*Tài sản cố định vô hình khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	**121.791.779.591**	**996.381.619**	**50.642.156.192**	**11.841.511.644**	**185.271.829.046**
- Mua trong năm	2.312.500.000		3.022.217.993	9.626.151.268	14.960.869.261
- Thanh lý, nhượng bán	(1.038.850.400)		(149.453.518)	-	(1.188.303.918)
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(143.351.013)		(213.463.514)	(20.774.275)	(377.588.802)
Số dư cuối năm	**122.922.078.178**	**996.381.619**	**53.301.457.153**	**21.446.888.637**	**198.666.805.587**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	**22.565.413.529**	**722.561.289**	**41.622.755.614**	**6.510.948.114**	**71.421.678.546**
- Khấu hao trong kỳ	1.950.331.821	9.122.126	3.023.791.008	1.905.582.587	6.888.827.542
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(149.453.518)	-	(149.453.518)
- Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(28.101.682)	-	(250.124.655)	(583.388)	(278.809.725)
Số dư cuối năm	**24.487.643.668**	**731.683.415**	**44.246.968.449**	**8.415.947.313**	**77.882.242.845**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	**99.226.366.062**	**273.820.330**	**9.019.400.578**	**5.330.563.530**	**113.850.150.500**
- Tại ngày cuối năm	**98.434.434.510**	**264.698.204**	**9.054.488.704**	**13.030.941.324**	**120.784.562.742**

13. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	*Máy móc, thiết bị*	*Tổng cộng*
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	**1.251.200.000**	**1.251.200.000**
- Thuê tài chính trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**1.251.200.000**	**1.251.200.000**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	**(26.066.667)**	**(26.066.667)**
- Khấu hao trong năm	(312.800.004)	(312.800.004)
Số dư cuối năm	**(338.866.671)**	**(338.866.671)**
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	**1.225.133.333**	**1.225.133.333**
- Tại ngày cuối năm	**912.333.329**	**912.333.329**

Ngày bắt đầu thuê tài sản từ ngày 26 tháng 08 năm 2020, Khi hết thời hạn thuê Bên thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên cho thuê đồng ý bán Tài sản thuê với giá trị 23.535.072 đồng.

14. Bất động sản đầu tư	01/01/2021	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021		31/12/2021
		Tăng	Giảm	
a. Bất động sản đầu tư cho thuê	**1.476.180.958.452**	**1.610.642.634**	**-**	**1.477.791.601.086**
Nguyên giá	**2.057.205.481.486**	**106.814.927.948**	**-**	**2.164.020.409.434**
- Quyền sử dụng đất	242.026.264.360		-	242.026.264.360
- Cơ sở hạ tầng	1.815.179.217.126	106.814.927.948	-	1.921.994.145.074
Giá trị hao mòn lũy kế	**581.024.523.034**	**105.204.285.314**	**-**	**686.228.808.348**
- Quyền sử dụng đất	72.532.780.363	-		72.532.780.363
- Cơ sở hạ tầng	508.491.742.671	105.204.285.314		613.696.027.985
Giá trị còn lại	**1.476.180.958.452**	**1.610.642.634**	**-**	**1.477.791.601.086**
- Quyền sử dụng đất	169.493.483.997	-	-	169.493.483.997
- Cơ sở hạ tầng	1.306.687.474.455	1.610.642.634	-	1.308.298.117.089

15. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	187.354.198.520	94.510.332.841
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.542.004.936.468	17.907.211.224.195
+ Vườn cây cao su KTCB	*12.511.566.019.142*	*15.987.135.192.461*
+ Vườn cây khác	*56.119.039.111*	*42.675.903.135*
+ Nhà máy, dây chuyền chế biến cao su	*143.944.573.336*	*131.784.048.325*
+ Đường giao thông, đập thủy lợi	*61.273.255.351*	*1.930.750.375*
+ Các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng	*911.103.889.461*	*587.121.541.114*
+ Mua sắm tài sản cố định	*18.798.869.022*	*12.208.698.336*
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	*839.199.291.045*	*1.144.355.090.449*
Cộng	**14.729.359.134.988**	**18.001.721.557.036**

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lạiphải trả	31/12/2021	01/01/2021
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**285.030.253.411**	**319.321.450.276**
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu		
nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm		
thời được khấu trừ	285.030.253.411	319.321.450.276

17. Lợi thế thương mại	31/12/2021	01/01/2021
- Lợi thế thương mại đầu năm	5.591.863.282	15.489.229.631
- Lợi thế thương mại đã phân bổ trong năm	(3.909.567.140)	(9.897.366.349)
Lợi thế thương mại cuối năm	**1.682.296.142**	**5.591.863.282**

18. Phải trả người bán

18.1. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả người bán về hàng hóa nội địa	399.667.076.203	432.195.151.532
Phải trả người bán về hàng hóa nhập khẩu	3.151.750.963	17.486.282.254
Phải trả người bán về thi công, xây lắp công trình xây dựng	202.233.329.317	163.268.511.684
Phải trả người bán về dịch vụ nội địa được cung cấp	77.351.964.666	93.674.883.977
Phải trả người bán khác	170.172.155.916	147.232.030.876
Cộng	**852.576.277.065**	**853.856.860.323**

19. Người mua trả tiền trước

19.1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Người mua trả trước về mua mủ cao su nội địa	165.314.710.306	176.023.493.704
Người mua trả trước về mua mủ cao xu xuất khẩu	47.372.249.639	101.138.953.860
Người mua trả trước về hoạt động gia công chế biến mủ cao su, chế biến pallet	362.970	265.151.970
Người mua trả trước về dịch vụ kiểm định chất lượng mủ cao su	8.887.000	8.887.000
Người mua trả trước về mua cây cao su thanh lý, gẫy đổ	87.814.669.824	83.515.867.357
Người mua trả trước về bán, chuyển giao và lắp đặt công trình cơ khí, máy móc thiết bị	12.355.898.550	9.585.427.470
Người mua trả trước về mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác	102.588.119.433	124.916.297.380
Người mua trả trước ngắn hạn khác	53.633.097.009	32.729.066.792
Cộng	**469.087.994.731**	**528.183.145.533**

19.2. Người mua trả tiền trước dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
Người mua trả trước về mua mủ cao su nội địa	8.540.530.400	5.862.320.027
Người mua trả trước về hoạt động chuyển nhượng bất động sản	78.263.577.414	79.383.141.683
Cộng	**86.804.107.814**	**85.245.461.710**

20. Chi phí phải trả

20.1. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Lãi vay phải trả	95.929.755.920	88.759.695.062
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	75.491.224	41.050.891
- Trích trước tiền thuê đất	41.960.529.883	32.135.849.232
- Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	23.158.056.782	23.810.806.560
- Chi phí khác	312.358.413.408	253.621.632.242
Cộng	**473.482.247.217**	**398.369.033.987**

20.2. Chi phí phải trả dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí khác	101.771.974.346	71.600.662.082
Cộng	**101.771.974.346**	**71.600.662.082**

21. Doanh thu chưa thực hiện

21.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	16.096.032.989	13.237.019.154
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	285.704.645.053	306.676.936.028
Cộng	**301.800.678.042**	**319.913.955.182**

21.2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ	3.994.122.123	9.409.662.168
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	8.982.652.857.125	8.665.274.714.540
Cộng	**8.986.646.979.248**	**8.674.684.376.708**

22. Phải trả khác

22.1. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.358.312.125	1.541.093.655
- Kinh phí công đoàn	16.338.867.218	16.213.142.542
- Các khoản bảo hiểm bắt buộc	7.870.756.156	13.943.737.942
- Phải trả về cổ phần hoá	75.109.000.000	75.109.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	208.546.906.442	198.857.538.937
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	314.767.216.093	282.416.512.129
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.403.825.661.483	1.367.503.794.336
Cộng	**2.027.816.719.517**	**1.955.584.819.541**

22.2. Phải trả dài hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	47.855.362.465	15.186.866.147
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	242.187.953.126	243.338.747.631
Cộng	**290.043.315.591**	**258.525.613.778**

23. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021		Biến động trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**2.661.903.488.666**	**2.661.903.488.666**	**4.010.299.119.533**	**5.120.655.256.727**	**3.772.259.625.860**	**3.772.259.625.860**
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	***1.144.898.988.563***	***1.144.898.988.563***	***3.040.196.842.992***	***4.016.489.790.618***	***2.121.191.936.189***	***2.121.191.936.189***
- Các khoản đi vay	1.144.898.988.563	1.144.898.988.563	3.040.196.842.992	4.016.489.790.618	2.121.191.936.189	2.121.191.936.189
- Nợ thuê tài chính	-	-			-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	***1.517.004.500.103***	***1.517.004.500.103***	***970.102.276.541***	***1.104.165.466.109***	***1.651.067.689.671***	***1.651.067.689.671***
- Các khoản đi vay	1.517.004.500.103	1.517.004.500.103	970.102.276.541	1.104.165.466.109	1.651.067.689.671	1.651.067.689.671
- Nợ thuê tài chính	-	-			-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-
b. Dài hạn	**6.343.543.781.674**	**6.343.543.781.674**	**341.944.372.254**	**2.333.614.578.088**	**8.335.213.987.508**	**8.335.213.987.508**
- Các khoản đi vay	6.343.543.781.674	6.343.543.781.674	341.944.372.254	2.333.614.578.088	8.335.213.987.508	8.335.213.987.508
- Nợ thuê tài chính	-	-	-		-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-
Cộng	**9.005.447.270.340**	**9.005.447.270.340**	**4.352.243.491.787**	**7.454.269.834.815**	**12.107.473.613.368**	**12.107.473.613.368**

24. Vốn chủ sở hữu

24.1. Biến đổi chiếu động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Cộng
Số dư đầu năm trước	**40.000.000.000.000**	**130.155.637.008**	**10.591.031.002**	**(107.526.753.018)**	**(1.598.154.951.677)**	**1.160.376.006.527**	**39.595.440.969.842**
- Tăng trong năm trước				35.694.596.234	21.629.284.413		57.323.880.647
- Lãi/lỗ trong năm trước							-
- Giảm trong năm trước		(1.665.190.548)				(132.866.972.832)	(134.532.163.380)
- Giảm khác							-
Số dư đầu năm nay	**40.000.000.000.000**	**128.490.446.460**	**10.591.031.002**	**(71.832.156.784)**	**(1.576.525.667.264)**	**1.027.509.033.695**	**39.518.232.687.109**
- Tăng trong năm		24.959.276.698		70.872.588.473			95.831.865.171
- Lãi/lỗ trong năm							-
- Giảm trong năm					(1.239.000.000)	(580.641.948.380)	(581.880.948.380)
Số dư cuối năm	**40.000.000.000.000**	**153.449.723.158**	**10.591.031.002**	**(959.568.311)**	**(1.577.764.667.264)**	**446.867.085.315**	**39.032.183.603.900**

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LNST thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	**2.916.343.879.221**	**4.734.438.595**	**-**	**4.232.280.829.673**	**3.776.406.003.796**	**90.120.647.090.969**
- Tăng trong năm	528.765.863.262	2.251.905.732				645.665.530.288
- Lãi/lỗ trong năm				3.770.729.889.631	1.305.623.721.619	5.076.353.611.250
- Giảm trong năm				(3.428.021.567.506)	(1.238.684.703.506)	(4.935.770.597.772)
- Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	**3.445.109.742.483**	**6.986.344.327**	**-**	**4.574.989.151.798**	**3.843.345.021.909**	**51.388.662.947.626**
- Tăng trong năm	688.257.890.102		-			784.089.755.273
- Lãi/lỗ trong năm				4.158.196.263.511	1.181.850.295.571	5.340.046.559.082
- Giảm trong năm		(5.721.770.085)		(4.101.594.514.168)	(974.400.861.282)	(5.663.598.093.915)
Số dư cuối năm	**4.133.367.632.585**	**1.264.574.242**	**-**	**4.631.590.901.141**	**4.050.794.456.198**	**51.849.201.168.066**

24. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

24.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2021	01/01/2021
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.708.428.190.000	38.708.428.190.000
Các cổ đông khác	1.291.571.810.000	1.291.571.810.000
Cộng	**40.000.000.000.000**	**40.000.000.000.000**

24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm 2021	Năm 2020
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	40.000.000.000.000	40.000.000.000.000

24.4. Các quỹ của Tập đoàn	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	4.133.367.632.585	3.445.109.742.483
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.264.574.242	6.986.344.327
Cộng	**4.134.632.206.827**	**3.452.096.086.810**

24.5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	31/12/2021	01/01/2021
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do cổ phần hóa	(1.577.764.667.264)	(1.576.525.667.264)
Cộng	**(1.577.764.667.264)**	**(1.576.525.667.264)**

24.6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	31/12/2021	01/01/2021
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	446.867.085.315	1.027.509.033.695
Cộng	**446.867.085.315**	**1.027.509.033.695**

25. Nguồn kinh phí	31/12/2021	01/01/2021
- Nguồn kinh phí đầu năm	(103.762.566.063)	(103.318.115.747)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	122.381.085.890	77.466.680.059
- Chi sự nghiệp	(56.609.572.618)	(77.911.130.375)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(37.991.052.791)	(103.762.566.063)

26. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	31/12/2021	01/01/2021
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	197.174.253.797	131.433.689.253
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	*197.174.253.797*	*131.433.689.253*
- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp	-	-
c. Ngoại tệ các loại (USD)		
- Ngoại tệ USD	*36.379.062*	*39.607.605*
- Ngoại tệ EUR	*35.615*	*562*
- Ngoại tệ LAK	*485.765*	-
- Ngoại tệ KHR	*2.462.802.816*	*1.392.120.868*
- Ngoại tệ khác	*80.182*	*240.273*
e. Nợ khó đòi đã xử lý	67.845.979.308	64.858.239.246

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh mủ cao su	17.769.309.899.191	12.737.996.982.228
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	2.347.662.990.530	2.166.292.812.428
- Doanh thu chế biến gỗ	3.594.606.691.735	3.389.657.857.531
- Doanh thu kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	766.720.576.563	890.805.338.062
- Doanh thu dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	52.174.135.415	28.652.483.891
- Doanh thu dịch vụ kinh doanh điện, nước	47.654.839.841	191.765.080.887
- Doanh thu dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	480.000.000	701.082.692
- Doanh thu từ kinh doanh điện năng	559.571.476.339	338.920.429.814
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.088.089.134.655	1.395.616.575.610
Cộng	**26.226.269.744.269**	**21.140.408.643.143**

02. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2021	Năm 2020
- Chiết khấu thương mại	17.955.127.961	9.970.859.455
- Giảm giá hàng bán	2.477.113.956	1.466.930.971
- Hàng bán bị trả lại	16.244.501.204	12.656.501.901
Cộng	**36.676.743.121**	**24.094.292.327**

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh mủ cao su	17.732.633.156.070	12.713.902.689.901
- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	2.347.662.990.530	2.166.292.812.428
- Doanh thu thuần chế biến gỗ	3.594.606.691.735	3.389.657.857.531
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	766.720.576.563	890.805.338.062
- Doanh thu thuần dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	52.174.135.415	28.652.483.891
- Doanh thu thuần dịch vụ kinh doanh điện, nước	47.654.839.841	191.765.080.887
- Doanh thu thuần dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	480.000.000	701.082.692
- Doanh thu thuần từ kinh doanh điện năng	559.571.476.339	338.920.429.814
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.088.089.134.655	1.395.616.575.610
Cộng	**26.189.593.001.148**	**21.116.314.350.816**

04. Giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
- Giá vốn sản xuất và kinh doanh mủ cao su	12.578.663.886.938	10.320.541.550.501
- Giá vốn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	1.447.355.562.132	1.267.237.816.657
- Giá vốn chế biến gỗ	3.222.474.632.753	2.986.744.461.069
- Giá vốn kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng	205.927.948.243	317.065.364.313
- Giá vốn dịch vụ duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN	5.380.522.104	5.179.449.355
- Giá vốn dịch vụ kinh doanh điện, nước	45.898.992.658	28.668.331.017
- Giá vốn dịch vụ khách sạn	320.844.922	480.909.348
- Giá vốn kinh doanh điện năng	284.635.009.755	255.421.696.978
- Giá vốn khác	823.647.498.213	1.335.779.538.374
Cộng	**18.614.304.897.718**	**16.517.119.117.612**

05. Doanh thu hoạt động tài chính:	Năm 2021	Năm 2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	694.264.969.436	806.105.238.807
- Lãi bán các khoản đầu tư	4.240.010.000	2.056.043.625.594
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.178.093.369	19.319.823.859
- Lãi bán ngoại tệ	871.234.388	30.331.724
- Lãi chênh lệch tỷ giá	90.614.155.163	44.292.979.087
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	20.120.561.092	3.601.685.558
- Doanh thu hoạt động tài chính khác/ Các khoản ghi giảm doanh thu TC	7.524.549.665	39.002.252.471
Cộng	**830.813.573.113**	**2.968.395.937.100**

06. Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
- Lãi tiền vay	607.999.588.765	726.129.832.902
- Lỗ bán ngoại tệ	1.444.688.322	174.041.204
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	108.055.671.539	54.697.678.077
- Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.157.261.242)	(3.575.619.935)
- Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	78.310.850.758
- Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(4.313.273.199)
- Chi phí tài chính khác	5.811.435.726	15.635.157.538
Cộng	**719.154.123.110**	**867.058.667.345**

07. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần Thống Nhất	21.762.399.556	52.514.203.628
Công ty TNHH Nghiên cứu Khoa học & SXTN Cao su Visorutex	(651.199.966)	(441.828.223)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Bình Phước	(2.194.815.889)	10.833.654.274
Công ty Cổ phần Kinh doanh BOT Đường ĐT.741	6.646.541.825	19.914.252.809
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Dongwha	268.315.617.442	283.929.175.648
Công ty Đầu tư Phát triển VRG Long Thành	-	7.481.809.554
Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	4.899.552.508	(43.802.370.634)
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	10.473.663.701	10.197.120.922
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao su Đồng Nai	182.632.612	185.184.497
Công ty Cổ phần Lộc Thịnh	342.863.629	476.413.696
Công ty Cổ phần Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO	(26.011.899.263)	(26.605.033.044)
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Cao su Chư Păh	5.279.630	26.451.029
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Việt Mỹ Hà Tĩnh	-	(2.097.491)
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hố Nai	(660.042)	(6.174.970)
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	107.582.592	526.259.610
Công ty CP Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam	1.575.719.018	4.196.191.710
Cộng	**285.453.277.353**	**319.423.213.015**

08. Chi phí bán hàng	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí nhân viên	38.015.183.196	34.581.865.738
- Chi phí vật liệu	72.499.849.648	65.245.916.076
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	82.996.261.450	90.305.557.983
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.169.512.991	1.716.852.276
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	229.590.818.020	194.540.249.003
- Chi hoa hồng môi giới	1.402.854.574	3.285.485.947
- Chi phí khác	80.419.052.660	53.236.098.795
Cộng	**507.093.532.539**	**442.912.025.818**

09. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí nhân viên	974.285.459.894	785.760.062.491
- Chi phí vật liệu	37.877.651.959	32.301.636.403
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.488.772.585	9.430.471.289
- Chi phí khấu hao TSCĐ	87.010.456.193	85.402.575.096
- Thuế, phí và lệ phí	35.227.021.151	32.356.531.084
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.953.166.428	155.191.523.134
- Trích Quỹ khoa học công nghệ	4.216.194.173	208.377.059.763
- Chi phí dự phòng	(3.742.548.033)	(15.437.655.981)
- Chi phí khác (*)	417.663.112.612	480.678.073.985
Cộng	**1.681.979.286.962**	**1.774.060.277.264**

10. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
- Thu nhập từ cây cao su thanh lý, gẫy đổ	402.685.040.820	260.584.993.936
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	38.319.836.886	49.741.200.585
- Tiền bồi thường	100.200.654.145	971.348.968.180
- Tiền phạt thu được	4.068.915.125	2.081.773.575
- Thu nhập từ sửa chữa đường lô và các hoạt động hoàn nguyên	982.950.000	3.268.209.710
trong vườn cây cao su		
- Nhượng bán vật tư, phế liệu	12.203.129.131	8.177.392.194
- Hoàn nhập Quỹ PT khoa học công nghệ	2.222.605.050	2.099.364.758
- Nhận hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm xuất khẩu cao su	7.602.109.873	11.307.091.269
- Thu nhập từ trồng xen canh cây nông nghiệp trong vườn cao su	54.488.989.742	37.730.747.690
- Các khoản khác	422.193.224.074	123.121.168.755
Cộng	**1.044.967.454.846**	**1.469.460.910.652**

11. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	38.612.198.606	14.858.451.430
- Tiền bồi thường	186.337.000	666.785.347
- Các khoản bị phạt, chậm nộp	11.493.011.717	6.874.000.510
- Nhượng bán vật tư, phế liệu	4.952.449.397	3.250.085.075
- Chi phí sửa chữa đường lô và hoàn nguyên tại vườn cây cao su	1.089.271.591	2.646.460.015
- Chi phí thiệt hại từ cây cao su	-	94.073.049.376
- Các khoản khác	559.192.978.930	238.900.709.863
Cộng	**615.526.247.241**	**361.269.541.616**

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	980.720.175.225	1.071.027.676.330
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay	11.828.054.405	26.531.020.879
Tong chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**992.548.229.630**	**1.097.558.697.209**

13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(140.135.105.895)	(290.881.062.218)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.309.536.073	28.143.535.687
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(119.825.569.822)**	**(262.737.526.531)**

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

01. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Tập đoàn

Giá trị sổ sách

a. Tài sản tài chính	Đầu năm		Cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	5.528.283.614.830	-	5.303.619.340.768	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.424.938.988.900	(702.121.194.845)	3.316.804.524.645	(676.280.427.676)
Các khoản cho vay	899.420.262.154	-	863.450.371.390	-
Đầu tư ngắn hạn	10.764.818.918.992	(68.237.000)	10.279.372.907.167	(68.237.000)
Đầu tư dài hạn	3.189.357.646.629	(26.329.784.049)	2.782.399.202.177	(22.172.522.807)
Cộng	**23.806.819.431.505**	**(728.519.215.894)**	**22.545.646.346.147**	**(698.521.187.483)**

b. Nợ phải trả tài chính **Giá trị sổ sách**

	Đầu năm	Cuối năm
Phải trả người bán, phải trả khác	3.681.395.900.885	3.726.328.414.718
Chi phí phải trả	469.969.696.069	575.254.221.563
Vay và nợ	12.107.473.613.368	9.005.447.270.340
Cộng	**16.258.839.210.322**	**13.307.029.906.621**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

a. Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

- ***Rủi ro về giá:*** Tập đoàn chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tập đoàn chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.
- ***Rủi ro về tỷ giá hối đoái:*** Tập đoàn chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.
- ***Rủi ro về lãi suất:*** Tập đoàn chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày đầu năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Tiền và tương đương tiền	5.528.283.614.830	-	-	5.528.283.614.830
Phải thu kỉiácu Hàng, phải	3.112.222.376.839	312.716.612.061	-	3.424.938.988.900
*h" khá~ Các khoản cho vay	10.547.546.310	888.872.715.844	-	899.420.262.154
Đầu tư ngắn hạn	10.764.818.918.992	-	-	10.764.818.918.992
Đầu tư dài hạn	-	216.940.539.200	2.972.417.107.429	3.189.357.646.629
Cộng	**19.415.872.456.971**	**1.418.529.867.105**	**2.972.417.107.429**	**23.806.819.431.505**

Tại ngày cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Tiền và tương đương tiền	5.303.619.340.768	-	-	5.303.619.340.768
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.002.012.478.464	314.792.046.181	-	3.316.804.524.645
Các khoản cho vay	10.520.019.690	852.930.351.700	-	863.450.371.390
Đầu tư ngắn hạn	10.279.372.907.167	-	-	10.279.372.907.167
Đầu tư dài hạn	-	98.089.665.753	2.684.309.536.424	2.782.399.202.177
Cộng	**18.595.524.746.089**	**1.265.812.063.634**	**2.684.309.536.424**	**22.545.646.346.147**

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tại ngày đầu năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	3.337.624.825.397	343.771.075.488	0	3.681.395.900.885
Chi phí phải trả	398.369.033.987	71.600.662.082	0	469.969.696.069
Vay và nợ	3.772.259.625.860	2.243.435.241.958	6.091.778.745.550	12.107.473.613.368
Cộng	**7.508.253.485.244**	**2.658.806.979.528**	**6.091.778.745.550**	**16.258.839.210.322**

Tại ngày cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	3.349.480.991.313	376.847.423.405	0	3.726.328.414.718
Chi phí phải trả	473.482.247.217	101.771.974.346	0	575.254.221.563
Vay và nợ	2.661.903.488.666	251.765.036.124	6.091.778.745.550	9.005.447.270.340
Cộng	**6.484.866.727.196**	**730.384.433.875**	**6.091.778.745.550**	**13.307.029.906.621**

02. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Tập đoàn không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

03. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải trình bày hay công bố thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tập đoàn.

04. Thông tin theo bộ phận

Để phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Sản xuất và kinh doanh mủ cao su: bao gồm hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su: bao gồm hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh mủ các sản phẩm từ cao su thiên nhiên;
- Sản xuất và kinh doanh chế biến gỗ: bao gồm hoạt động sơ chế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ cao su;
- Xây dựng bất động sản, cơ sở hạ tầng: bao gồm các hoạt động đầu tư xây dựng bất động sản và cơ sở hạ tầng cho mục đích để bán và cho thuê tại các dự án của Tập đoàn cũng như các hoạt động bất động sản khác;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan: bao gồm cung cấp dịch vụ du lịch, cho thuê nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ liên quan của Tập đoàn;
- Kinh doanh điện năng: bao gồm các hoạt động kinh doanh điện thương phẩm tại các dự án Nhà máy điện của Tập đoàn;

Các hoạt động kinh doanh khác: bao gồm cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ xây dựng, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ kỹ thuật, nông nghiệp và các dịch vụ khác.

04. Thông tin theo bộ phận

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn

tại ngày 31/12/2021 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	Kinh doanh điện năng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần									
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	17.732.633.156.070	2.347.662.990.530	3.594.606.691.735	866.549.551.819	480.000.000	559.571.476.339	1.088.089.134.655	-	**26.189.593.001.148**
Doanh thu thuần giữa các bộ phận(1)	(3.086.028.548.135)	-	3.964.693.885	2.703.889.877	-	(9.989.989)	392.197.085.867	2.687.172.868.495	**-**
Tổng doanh thu thuần Kết quả hoạt động kinh doanh	**14.646.604.607.935**	**2.347.662.990.530**	**3.598.571.385.620**	**869.253.441.696**	**480.000.000**	**559.561.486.350**	**1.480.286.220.522**	**2.687.172.868.495**	**26.189.593.001.148**
Khấu hao tài sản cố định	1.277.446.946.136	151.116.245.976	191.897.867.576	19.447.817.245	(8.223.060.444)	127.737.121.130	16.385.335.580	-	**1.775.808.273.199**
Phần được chia từ lãi/(lỗ) của công ty liên kết	(9.606.581.410)	-	268.320.897.072	26.738.961.691	-	-	-	-	**285.453.277.353**
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)	**3.553.945.849.637**	**766.062.586.821**	**448.599.181.692**	**512.883.611.367**	**(10.434.756.206)**	**230.570.124.799**	**11.897.341.374**	**158.144.621.798**	**5.671.668.561.282**
Tổng tài sản (3)	**51.689.780.727.430**	**1.337.293.139.948**	**3.531.029.852.349**	**6.656.723.482.405**	**55.137.700.805**	**2.554.719.147.290**	**4.243.212.141.650**	**(6.037.809.579.001)**	**64.030.086.612.876**
Tổng nợ phải trả (4)	**10.225.308.775.191**	**598.725.110.554**	**689.542.061.173**	**10.108.868.632.484**	**54.994.500.144**	**89.632.693.378**	**465.084.223.511**	**(4.679.149.315.027)**	**17.553.006.681.408**

04. Thông tin theo bộ phận (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn	Kinh doanh điện năng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu tài chính	789.469.364.135	44.072.291.801	23.922.950.654	449.654.124.801	4.009.975.340	12.229.749.561	2.642.591.090.779	(3.135.135.973.958)	**830.813.573.113**
Chi phí tài chính	555.873.351.803	10.628.940.995	101.565.351.237	15.093.174.687	408.470	107.214.733.831	15.884.877.754	(87.106.715.667)	**719.154.123.110**
Thu nhập khác	1.713.533.788.056	3.242.264.605	8.511.113.031	10.149.720.759	241.529.480	244.572.258	21.486.588.934	(712.442.122.277)	**1.044.967.454.846**
Chi phí khác	365.353.686.688	12.070.157.595	17.354.044.563	8.910.683.277	758.528.295	8.472.161.811	202.672.439.804	(65.454.792)	**615.526.247.241**
Tài sản của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những tài sản này được quản lý tập trung:									
Đầu tư tài chính ngắn hạn Phải thu về chuyển nhượng khoản đầu tư	1.597.283.769.241	623.137.545.208	277.100.000.000	5.301.140.518.918	53.203.013.018	352.185.506.849	2.075.254.316.933	-	**10.279.304.670.167**
Phải thu về cho vay ngắn	183.599.077.308	-	-	-	-	-	229.936.355.431	(403.015.413.049)	**10.520.019.690**
Thuế GTGT được khấu trừ	453.002.461.873	18.492.950.165	9.087.492.896	540.376.274	1.229.378.326	4.725.410.692	11.405.449.271	-	**498.483.519.497**
Thuế và các khoản khác	122.356.656.037	862.031.157	6.165.493.012	65.397.357.117	849.180.938	307.830.715	101.677.079.697	-	**297.615.628.673**
phải thu Nhà nước Phải thu về cho vay dài	71.333.848.670	-	-	3.127.391.838	-	-	1.028.591.918.750	(250.122.807.558)	**852.930.351.700**
Đầu tư tài chính dài hạn	14.515.192.299.479	8.596.592.033	8.985.867.003	429.423.629.728	968.030.317	75.258.229.854	36.554.919.874.692	(48.833.117.843.736)	**2.760.226.679.370**
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.615.347.841	-	-	7.889.600.905	-	-	-	266.525.304.665	**285.030.253.411**
Tổng cộng	**16.953.383.460.449**	**651.089.118.563**	**301.338.852.911**	**5.807.518.874.780**	**56.249.602.599**	**432.476.978.110**	**40.001.784.994.774**	**(49.219.730.759.678)**	**14.984.111.122.509**

Nợ phải trả của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung:

Đơn vị tính: VND

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	369.235.289.936	52.520.133.731	38.570.441.095	29.379.757.366	739.065.472	20.952.986.302	4.306.661.535	-	**515.704.335.437**
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.598.251.249.725	167.222.721.901	846.315.316.256	331.139.028.621	-	88.421.088.931	33.569.496.281	(403.015.413.049)	**2.661.903.488.666**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.022.575.641.636	21.569.188.528	573.621.197.433	-	-	881.356.713.922	94.543.847.713	(250.122.807.558)	**6.343.543.781.674**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	**6.990.062.181.297**	**241.312.044.160**	**1.458.506.954.784**	**360.518.785.987**	**739.065.472**	**990.730.789.155**	**132.420.005.529**	**(653.138.220.607)**	**9.521.151.605.778**

05. Cam kết khác

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn có những cam kết đối với các tổ chức khác về việc bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên như sau:

STT	Đơn vị được bảo lãnh	Thư bảo lãnh số	Ngày bảo lãnh	Đơn vị nhận bảo lãnh, ủy thác	Số tiền bảo lãnh		Mục đích bảo lãnh
					USD	VND	
1	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	2473/CTBL-TCKT	29/8/2013	SHB		78.000.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
2	Cty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	2720/CTBL-TCKT	23/9/2013	SHB		88.546.900.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su (trả nợ cho RFC)
3	Cty CP VRG Phú Yên	1865/CSVN-TCKT	04/07/2013	Vietinbank - Phú Yên		191.733.798.000	Thủy điện La Hiêng 2
4	Cty CP VRG Phú Yên	1593/CTBL-CSVN	06/04/2014	Vietinbank - Phú Yên		100.854.000.000	Trả nợ cho RFC
5	Cty CP Cao su Đồng Nai - Kratie	1346/CSVN-TCKT	21/05/2013	SHB-TP.HCM	1.875.000		Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
6	Cty CP Cao su Đồng Nai - Kratie	496/CSVN-TCKT	10/03/2011	SHB-ĐN		91.280.000.000	Đầu tư 4.100ha cao su tại CPC
7	Cty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	3306/CTBL-CSVN	20/11/2013	SHB		68.540.493.000	Đầu tư chăm sóc cao su KTCB + trả nợ cho RFC
8	Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	420/CSVN-TCKT	20/2/2013	VCB-ĐN		120.000.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
9	Cty CP Cao su Điện Biên	3547/CTBL-TCKT	9/12/2013	SHB		28.727.400.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
10	Cty CP Cao su Điện Biên	913/CTBL-TCKT	7/4/2014	SHB-Khánh Hòa		14.770.800.000	Đầu tư chăm sóc cao su (trả nợ cho RFC)
11	Cty CP Cao su Sơn La	2376/CSVN-TCKT	08/10/2012	SHB-TP.HCM		9.240.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
12	Cty CP Cao su Sơn La	3211/CTBL-TCKT	13/11/2013	SHB-TP.HCM		34.055.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
13	Cty CP Cao su Sơn La	482/CTBL-TCKT	27/02/2014	SHB-TP.HCM		44.109.738.750	Đầu tư chăm sóc cao su (trả nợ cho RFC)
14	Cty CP Cao su Sơn La	569/CTBL-TCKT	10/3/2014	SHB-TP.HCM		39.503.800.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
15	Cty TNHH MTV Cao su Hương Khê HT	3544/CTBL-CSVN	9/12/2013	SHB		271.592.000.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su + trả nợ cho RFC
16	Cty CP Cao su Lai Châu II	3885/CTBL-TCKT	30/12/2013	SHB-Khánh Hòa		52.244.370.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
17	Cty CP Cao su Lai Châu	213/CTBL-TCKT	23/01/2014	SHB-Khánh Hòa		61.082.948.000	Đầu tư xây dựng cơ bản cao su
18	Cty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	1891/CTBL-TCKT	6/7/2017	Vietinbank - HCM		477.000.000.000	Đầu tư dự án NM CBG và dự án rừng
	Tổng cộng				**1.875.000**	**1.771.281.247.750**	

06. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan chủ yếu
a. Các bên liên quan có giao dịch trong năm

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Bình Phước	Công ty liên kết
Xí Nghiệp liên doanh Visorutex	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty CP Thống Nhất	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Nước Lào	Công ty liên kết
Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Gia Lai	Công ty liên kết

b. Nghiệp vụ giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Thu nhập từ bán cây caosu thanh lý	53.779.519.110	80.865.288.657
	Bán hàng hóa dịch vụ		11.398.301.089
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Bán hàng hóa dịch vụ	36.568.326.000	19.914.186.780
Công ty CP Cao su Bến Thành	Bán hàng hóa dịch vụ		25.578.778.840
	Mua hàng hóa dịch vụ	1.115.895.000	2.162.455.000
Công ty CP KD BOT Đường ĐT.741	Bán hàng hóa dịch vụ	120.485.712	376.495.236
Công ty CP Thống Nhất	Bán hàng hóa dịch vụ	147.901.400	111.001.818
Xí Nghiệp liên doanh Visorutex	Bán hàng hóa dịch vụ		132.840.000
Công ty CP Xây dựng Cao su Đồng Nai	Bán hàng hóa dịch vụ		240.000.000
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Bán hàng hóa dịch vụ		418.079.760
Công ty CP Chế biến Gỗ Cao su Chư Păh	Bán hàng hóa dịch vụ	6.881.515.026	

c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2021 như sau:		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Phải thu khách hàng	8.903.827.425	0
	Người mua trả tiền trước	18.575.915.500	20.095.181.700
	Phải thu khác		3.460.478.418
	Phải trả khác	238.104.680	1.002.769.590
Công ty CP Chỉ sợi Cao su VRG Sa do	Phải thu khách hàng	50.193.676.652	50.808.407.720
Công ty CP Cao su Bến Thành	Phải thu khách hàng		91.932.700
	Trả trước người bán		77.031.900
	Phải trả người bán	292.160.000	347.380.000
Công ty CP ĐTPT VRG Long Thành	Trả trước người bán		0
	Phải trả người bán		11.468.573.000
Xí Nghiệp liên doanh Visorutex	Phải thu khách hàng		146.124.000
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Phải thu khách hàng		694.842.759

d. Thu nhập hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021 VNĐ	Năm 2020 VNĐ
Ông Trần Công Kha	Chủ tịch HĐQT	792.892.085	729.372.000
Ông Lê Thanh Hưng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	767.808.000	645.809.500
Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT	892.001.123	820.548.000
Ông Huỳnh Văn Bảo	Thành viên HĐQT	867.215.392	797.760.000
Ông Hà Văn Khương	Thành viên HĐQT	792.892.085	729.372.000
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên HĐQT	792.892.085	729.372.000
Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	120.268.020	108.312.000
Ông Nguyễn Hay	Thành viên HĐQT	120.268.020	108.312.000
Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	792.892.085	729.372.000
Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	792.892.085	729.372.000
Ông Lê Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	792.892.085	729.372.000
Ông Trần Thanh Phụng	Phó Tổng Giám đốc	767.808.000	645.809.500
Cộng		**8.292.721.065**	**7.502.783.000**

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

08. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 18 tháng 03 năm 2022.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Minh	**Phạm Văn Hỏi Em**	**Lê Thanh Hưng**

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2022